

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN KIỂM TOÁN

Sinh viên : Ngô Thị Lan Anh

Giảng viên hướng dẫn: Th.S. Trần Thị Thanh Thảo

HẢI PHÒNG - 2013

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC
ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH ĐỆM MÚT
NGỌC SƠN**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Ngô Thị Lan Anh - Lớp: QT 1305K
Giảng viên hướng dẫn: Th.S. Trần Thị Thanh Thảo**

HẢI PHÒNG - 2013

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Ngô Thị Lan Anh

Mã SV: 1354010247

Lớp: QT 1305K

Ngành: Kế toán kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định
kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Đệm mút Ngọc Sơn

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp
(về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
 - Nghiên cứu lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

 - Mô tả và phân tích thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Đệm mút Ngọc Sơn

 - Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Đệm mút Ngọc Sơn

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.
 - Số liệu về tình hình kinh doanh công ty TNHH Đệm mút Ngọc Sơn trong 2 năm gần đây
 - Số liệu về thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Đệm mút Ngọc Sơn

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp: Công ty TNHH Đệm mút Ngọc Sơn

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: TRẦN THỊ THANH THẢO

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Đệm mút Ngọc Sơn

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 25 tháng 03 năm 2013

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 29 tháng 06 năm 2013

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2013

Hiệu trưởng

GS.TS.NGŨT *Trần Hữu Nghị*

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

.....
.....
.....

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2013
Cán bộ hướng dẫn
(Ký và ghi rõ họ tên)

MỤC LỤC

| | |
|---|----|
| LỜI MỞ ĐẦU | 1 |
| CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP..... | 1 |
| 1.1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP | 1 |
| 1.1.1. Sự cần thiết của tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh | 1 |
| 1.1.1.1. Ý nghĩa của việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh | 1 |
| 1.1.1.2. Vai trò của kế toán doanh thu, chi phí và xác định KQKD | 1 |
| 1.1.1.3. Yêu cầu, nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh | 2 |
| 1.1.2. Khái quát về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh | 3 |
| 1.1.2.1. Doanh thu | 3 |
| 1.1.2.2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 6 |
| 1.1.3. Chi phí | 7 |
| 1.1.4. Xác định kết quả kinh doanh..... | 10 |
| 1.2. NỘI DUNG CỦA CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP | 12 |
| 1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ , các khoản giảm trừ doanh thu | 12 |
| 1.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 12 |
| 1.2.1.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu | 14 |
| 1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán..... | 16 |
| 1.2.2.1. Chứng từ, sổ sách sử dụng | 16 |
| 1.2.2.2. Tài khoản sử dụng..... | 16 |

| | |
|--|-----------|
| 1.2.2.3. Các phương pháp xác định giá vốn hàng xuất kho | 17 |
| 1.2.2.4. Phương pháp hạch toán | 18 |
| 1.2.3. Kế toán chi phí bán hàng..... | 20 |
| 1.2.3.1. Chứng từ, sổ sách sử dụng | 20 |
| 1.2.3.2. Tài khoản sử dụng..... | 21 |
| 1.2.3.3. Phương pháp hạch toán | 21 |
| 1.2.4. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp | 23 |
| 1.2.4.1. Chứng từ, sổ sách sử dụng | 23 |
| 1.2.4.2. Tài khoản sử dụng..... | 23 |
| 1.2.4.3. Phương pháp hạch toán | 23 |
| 1.2.5. Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính..... | 25 |
| 1.2.5.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính: | 25 |
| 1.2.5.2. Kế toán chi phí tài chính | 26 |
| 1.2.6. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác | 29 |
| 1.2.6.1. Kế toán thu nhập khác..... | 29 |
| 1.2.6.2. Kế toán chi phí khác..... | 30 |
| 1.2.7. Kế toán xác định kết quả kinh doanh..... | 31 |
| 1.2.7.1. Chứng từ, sổ sách sử dụng | 31 |
| 1.2.7.2. Tài khoản sử dụng..... | 31 |
| 1.2.7.3. Phương pháp hạch toán | 33 |
| 1.3. TỔ CHỨC SỔ SÁCH KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP..... | 34 |
| 1.3.1. Hình thức kế toán nhật ký chung | 34 |
| 1.3.2. Hình thức kế toán nhật ký – sổ cái..... | 34 |
| 1.3.3. Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ | 34 |
| 1.3.4. Hình thức kế toán nhật ký- chứng từ | 35 |
| 1.3.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính | 35 |
| CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH ĐỆM MÚT NGỌC SƠN | 38 |

| | |
|---|----|
| 2.1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ C.TY TNHH ĐỆM MÚT NGỌC SƠN | 38 |
| 2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty TNHH Đệm mút Ngọc Sơn..... | 38 |
| 2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty TNHH Đệm mút Ngọc Sơn | 39 |
| 2.1.3. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại công ty TNHH Đệm mút Ngọc Sơn trong 2 năm gần đây..... | 39 |
| 2.1.4. Đặc điểm bộ máy quản lý của công ty TNHH Đệm mút Ngọc Sơn..... | 42 |
| 2.1.4.1. Sơ đồ bộ máy quản lý..... | 42 |
| 2.1.4.2. Chức năng, nhiệm vụ của từng phòng ban..... | 43 |
| 2.1.4.3 Trách nhiệm và quyền hạn của các phòng chức năng tại công ty TNHH Đệm mút Ngọc Sơn..... | 43 |
| 2.1.5. Tổ chức công tác kế toán tại công ty TNHH Đệm mút Ngọc Sơn | 45 |
| 2.1.5.1. Sơ đồ bộ máy quản lý: | 45 |
| 2.1.5.2. Chức năng của từng bộ phận trong bộ máy kế toán | 46 |
| 2.1.5.3. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty | 46 |
| 2.2. THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH ĐỆM MÚT NGỌC SƠN..... | 48 |
| 2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ..... | 48 |
| 2.2.1.1. Phương thức bán hàng, thanh toán và dịch vụ sau bán hàng tại công ty TNHH Đệm mút Ngọc Sơn | 48 |
| 2.2.1.2.Chứng từ, sổ sách sử dụng | 50 |
| 2.2.1.3. Tài khoản sử dụng và sơ đồ hạch toán..... | 50 |
| 2.2.1.4. Ví dụ minh họa | 51 |
| 2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán..... | 56 |
| 2.2.2.1. Nội dung giá vốn hàng bán tại công ty | 56 |
| 2.2.2.2. Chứng từ, sổ sách sử dụng | 56 |
| 2.2.2.3. Tài khoản sử dụng và sơ đồ hạch toán..... | 56 |
| 2.2.2.4. Ví dụ minh họa..... | 57 |

| | |
|---|------------|
| 2.2.3. Kế toán chi phí bán hàng..... | 60 |
| 2.2.3.1. Chứng từ sử dụng..... | 60 |
| 2.2.3.2. Tài khoản sử dụng và sơ đồ hạch toán..... | 60 |
| 2.2.3.3. Ví dụ minh họa..... | 61 |
| 2.2.4. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp | 67 |
| 2.2.4.1. Chứng từ sử dụng..... | 67 |
| 2.2.4.2. Tài khoản sử dụng..... | 67 |
| 2.2.4.3. Sơ đồ hạch toán..... | 67 |
| 2.2.4.4. Ví dụ minh họa..... | 68 |
| 2.2.5. Kế toán hoạt động tài chính | 72 |
| 2.2.5.1 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính | 72 |
| 2.2.5.2. Kế toán chi phí tài chính | 78 |
| 2.2.6. Kế toán hoạt động khác..... | 82 |
| 2.2.6.1. Chứng từ , sổ sách sử dụng..... | 82 |
| 2.2.6.2. Tài khoản sử dụng và sơ đồ hạch toán:..... | 82 |
| 2.2.6.3. Ví dụ minh họa:..... | 83 |
| 2.2.7. Kế toán xác định kết quả kinh doanh..... | 89 |
| 2.2.7.1. Chứng từ, sổ sách sử dụng..... | 89 |
| 2.2.7.2. Tài khoản sử dụng..... | 89 |
| 2.2.7.3. Phương pháp và sơ đồ hạch toán: | 89 |
| 2.2.7.4 Ví dụ minh họa..... | 90 |
| CHƯƠNG 3. HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH ĐỆM MÚT NGỌC SƠN..... | 103 |
| 3.1. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG CHUNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN NÓI CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH ĐỆM MÚT NGỌC SƠN.... | 103 |
| 3.1.1. Ưu điểm..... | 103 |
| 3.1.2. Nhược điểm..... | 105 |

| | |
|--|-----|
| 3.2.MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH ĐỆM MÚT NGỌC SƠN..... | 107 |
| 3.2.1.Tính tất yếu phải hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Đệm nút Ngọc Sơn..... | 107 |
| 3.2.2. Nguyên tắc của việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Đệm nút Ngọc Sơn | 108 |
| 3.2.3. Một số kiến đề nghị hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Đệm nút Ngọc Sơn | 108 |
| 3.2.3.1. Đối với chi phí quản lý doanh nghiệp..... | 109 |
| 3.2.3.2 Trích lập dự phòng phải thu khó đòi..... | 112 |
| 3.2.3.3 Chính sách chiết khấu thương mại và chiết khấu thanh toán | 116 |
| 3.2.3.4 Kiến nghị khác | 119 |
| KẾT LUẬN | 121 |
| TÀI LIỆU THAM KHẢO..... | 124 |

LỜI MỞ ĐẦU

Trong bối cảnh đất nước ta đang từng bước hội nhập kinh tế thế giới, đòi hỏi các doanh nghiệp cần phải năng động tự chủ trong hoạt động kinh doanh và trong vấn đề tài chính. Có thể nói kế toán là cánh tay phải đắc lực giúp nhà quản lý có thể nắm bắt được tình hình tài chính và có thể đưa ra được các quyết định đúng đắn. Sau thời gian thực tập tại công ty TNHH Đệm mút Ngọc Sơn, được sự chỉ bảo tận tình của thạc sỹ Trần Thị Thanh Thảo, em đã quyết định chọn đề tài “ Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Đệm mút Ngọc Sơn” làm đề tài nghiên cứu khoa học

Đề tài gồm ba phần :

PHẦN 1: Lý luận chung về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh

PHẦN 2: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Đệm mút Ngọc Sơn

PHẦN 3: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Đệm mút Ngọc Sơn

Em xin chân thành cảm ơn tới ban lãnh đạo công ty, các phòng ban và đặc biệt là các cô, các anh chị trong phòng kế toán công ty. Em xin chân thành cảm ơn Thạc sỹ Trần Thị Thanh Thảo đã tận tình hướng dẫn, giúp đỡ em rất nhiều trong quá trình hoàn thành bài khóa luận này

Sinh viên

Ngô Thị Lan Anh

CHƯƠNG 1:
LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN
DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH
DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.1.1. Sự cần thiết của tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

1.1.1.1. Ý nghĩa của việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Kế toán xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp có ý nghĩa rất quan trọng trong sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp nói chung, trong việc xác định lượng hàng hóa tiêu thụ thực tế và chi phí tiêu thụ thực tế trong kỳ nói riêng của doanh nghiệp

- Xác định đúng kết quả giúp cho doanh nghiệp biết được tình hình sản xuất kinh doanh của mình trong kỳ, biết được xu hướng phát triển của doanh nghiệp, từ đó doanh nghiệp sẽ đưa ra các biện pháp chiến lược sản xuất kinh doanh cụ thể trong các chu kỳ sản xuất kinh doanh tiếp theo

- Mặt khác, việc xác định này còn là cơ sở để tiến hành hoạt động phân phối kết quả kinh doanh cho từng bộ phận của doanh nghiệp. Do đó đòi hỏi kế toán doanh nghiệp phải xác định và phản ánh một cách đúng đắn kết quả kinh doanh của doanh nghiệp mình

1.1.1.2. Vai trò của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Doanh thu của doanh nghiệp có ý nghĩa rất lớn đối với toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp:

- Doanh thu là nguồn tài chính quan trọng để đảm bảo trang trải các khoản chi phí hoạt động kinh doanh, đảm bảo cho doanh nghiệp có thể tái sản xuất giản đơn cũng như tái sản xuất mở rộng
- Là nguồn để các doanh nghiệp có thể thực hiện các nghĩa vụ với nhà nước như nộp các khoản thuế theo quy định
- Là nguồn để có thể tham gia góp vốn cổ phần, tham gia liên doanh, liên kết với các đơn vị khác. Trường hợp doanh thu không đủ đảm bảo các khoản chi phí đã bỏ ra, doanh nghiệp sẽ gặp khó khăn về tài chính. Nếu tình trạng này kéo dài sẽ làm cho doanh nghiệp không đủ sức cạnh tranh trên thị trường và tất yếu sẽ đi tới phá sản
- Vai trò quan trọng nhất của doanh thu được thể hiện thông qua quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, lao vụ, dịch vụ... Nó có vai trò quan trọng không chỉ đối với mỗi đơn vị kinh tế mà còn đối với toàn bộ nền kinh tế quốc dân. Cũng xuất phát từ doanh thu mà ta đi đến việc xác định được kết quả kinh doanh của doanh nghiệp

1.1.1.3. Yêu cầu, nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Để đáp ứng nhu cầu quản lý về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, kế toán cần phải thực hiện tổ các nhiệm vụ sau đây :

- Phản ánh, ghi chép đầy đủ tình hình hiện có và sự biến động về mặt số lượng, chất lượng, chủng loại, quy cách, mẫu mã... đối với từng loại hàng hoá, dịch vụ bán ra.
- Phản ánh, ghi chép đầy đủ, kịp thời các khoản doanh thu, chi phí để xác định kết quả kinh doanh.
- Theo dõi thường xuyên, liên tục tình hình biến động tăng, giảm các khoản doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, doanh thu hoạt động bất thường.
- Phải theo dõi chi tiết, riêng biệt theo từng loại doanh thu nhằm phản ánh kịp thời, chi tiết, đầy đủ kết quả kinh doanh làm căn cứ lập báo cáo tài chính.

- Ghi chép, phản ánh chi tiết, kịp thời, chính xác các khoản giảm trừ doanh thu, các khoản phải thu, chi phí của từng hoạt động trong doanh nghiệp, đồng thời theo dõi và đôn đốc các khoản phải thu khách hàng.
- Xác định chính xác kết quả hoạt động kinh doanh, giám sát tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước.
- Cung cấp các thông tin kế toán phục vụ cho việc lập các báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh doanh liên quan đến doanh thu và xác định kết quả kinh doanh.
- Xác lập được quá trình luân chuyển chứng từ về kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh.
- Phản ánh đầy đủ, kịp thời, chi tiết tình hình tiêu thụ ở tất cả các trạng thái như: hàng đi đường, hàng tồn kho, hàng gửi bán...
- Xác định đúng thời điểm hàng hoá được coi là tiêu thụ để kịp thời lập báo cáo tiêu thụ, phản ánh doanh thu, báo cáo thường xuyên tình hình tiêu thụ và thanh toán chi tiết theo từng loại hàng hoá, từng hợp đồng kinh tế.
- Xác định và tập hợp đầy đủ giá vốn, chi phí bán hàng, kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch về doanh thu, lợi nhuận. Từ đó đưa ra những kiến nghị, biện pháp nhằm hoàn thiện việc tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh nhằm cung cấp cho ban lãnh đạo để có những việc làm cụ thể phù hợp với thị trường.

1.1.2. Khái quát về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

1.1.2.1. Doanh thu

a, Khái quát về doanh thu

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 “doanh thu và thu nhập khác” ban hành theo thông tư số 149/2001/QĐ/BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng Bộ tài chính và thông tư số 89/2002/TT – BTC thì:

- Doanh thu được hiểu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là toàn bộ số tiền thu được hoặc sẽ

thu được từ các giao dịch và các nghiệp vụ phát sinh doanh thu như: Bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có)

- Doanh thu thuần là doanh thu bán hàng sau khi đã trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu như: chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế theo phương pháp trực tiếp

- Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm: lãi cho vay; lãi tiền gửi; lãi bán hàng trả chậm, trả góp; lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu; chiết khấu thanh toán được hưởng khi mua hàng hoá dịch vụ; lãi cho thuê tài chính; thu nhập từ cho thuê tài sản, cho người khác sử dụng tài sản; cổ tức, lợi nhuận được chia khi góp vốn liên doanh; thu nhập từ hoạt động đầu tư, mua bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn; thu nhập từ chuyển nhượng hay cho thuê cơ sở hạ tầng; thu nhập về các hoạt động đầu tư khác; chênh lệch lãi do bán ngoại tệ; khoản lãi chênh lệch tỷ giá ngoại tệ...

- Thu nhập khác bao gồm: thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định; thu tiền do khách hàng vi phạm hợp đồng kinh tế; thu các khoản nợ khó đòi đã qua xử lý xoá sổ; các khoản thuế được ngân sách nhà nước hoàn lại; thu nhập từ các khoản phải trả không xác định được chủ; các khoản thu nhập khác...

b, Điều kiện ghi nhận doanh thu:

Việc xác định và ghi nhận doanh thu phải tuân thủ các quy định trong chuẩn mực kế toán số 14 và các chuẩn mực khác có liên quan

✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thoả mãn đồng thời 5 điều kiện:

1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá cho người mua.
2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm, hàng hoá như người sở hữu sản phẩm, hàng hoá hoặc quyền kiểm soát sản phẩm, hàng hoá.
3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
4. Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán

hàng.

5. Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

✓ Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ:

Được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách tin cậy

Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó

✓ Kết quả của giao dịch về cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn 4 điều kiện sau:

1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn
2. Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó
3. Xác định được phần công việc vào ngày lập Bảng cân đối
4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

✓ Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia:

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:

1. Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó
2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn

Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận trên cơ sở :

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ
- Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn

c, Thời điểm ghi nhận doanh thu được quy định:

- Bán hàng theo phương thức gửi đi bán:

Phương thức gửi đi bán bao gồm: gửi bán theo hợp đồng; bán hàng qua đại lý; đơn vị nhận ký gửi. Theo phương thức này, doanh nghiệp xuất kho thành phẩm, hàng hoá gửi đi bán cho đơn vị nhận hàng theo hợp đồng ký kết giữa hai bên.

Khi hàng xuất kho gửi đi bán thì chưa được xác định là tiêu thụ. Khi doanh nghiệp đã nhận được tiền bán hàng hoặc chứng từ chấp nhận thanh toán của đại lý và đơn vị nhận hàng thì số hàng đó mới chính thức coi là tiêu thụ và doanh nghiệp có quyền ghi nhận doanh thu.

- Bán hàng theo phương thức trực tiếp:

Theo phương thức này, sau khi người mua đã kiểm tra và chấp nhận số lượng cũng như chất lượng của hàng hoá, sản phẩm cần mua thì căn cứ vào hợp đồng mua bán đã được ký kết, sau khi người mua nhận được hàng, người bán giao hoá đơn bán hàng thì số hàng đó được xác định là tiêu thụ, người bán có quyền ghi nhận doanh thu.

- Bán hàng theo phương thức giao thẳng:

Theo phương thức này, doanh nghiệp mua hàng và nhận hàng của người cung cấp rồi giao thẳng cho khách hàng mà không qua nhập kho của doanh nghiệp. Khi đó, nghiệp vụ mua - bán xảy ra đồng thời. Khi doanh nghiệp đã nhận được tiền bán hàng hoặc chứng từ chấp nhận thanh toán của người mua thì doanh nghiệp có quyền ghi nhận doanh thu. Phương thức này chủ yếu áp dụng ở các doanh nghiệp thương mại.

- Bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp:

Theo phương thức này, khi bán hàng doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả tiền ngay, khách hàng được chậm trả tiền hàng và phải chịu phần lãi chậm trả theo tỷ lệ quy định trong hợp đồng mua bán hàng. Phần lãi chậm trả được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá trả tiền một lần, không bao gồm tiền lãi về trả chậm, trả góp.

1.1.2.2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm có:

*) Chiết khấu thương mại:

Chiết khấu thương mại là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với số lượng lớn. Khoản giảm giá có thể phát sinh trên

khối lượng của từng lô hàng mà khách hàng đã mua, cũng có thể phát sinh trên tổng khối lượng hàng lũy kế mà khách hàng đã mua trong một khoảng thời gian nhất định tùy thuộc vào chính sách chiết khấu thương mại của bên bán.

*) Giảm giá hàng bán:

Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do toàn bộ hoặc một phần hàng hoá đã được coi là tiêu thụ nhưng kém phẩm chất, sai quy cách hoặc lạc hậu thị hiếu.

*) Hàng bán bị trả lại:

Doanh thu hàng bán bị trả lại là doanh thu của hàng bán đã xác định là tiêu thụ nhưng bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán vì các nguyên nhân sau: vi phạm cam kết; vi phạm hợp đồng kinh tế; hàng bị mất; kém phẩm chất, không đúng chủng loại quy cách... Khi doanh nghiệp ghi nhận doanh thu hàng bán bị trả lại sẽ đồng thời ghi nhận giảm tương ứng giá vốn hàng bán trong kỳ.

*) Các loại thuế làm giảm trừ doanh thu :

- Thuế tiêu thụ đặc biệt được coi là một trong các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh khi doanh nghiệp cung cấp các loại sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất (hoặc các loại dịch vụ) thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt cho khách hàng.

- Thuế xuất khẩu được coi là một trong các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh khi doanh nghiệp có hàng hoá được phép xuất khẩu qua cửa khẩu hay biên giới. Doanh nghiệp phải có nghĩa vụ nộp thuế xuất khẩu. Trong doanh thu của hàng xuất khẩu đã bao gồm số thuế xuất khẩu phải nộp vào ngân sách nhà nước.

- Thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp là thuế tính trên giá trị tăng thêm của hàng hoá dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng. Thuế GTGT phải nộp tương ứng với số doanh thu đã xác định trong kỳ báo cáo.

1.1.3. Chi phí

Chi phí là các khoản chi phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, cho các hoạt động khác...mà doanh nghiệp phải bỏ ra để thực hiện các hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định. Chi phí bao gồm các khoản:

a, **Giá vốn hàng bán** là giá trị thực tế xuất kho của số sản phẩm, hàng hoá (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hoá đã bán ra trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã được xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

b, **Chi phí bán hàng**: Là toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá và cung cấp dịch vụ. Chi phí bán hàng bao gồm:

- Chi phí nhân viên bán hàng: phản ánh các khoản phải trả cho nhân viên bán hàng, nhân viên đóng gói, vận chuyển, bảo quản sản phẩm hàng hoá... Bao gồm tiền lương, tiền ăn giữa ca, tiền công và các khoản trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn...

- Chi phí vật liệu bao bì: phản ánh các khoản chi phí vật liệu bao bì xuất dùng cho việc giữ gìn, tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ... như chi phí vật liệu đóng gói sản phẩm, hàng hoá; chi phí vật liệu, nhiên liệu dùng cho bảo quản, bốc vác, vận chuyển sản phẩm trong quá trình tiêu thụ; chi phí vật liệu dùng cho sửa chữa, bảo quản tài sản cố định... dùng cho bộ phận bán hàng.

- Chi phí dụng cụ, đồ dùng: phản ánh chi phí về công cụ, dụng cụ phục vụ cho quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá như: dụng cụ đo lường, phương tiện tính toán, phương tiện làm việc...

- Chi phí khấu hao tài sản cố định: phản ánh chi phí khấu hao tài sản cố định ở bộ phận bảo quản, bán hàng như: nhà kho, cửa hàng, bến bãi, phương tiện vận chuyển, bốc dỡ, phương tiện tính toán, đo lường, kiểm nghiệm chất lượng...

- Chi phí bảo hành sản phẩm: phản ánh các khoản chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá. Riêng chi phí sửa chữa, bảo hành công trình xây lắp được phản ánh vào chi phí sản xuất chung, không phản ánh vào chi phí bán hàng.

- Chi phí dịch vụ mua ngoài: phản ánh các khoản chi phí dịch vụ mua ngoài

phục vụ cho bán hàng như: chi phí thuê ngoài sửa chữa tài sản cố định phục vụ trực tiếp cho khâu bán hàng, tiền thuê kho, thuê bãi, tiền thuê bốc dỡ, vận chuyển sản phẩm, hàng hoá đi bán, tiền trả hoa hồng cho đại lý bán hàng, cho đơn vị nhận uỷ thác xuất khẩu...

- Chi phí bằng tiền khác: phản ánh các chi phí bằng tiền khác phát sinh trong khâu bán hàng ngoài các chi phí đã nêu như trên, như: chi phí tiếp khách ở bộ phận bán hàng, chi phí giới thiệu sản phẩm, hàng hoá, quảng cáo, chào hàng, chi phí hội nghị khách hàng...

c, **Chi phí quản lý doanh nghiệp** : Là toàn bộ chi phí liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung toàn doanh nghiệp. Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm:

- Chi phí nhân viên quản lý: phản ánh các khoản phải trả cho cán bộ nhân viên quản lý doanh nghiệp như tiền lương, các khoản phụ cấp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn của Ban giám đốc, nhân viên quản lý ở các phòng ban của doanh nghiệp.

- Chi phí vật liệu quản lý: phản ánh chi phí vật liệu xuất dùng cho công tác quản lý quản lý doanh nghiệp như: văn phòng phẩm, vật liệu sử dụng cho việc sửa chữa tài sản cố định, công cụ, dụng cụ...(giá có thuế hoặc chưa có thuế GTGT).

- Chi phí đồ dùng văn phòng: phản ánh chi phí đồ dùng, dụng cụ văn phòng cho công tác quản lý (giá có thuế hoặc chưa có thuế GTGT)

- Chi phí khấu hao tài sản cố định: phản ánh chi phí khấu hao tài sản cố định dùng trong doanh nghiệp như: nhà cửa làm việc của các phòng ban, kho tàng, vật kiến trúc, phương tiện vận tải, truyền dẫn, máy móc thiết bị quản lý dùng trên văn phòng.

- Thuế, phí và lệ phí: phản ánh chi phí về thuế, phí, lệ phí như: thuế môn bài, tiền thuê đất, và các khoản phí, lệ phí khác.

- Chi phí dự phòng: phản ánh các khoản dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

- Chi phí dịch vụ mua ngoài: phản ánh các chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho công tác quản lý doanh nghiệp, các khoản chi mua và sử dụng các tài liệu kỹ thuật, bằng sáng chế... (không đủ tiêu chuẩn ghi nhận tài sản cố định) được tính theo phương pháp phân bổ dần vào chi phí quản lý doanh nghiệp, tiền thuê tài sản cố định, chi phí trả cho nhà thầu phụ.

- Chi phí bằng tiền khác: phản ánh các chi phí khác thuộc quản lý chung của doanh nghiệp, ngoài các chi phí đã nêu trên như: chi phí hội nghị tiếp khách, công tác phí, tàu xe, khoản chi cho lao động nữ...

d, **Chi phí hoạt động tài chính** bao gồm: các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn; chi phí giao dịch bán chứng khoán; dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

e, **Chi phí khác** là các chi phí của các hoạt động ngoài các hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp

Chi phí khác bao gồm : chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý nhượng bán; tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế; các khoản chi phí do kế toán bị nhầm khi ghi sổ; các khoản chi phí khác...

f, **Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu trên kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là khoản chi phí phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành

Căn cứ tính thuế thu nhập doanh nghiệp là thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế và thuế suất thu nhập doanh nghiệp. Thu nhập chịu thuế trong kỳ bao gồm thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ và thu nhập khác

Thuế TNDN phải nộp = Thu nhập chịu thuế X Thuế suất thuế TNDN

1.1.4. Xác định kết quả kinh doanh

- Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định, biểu hiện bằng số tiền lãi hay lỗ. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm:.

$$\begin{array}{rcccl} \text{Kết quả} & & \text{Doanh thu} & \text{Giá vốn} & \text{Chi} & \text{Chi phí} \\ \text{hoạt động} & = & \text{thuần từ bán} & \text{hàng} & \text{phí} & \text{quản lý} \\ \text{sản xuất} & & \text{hàng và cung} & \text{bán} & \text{bán} & \text{doanh} \\ \text{kinh doanh} & & \text{cấp dịch vụ} & & \text{hàng} & \text{nghiệp} \\ \text{chính} & & & & & \end{array}$$

- Kết quả hoạt động tài chính: Là chênh lệch giữa thu nhập hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

$$\text{Kết quả hoạt động tài chính} = \text{Doanh thu hoạt động tài chính} - \text{Chi phí tài chính}$$

- Kết quả hoạt động khác: Là chênh lệch giữa khoản thu nhập khác và chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

$$\text{Kết quả hoạt động khác} = \text{Thu nhập khác} - \text{Chi phí khác}$$

- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế: là tổng kết quả hoạt động kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

- Tổng lợi nhuận sau thuế: là số chênh lệch giữa tổng lợi nhuận kế toán trước thuế với thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

Kết quả kinh doanh là biểu hiện số tiền lãi (lỗ) từ các loại hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định.

Số tiền lãi (lỗ) được phân phối như sau:

Nếu lãi doanh nghiệp tiến hành phân phối theo trình tự sau:

- + Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp
- + Nộp tiền thu về sử dụng vốn ngân sách nhà nước
- + Trừ các khoản chi thực tế đã chi nhưng không được tính vào chi phí hợp lý, hợp lệ, các khoản lỗ năm trước chuyển sang
- + Trích lập các quỹ: quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng phúc lợi...

+Chia lãi các bên tham gia góp vốn

Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp là chỉ tiêu quan trọng , thông qua chỉ tiêu này sẽ biết được trong kỳ sản xuất kinh doanh đã qua doanh nghiệp lỗ hay lãi, tức là kinh doanh hiệu quả hay chưa hiệu quả. Điều này giúp nhà quản lý đưa ra những chính sách phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp

Kết quả kinh doanh = Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh chính + Kết quả hoạt động tài chính + Kết quả hoạt động khác

1.2. NỘI DUNG CỦA CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ , các khoản giảm trừ doanh thu

1.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1.2.1.1.1. Chứng từ, sổ sách sử dụng

- Hoá đơn bán hàng thông thường, hoá đơn GTGT.
- Hợp đồng mua bán.
- Bảng thanh toán hàng đại lý, kí gửi
- Phiếu xuất kho
- Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, Giấy báo Có của ngân hàng
- Sổ Nhật ký chung, Sổ cái TK 511
- Bảng cân đối số phát sinh, Báo cáo tài chính

1.2.1.1.2. Tài khoản sử dụng

TK 511 có 6 tài khoản cấp 2 :

- + TK 5111 : Doanh thu bán hàng hoá.
- + TK 5112 : Doanh thu bán các thành phẩm.
- + TK 5113 : Doanh thu cung cấp dịch vụ
- + TK 5114 : Doanh thu trợ cấp trợ giá.
- + TK 5117 : Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư.
- + TK 5118 : Doanh thu khác

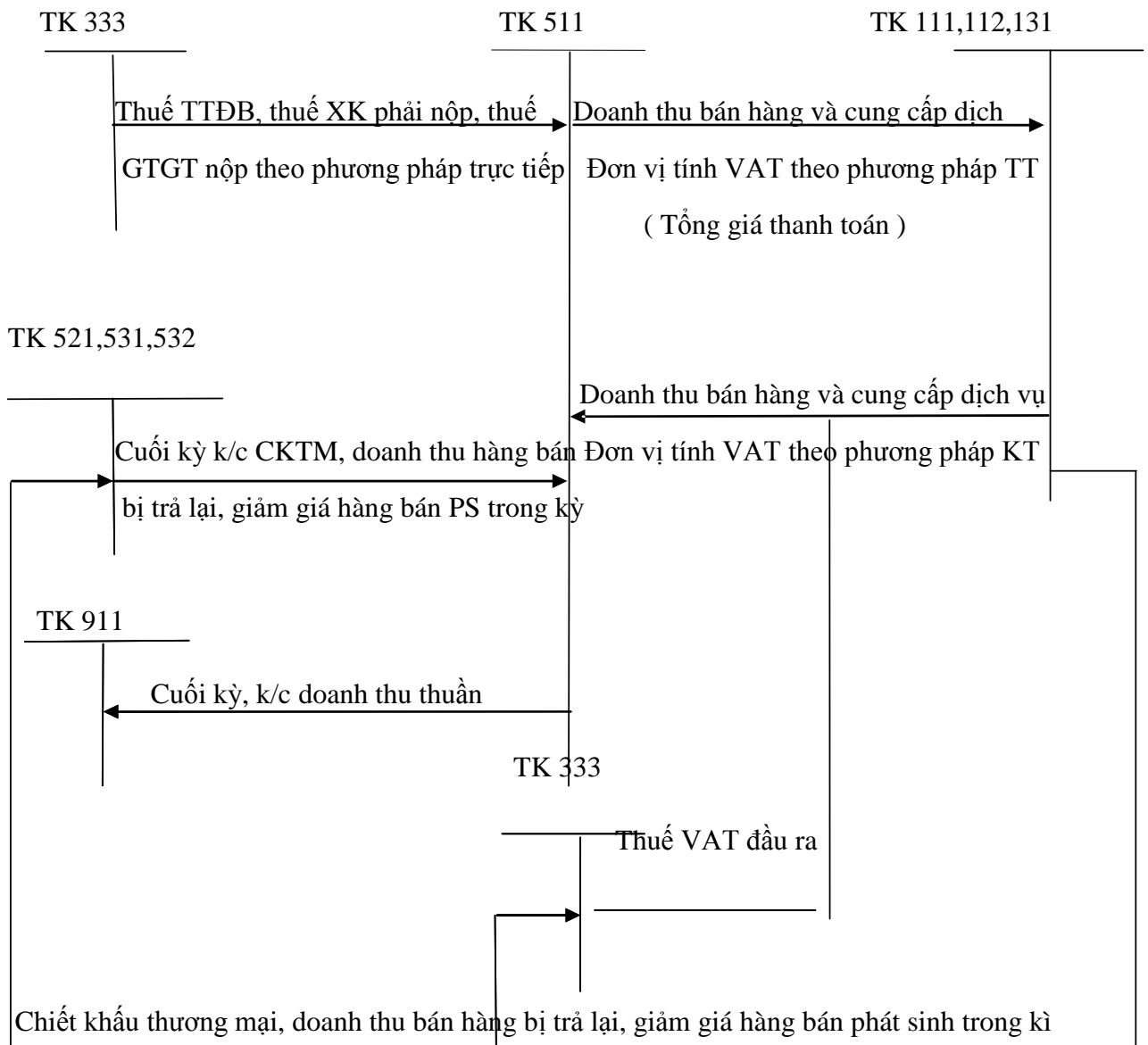
Kết cấu tài khoản:

| <i>Nợ</i> | <i>TK 511</i> | <i>Có</i> |
|--|---|----------------------|
| <ul style="list-style-type: none"> - Phản ánh số thuế TTĐB, thuế XK tính trên doanh số bán trong kỳ kế toán - Số giảm giá hàng bán và doanh thu hàng bán bị trả được kết chuyển giảm trừ vào doanh thu - Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh” | <ul style="list-style-type: none"> - Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ của DN đã thực hiện trong kỳ kế toán | |
| Tổng số phát sinh nợ | | Tổng số phát sinh có |

~~_____~~
Tài khoản 511 không có số dư

1.2.1.1.3. Phương pháp hạch toán

Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ :



Sơ đồ 1.1 : Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1.2.1.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

1.2.1.2.1. Chứng từ, sổ sách sử dụng

- Hoá đơn GTGT.
- Phiếu chi.
- Giấy báo Nợ, các chứng từ khác có liên quan.
- Sổ nhật ký chung, sổ cái các TK 521,532,532

1.2.1.2.2. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 521 – Chiết khấu thương mại

Tài khoản 521 có 3 tài khoản cấp 2 sau:

TK 5211 – Chiết khấu hàng hóa

TK 5212 – Chiết khấu thành phẩm

TK 5213 – Chiết khấu dịch vụ

Kết cấu tài khoản

| <i>Nợ</i> | <i>TK 521</i> | <i>Có</i> |
|--|---------------|-------------------------------------|
| Chiết khấu thương mại thực tế phát sinh trong kỳ | | Kết chuyển xác định doanh thu thuần |
| Tổng phát sinh nợ | | Tổng phát sinh có |

Tài khoản 521 không có số dư

Tài khoản 531 – Hàng bán bị trả lại

| <i>Nợ</i> | <i>TK 531</i> | <i>Có</i> |
|--|---------------|-------------------------------------|
| Doanh thu của hàng bán bị trả lại phát sinh trong kỳ | | Kết chuyển xác định doanh thu thuần |
| Tổng phát sinh nợ | | Tổng phát sinh có |

Tài khoản 531 không có số dư

Tài khoản 532 – Giảm giá hàng bán

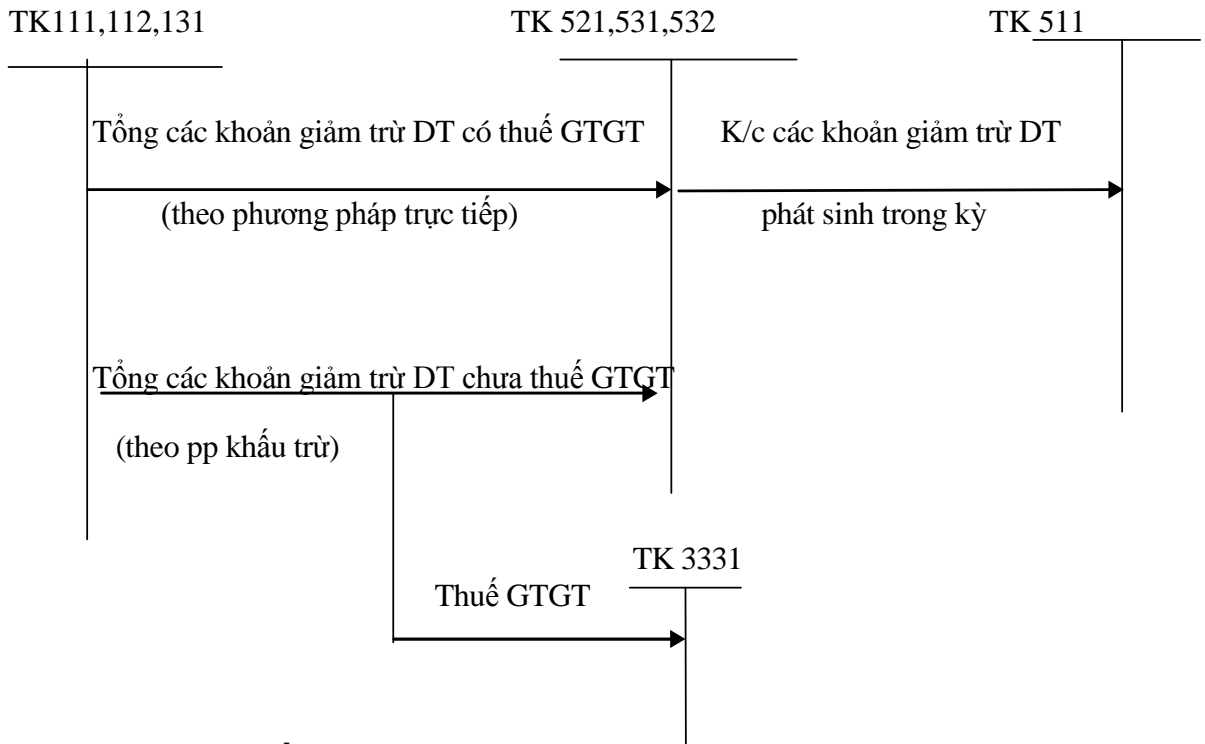
Kết cấu tài khoản

| <i>Nợ</i> | <i>TK 532</i> | <i>Có</i> |
|--|---------------|-------------------------------------|
| Các khoản giảm giá hàng bán phát sinh trong kỳ | | Kết chuyển xác định doanh thu thuần |
| Tổng phát sinh nợ | | Tổng phát sinh có |

Tài khoản 532 không có số dư

1.2.1.2.3. Phương pháp hạch toán

Trình tự hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu được khái quát theo sơ đồ:



Sơ đồ 1.2: Hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu

1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán

1.2.2.1. Chứng từ, sổ sách sử dụng

- Hóa đơn GTGT.
- Phiếu xuất kho
- Hợp đồng kinh tế, các chứng từ khác có liên quan..
- Sổ nhật ký chung, sổ cái TK 632

1.2.2.2. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán

Kết cấu tài khoản:

| <i>Nợ</i> | TK 632 | <i>Có</i> |
|---|---------------|--|
| - Giá vốn hàng đã bán - Lập dự phòng giảm giá hàng hóa tồn kho | | - Hoàn nhập khoản dự phòng - Kết chuyển để xác định KQ KD |
| Tổng phát sinh | | Tổng phát sinh có |

X

Tài khoản 632 không có số dư

1.2.2.3. Các phương pháp xác định giá vốn hàng xuất kho:

Theo chuẩn mực số 02 – HTK ban hành và công bố theo QĐ số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, việc tính giá mua thực tế của hàng xuất kho để bán được tính theo một trong bốn phương pháp sau:

Trị giá hàng xuất kho = Lượng hàng hoá xuất kho * Giá đơn vị xuất kho

(1) Phương pháp tính theo giá đích danh :

Phương pháp này dựa trên cơ sở xuất kho hàng hóa thuộc lô hàng nào thì lấy đúng giá vốn của lô hàng đó để tính giá vốn hàng xuất kho. Áp dụng phương pháp này trong trường hợp kế toán nhận diện được từng lô hàng, từng loại hàng hóa tồn kho, từng lần mua vào và từng đơn giá theo từng hóa đơn của chúng. Phương pháp này được áp dụng trong trường hợp doanh nghiệp kinh doanh những mặt hàng có giá trị cao, số lần nhập xuất ít

(2) Theo phương pháp bình quân gia quyền:

Trị giá vốn thực tế của hàng xuất kho được căn cứ vào số lượng vật tư xuất kho và đơn giá bình quân gia quyền, theo công thức:

$$\text{Trị giá vốn thực tế của hàng xuất kho} = \text{Số lượng hàng xuất kho} \times \text{Đơn giá bình quân}$$

Trong đó, đơn giá bình quân được tính theo hai phương pháp:

- Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ:

$$\text{Đơn giá bình quân của hàng hóa xuất kho trong kỳ} = \frac{\text{Trị giá thực tế hàng tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá thực tế hàng hóa nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng hóa tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng hóa nhập trong kỳ}}$$

Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ tuy đơn giản, dễ làm nhưng độ chính xác không cao. Hơn nữa, công việc tính toán đơn giản dồn vào cuối tháng, gây ảnh hưởng đến công tác quyết toán nói chung

- Phương pháp bình quân sau mỗi lần nhập:

Giá đơn vị bình quân **Trị giá thực tế hàng hóa tồn kho sau lần nhập thứ i**
sau mỗi lần nhập thứ i = **Số lượng thực tế hàng hóa tồn kho sau lần nhập thứ i**

Phương pháp giá đơn vị bình quân sau mỗi lần nhập lại khắc phục được nhược điểm của phương pháp trên, vừa chính xác, vừa cập nhật. Nhược điểm của phương pháp này là tốn nhiều công sức, tính toán nhiều lần

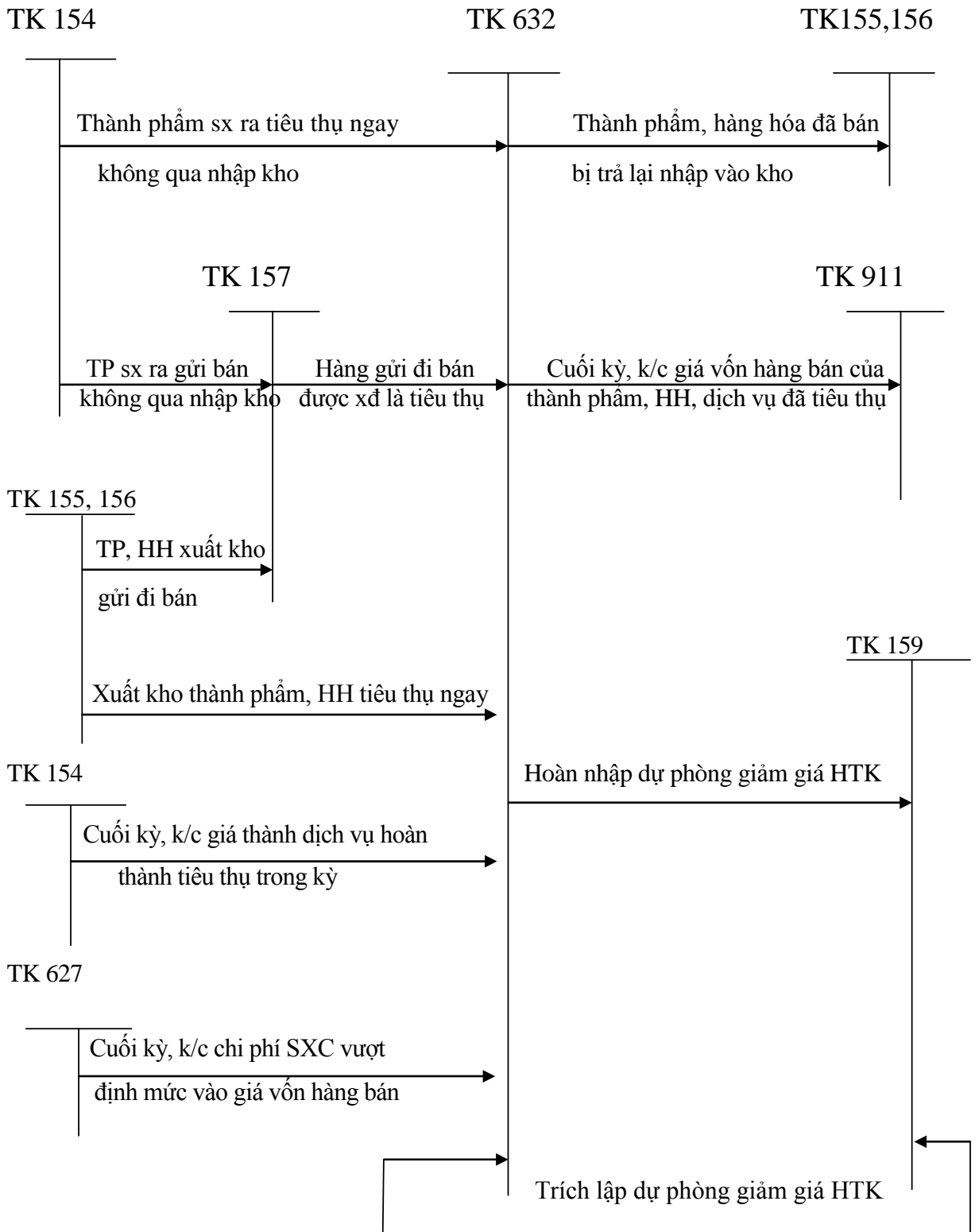
(3) Phương pháp nhập trước - xuất trước (FIFO):

Phương pháp này áp dụng dựa trên giả định là hàng tồn kho được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất gần thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho.

(4) Phương pháp nhập sau, xuất trước (LIFO):

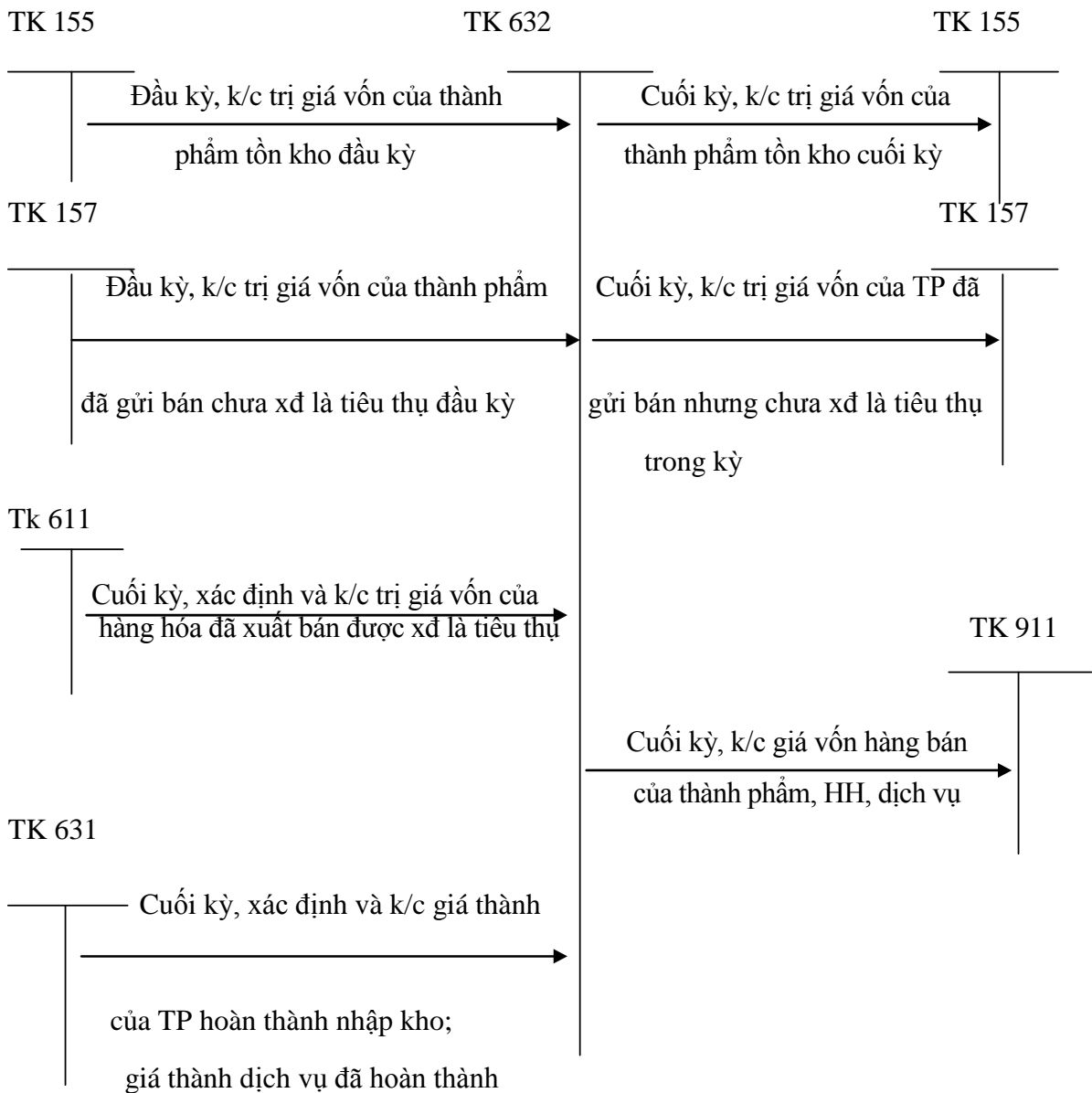
Phương pháp này áp dụng dựa trên giả định là hàng tồn kho được mua sau hoặc sản xuất sau thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trước đó. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ còn tồn kho.

1.2.2.4. Phương pháp hạch toán



**Sơ đồ 1.3 a : Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán
(Phương pháp kê khai thường xuyên)**

Trình tự hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ:



**Sơ đồ 1.3 b : Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán
(Phương pháp kiểm kê định kỳ)**

1.2.3. Kế toán chi phí bán hàng

1.2.3.1. Chứng từ, sổ sách sử dụng

- Hóa đơn GTGT.
- Bảng phân bổ tiền lương và các khoản trích theo lương
- Bảng phân bổ công cụ, dụng cụ

- Bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định.
- Phiếu chi, Giấy báo nợ của ngân hàng...

1.2.3.2. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 641 có 7 tài khoản cấp 2:

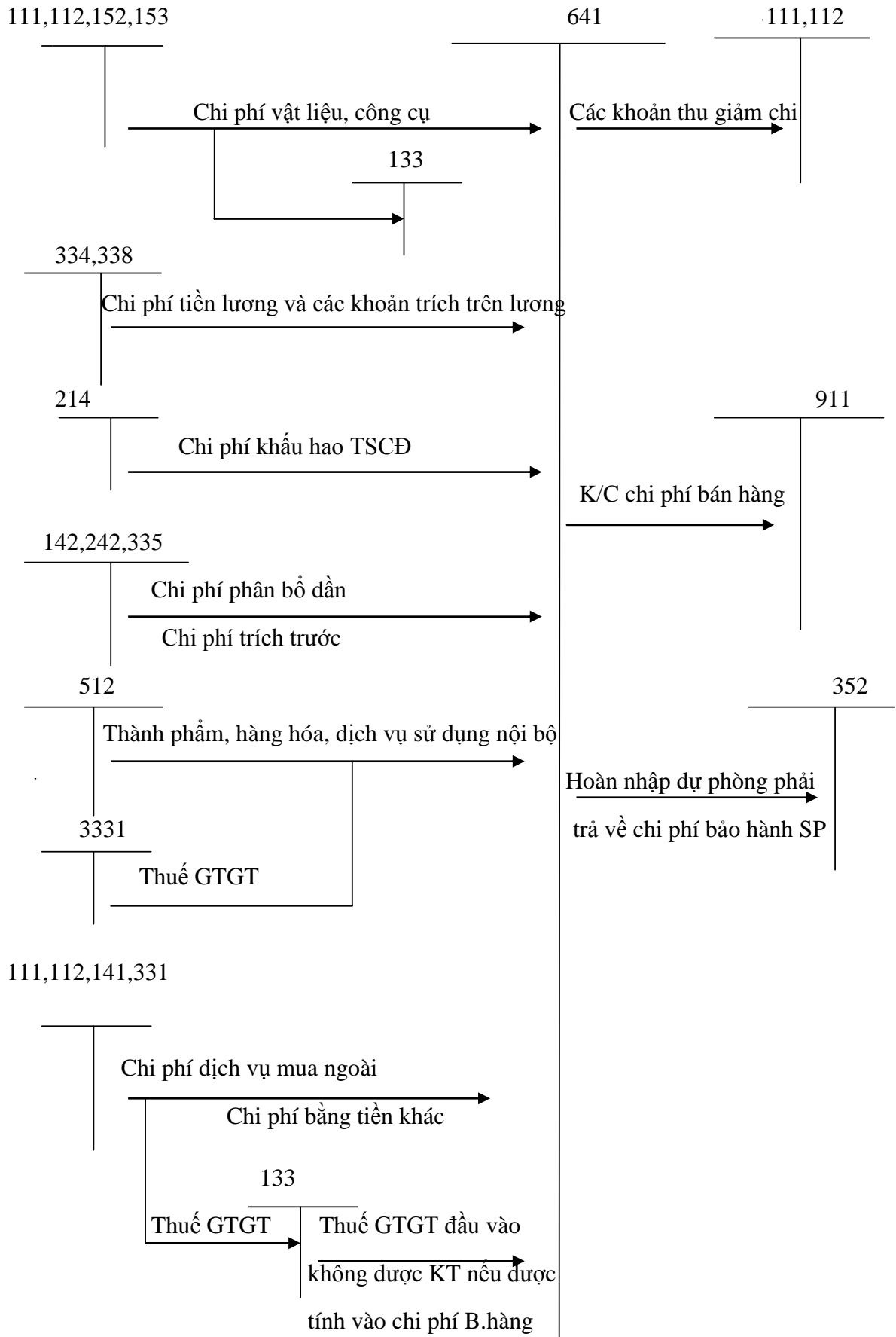
- TK 6411: Chi phí nhân viên.
- TK 6412: Chi phí vật liệu, bao bì.
- TK 6413: Chi phí dụng cụ, đồ dùng.
- TK 6414: Chi phí khấu hao tài sản cố định.
- TK 6415: Chi phí bảo hành.
- TK 6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài.
- TK 6418: Các chi phí khác bằng tiền.

Kết cấu tài khoản

| <i>Nợ</i> | <i>TK 641</i> | <i>Có</i> |
|---|--|----------------------|
| - Tập hợp các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ của DN | Kết chuyển xác định kết quả kinh doanh | |
| Tổng số phát sinh nợ | | Tổng số phát sinh có |

~~Tài khoản 641 không có số dư~~

1.2.3.3. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán chi phí bán hàng

1.2.4. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

1.2.4.1. Chứng từ, sổ sách sử dụng

- Hóa đơn GTGT.
- Bảng phân bổ tiền lương và các khoản trích theo lương
- Bảng phân bổ công cụ, dụng cụ
- Bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định.
- Phiếu chi, Giấy báo nợ của ngân hàng...

1.2.4.2. Tài khoản sử dụng

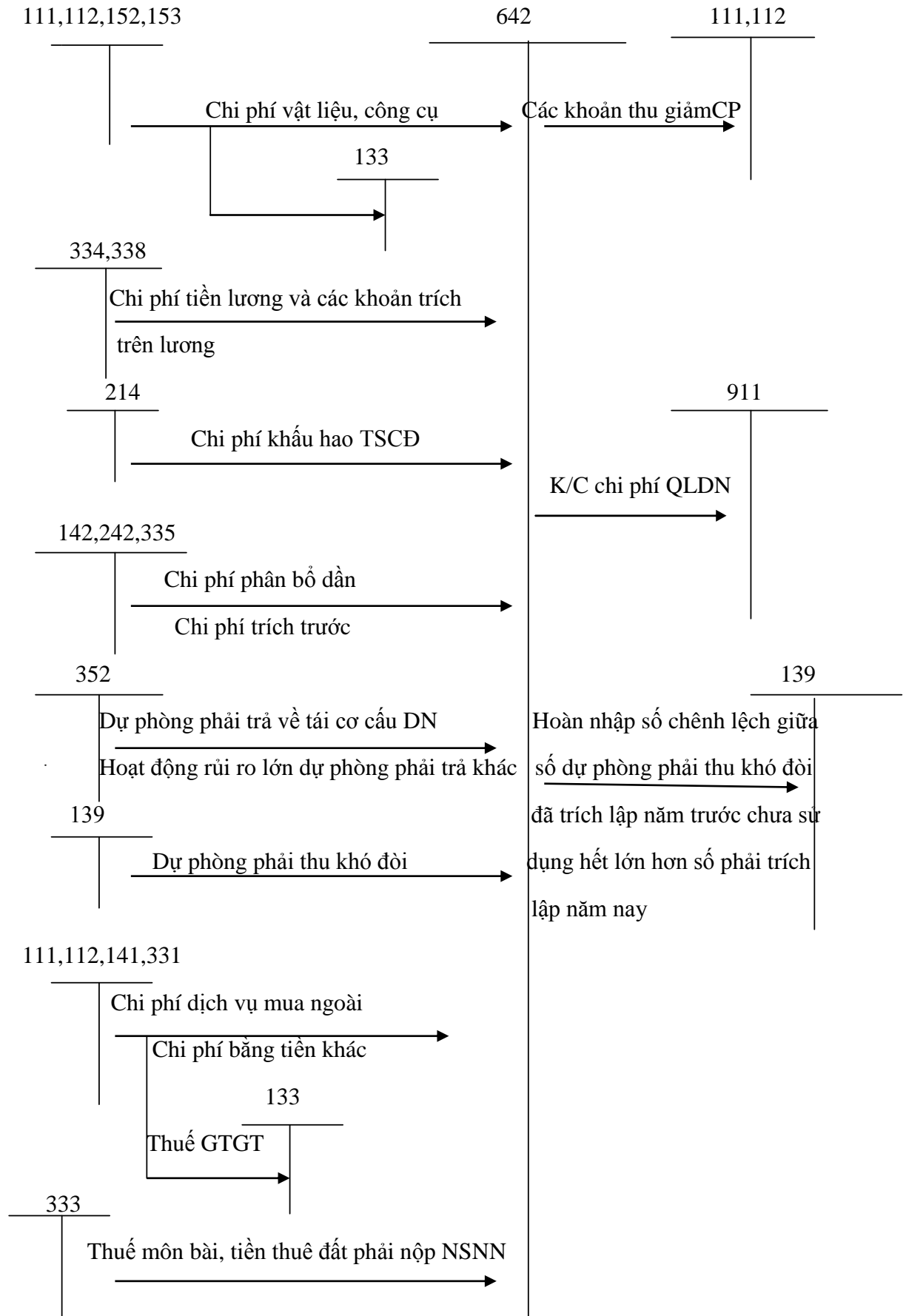
Tài khoản 642 có 8 tài khoản cấp 2:

- TK 6421: Chi phí nhân viên quản lý.
- TK 6422: Chi phí vật liệu quản lý.
- TK 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng.
- TK 6424: Chi phí khấu hao tài sản cố định.
- TK 6425: Thuế, phí và lệ phí.
- TK 6426: Chi phí dự phòng.
- TK 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài.
- TK 6428: Chi phí khác bằng tiền.

| <i>Nợ</i> | <i>TK 642</i> | <i>Có</i> |
|---|---|-------------------|
| - Các CP quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ - Số dự phòng phải thu khó đòi, dự kiến phải trả - Dự phòng trợ cấp mất việc làm | - Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả - Kết chuyển xác định KQ kinh doanh | |
| Tổng phát sinh nợ | | Tổng phát sinh có |

Tài khoản 641 không có số dư

1.2.4.3. Phương pháp hạch toán :



Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hạch toán chi phí QLDN

1.2.5. Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính

Hoạt động tài chính là những hoạt động có liên quan đến việc huy động, quản lý và sử dụng vốn kinh doanh của doanh nghiệp. Hoạt động tài chính trong doanh nghiệp rất đa dạng, phong phú, trong đó chủ yếu là các hoạt động tham gia liên doanh, đầu tư chứng khoán, cho thuê tài sản, kinh doanh bất động sản

1.2.5.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính:

1.2.5.1.1. Chứng từ, sổ sách sử dụng

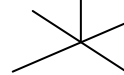
- Hoá đơn GTGT.
- Phiếu thu, phiếu chi.
- Giấy báo nợ, giấy báo có, các chứng từ khác có liên quan.
- Sổ nhật ký chung, sổ cái TK 515

1.2.5.1.2. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

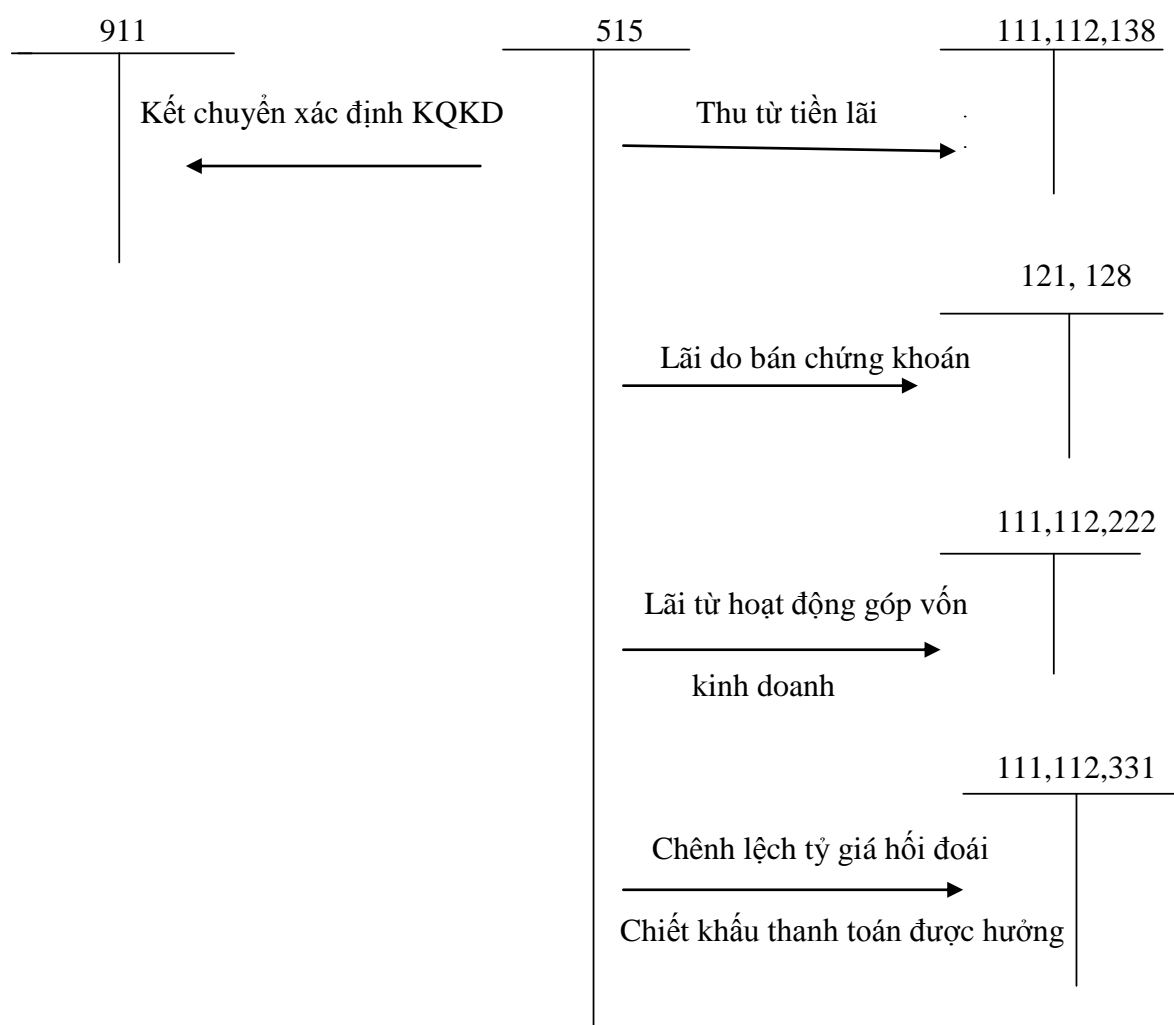
Kết cấu tài khoản:

| <i>Nợ</i> | <i>TK 515</i> | <i>Có</i> |
|---|--|-------------------|
| <ul style="list-style-type: none"> - Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp - Kết chuyển xác định kết quả kinh doanh | <ul style="list-style-type: none"> - Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia - Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết - Chiết khấu thanh toán được hưởng lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ | |
| Tổng phát sinh nợ | | Tổng phát sinh có |



Tài khoản 515 không có số dư

1.2.5.1.3. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.6: Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính

1.2.5.2. Kế toán chi phí tài chính

1.2.5.2.1. Chứng từ sử dụng

- Phiếu chi
- Giấy báo nợ của ngân hàng ,các chứng từ khác có liên quan...
- Sổ nhật ký chung, sổ cái TK 635

1.2.5.2.2. Tài khoản sử dụng

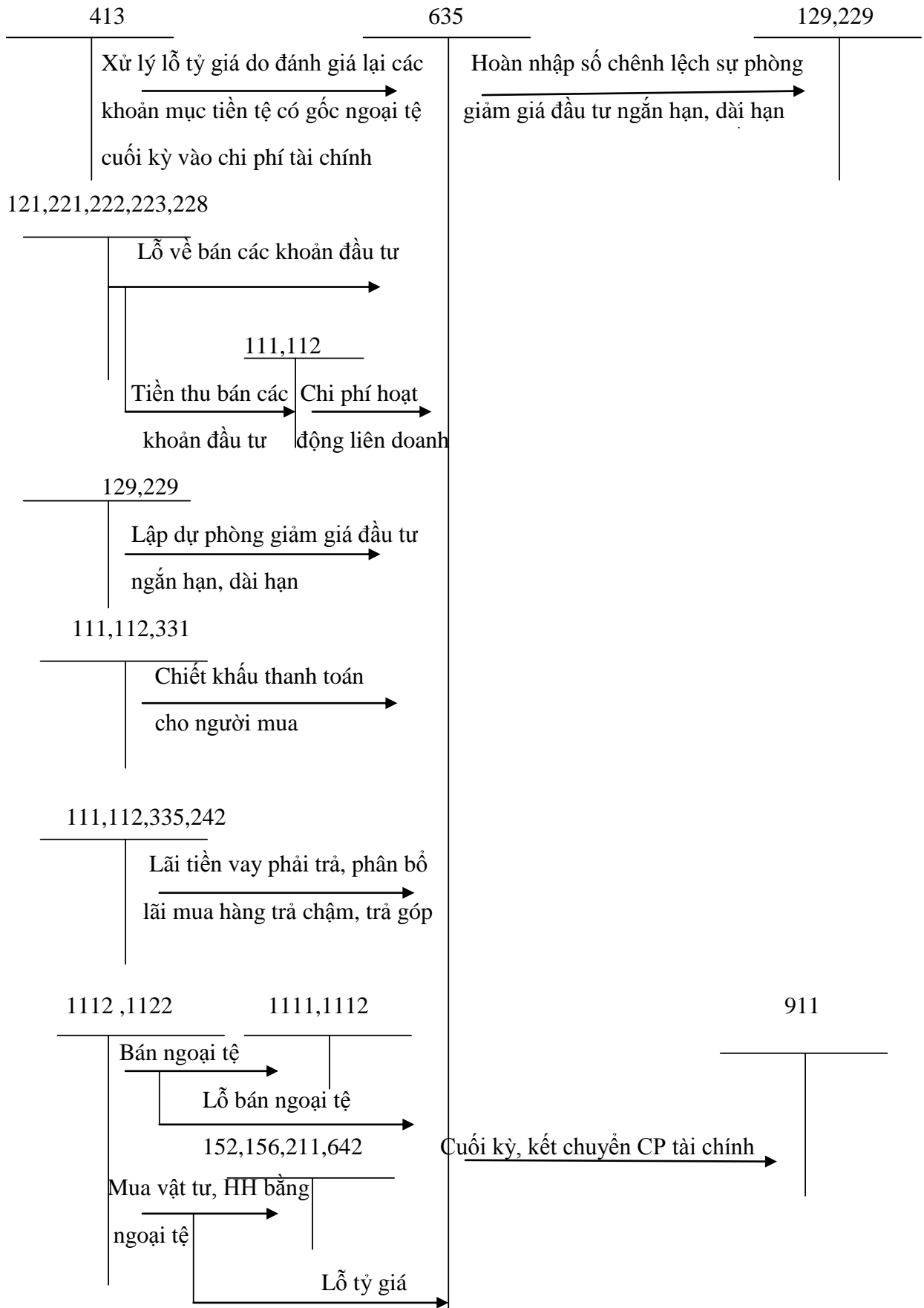
Tài khoản 635 : Chi phí tài chính

Kết cấu tài khoản:

| <i>Nợ</i> | <i>TK 635</i> | <i>Có</i> |
|--|---------------|--|
| <ul style="list-style-type: none"> - Các khoản chi phí hoạt động tài chính - Các khoản lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn - Các khoản lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh thực tế - Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ - Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán | | <ul style="list-style-type: none"> - Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán - Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính và các khoản lỗ phát sinh trong kỳ để xác định KQKD |
| Tổng phát sinh nợ | | Tổng phát sinh có |

Tài khoản 635 không có số dư

1.2.5.2.3. Sơ đồ hạch toán chi phí tài chính



Sơ đồ 1.7 : Sơ đồ hạch toán chi phí tài chính

1.2.6. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác

1.2.6.1. Kế toán thu nhập khác


1.2.6.1.1. Chứng từ, sổ sách sử dụng

- Phiếu thu, giấy báo có của ngân hàng
- Biên bản thanh lý tài sản cố định, các chứng từ khác có liên quan...
- Sổ nhật ký chung, sổ cái TK 711

1.2.6.1.2. Tài khoản sử dụng

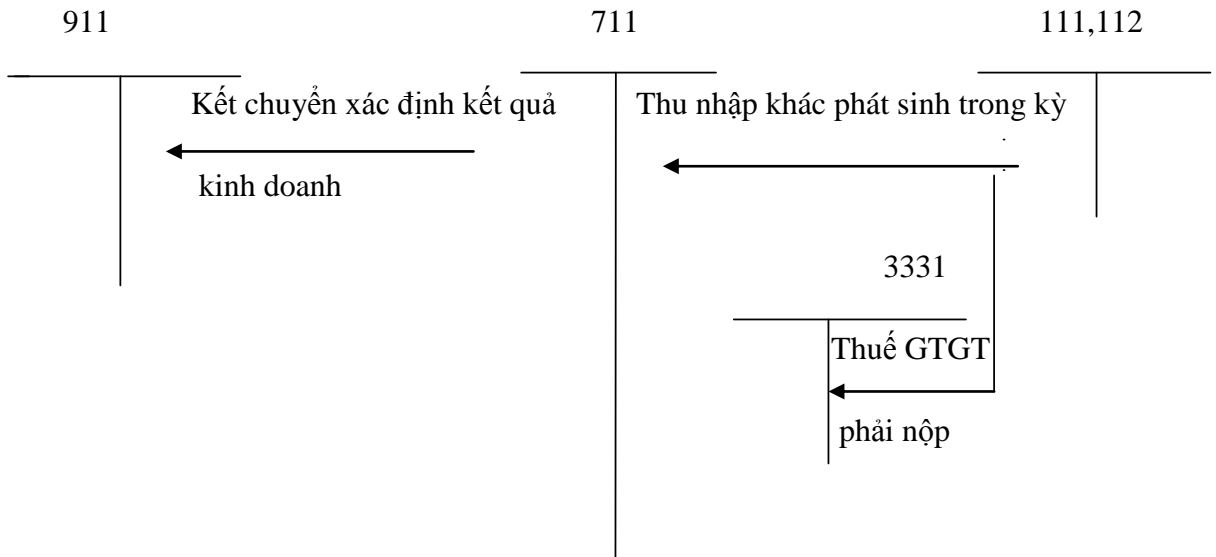
Tài khoản 711 – Thu nhập khác

Kết cấu tài khoản:

| <i>Nợ</i> | <i>TK 711</i> | <i>Có</i> |
|---|--|-------------------|
| <ul style="list-style-type: none"> - Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp - Kết chuyển xác định kết quả kinh doanh | <ul style="list-style-type: none"> - Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ - Thu tiền được do khách hàng vi phạm hợp đồng; thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ - Các khoản thuế được NSNN hoàn lại - Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền bằng hiện vật của các tổ chức cá nhân tặng cho doanh nghiệp - Các khoản thu nhập kinh doanh của những năm trước bị bỏ sót | |
| Tổng phát sinh nợ | | Tổng phát sinh có |
|  | | |

Tài khoản 711 không có số dư

1.2.6.1.3. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.8: Sơ đồ hạch toán thu nhập khác

1.2.6.2. Kế toán chi phí khác

1.2.6.2.1. Chứng từ, sổ sách sử dụng

- Phiếu chi
- Giấy báo nợ của ngân hàng
- Biên bản thanh lý TSCĐ, các chứng từ khác có liên quan
- Sổ nhật ký chung, sổ cái TK 811

1.2.6.2.2. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 811 – Chi phí khác

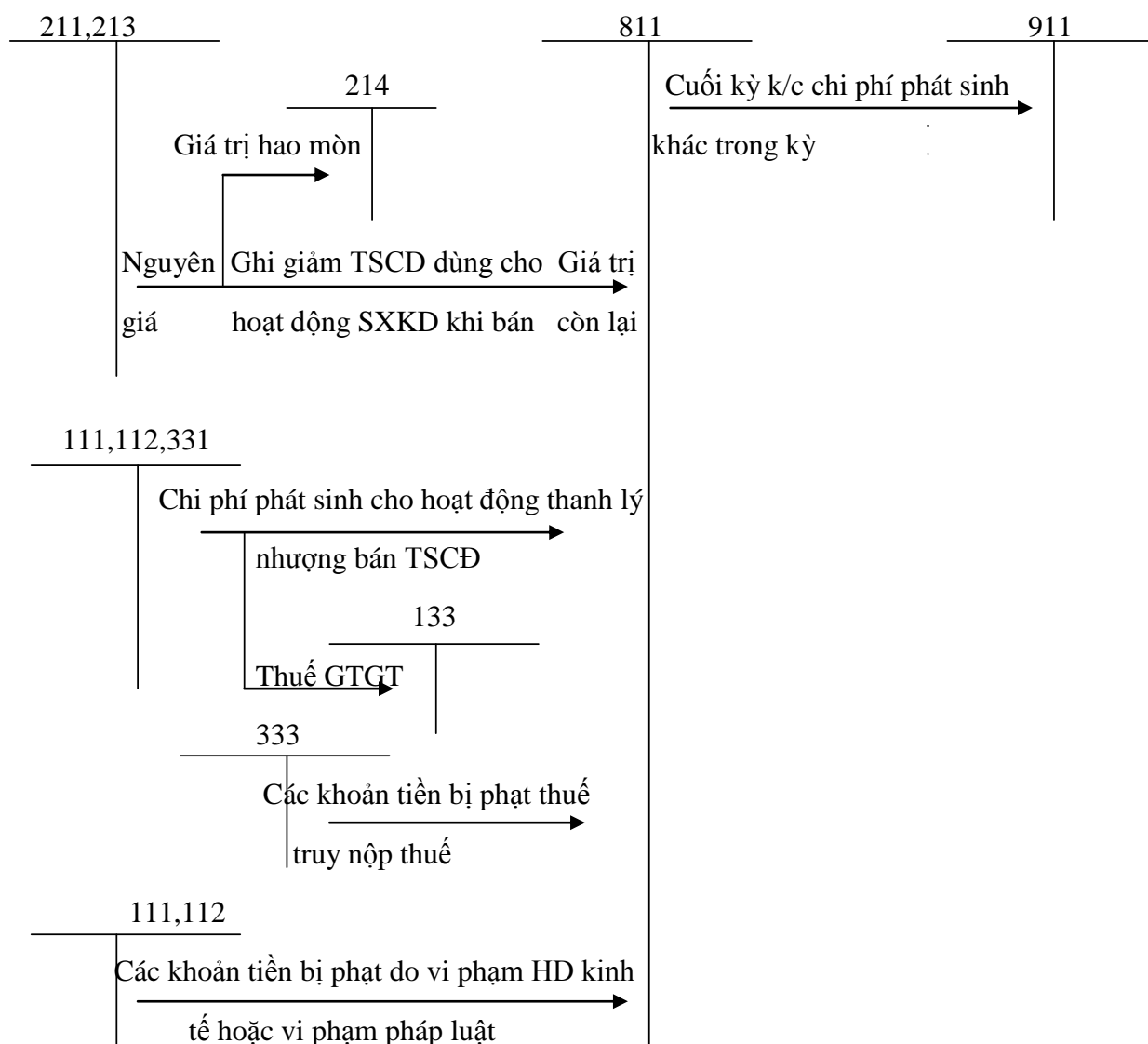
Kết cấu tài khoản:

| <i>Nợ</i> | <i>TK 811</i> | <i>Có</i> |
|----------------------------------|---------------|--------------------------|
| Các khoản chi phí khác phát sinh | | Kết chuyển xác định KQKD |
| Tổng phát sinh nợ | | Tổng phát sinh có |



Tài khoản 811 không có số dư

1.2.6.2.3. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.9: Sơ đồ hạch toán chi phí khác

1.2.7. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

1.2.7.1. Chứng từ, sổ sách sử dụng

- Phiếu kế toán và các chứng từ khác có liên quan...

1.2.7.2. Tài khoản sử dụng

- **Tài khoản 911** – Xác định kết quả kinh doanh

Kết cấu sử dụng:

| <i>Nợ</i> | <i>TK 911</i> | <i>Có</i> |
|--|---------------|---|
| <ul style="list-style-type: none"> - Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ - Chi phí bán hàng - Chi phí quản lý doanh nghiệp - Chi phí tài chính - Chi phí khác - Chi phí thuế TNDN - Kết chuyển lãi | | <ul style="list-style-type: none"> - Doanh thu thuần của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ - Doanh thu hoạt động tài chính - Thu nhập khác - Khoản ghi giảm chi phí thuế TNDN - Kết chuyển lỗ |
| Tổng phát sinh nợ | | Tổng phát sinh có |



Tài khoản 911 không có số dư

* **Tài khoản 421** – Lợi nhuận chưa phân phối

Tài khoản này dùng để phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế TNDN và tình hình phân phối, xử lý kết quả kinh doanh của doanh nghiệp

Tài khoản 421 có 2 tài khoản cấp 2 sau:

- TK 4211: Lợi nhuận chưa phân phối năm trước
- TK 4212: Lợi nhuận chưa phân phối năm nay

Kết cấu tài khoản:

| <i>Nợ</i> | <i>TK 421</i> | <i>Có</i> |
|--|---------------|---|
| <ul style="list-style-type: none"> - Số lỗ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp - Trích lập các quỹ của doanh nghiệp, chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, nhà đầu tư - Bổ sung vốn kinh doanh - Lợi nhuận nộp cấp trên | | <ul style="list-style-type: none"> - Số lợi nhuận thực tế của hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ - Số lợi nhuận cấp dưới nộp lên, số lỗ cấp dưới được cấp trên bù - Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh |
| Tổng phát sinh nợ | | Tổng phát sinh có |

Tài khoản 421 có thể dư bên nợ (có)

* **Tài khoản 821** – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

TK 8211 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

TK 8212 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

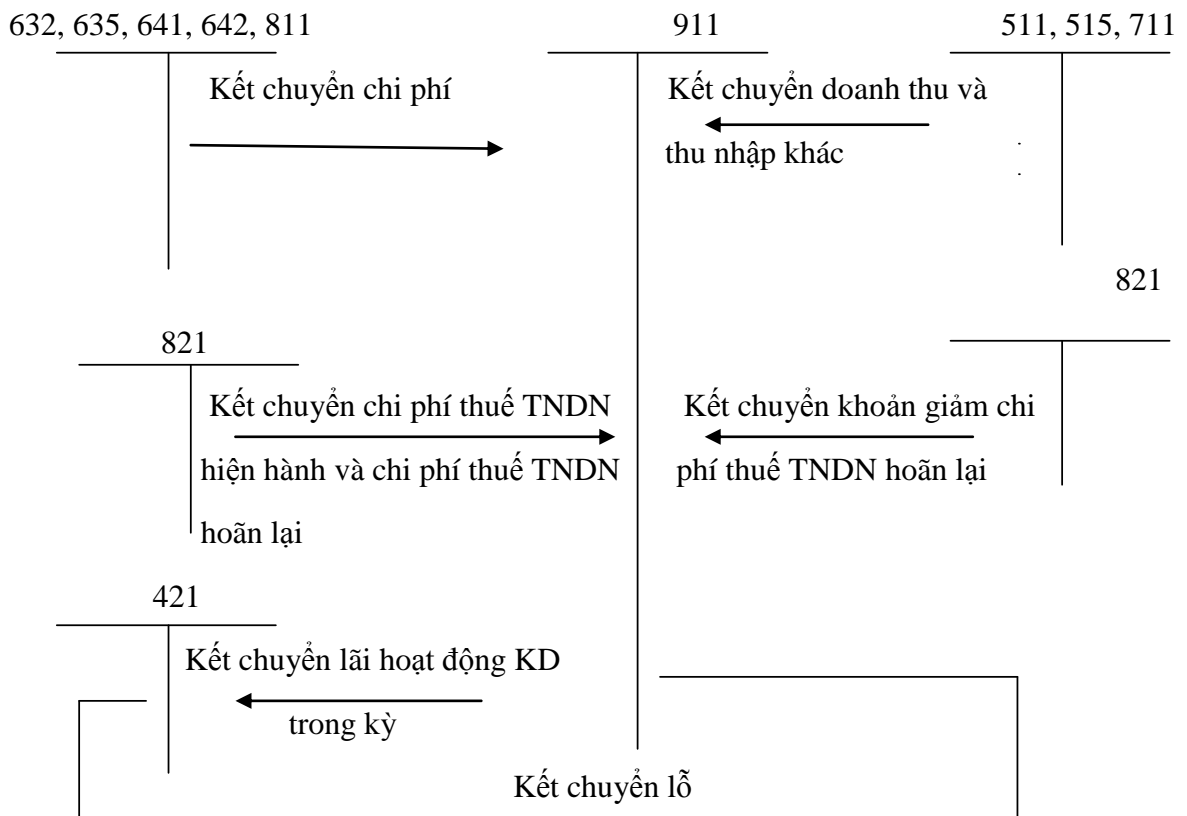
Kết cấu tài khoản:

| <i>Nợ</i> | <i>TK 821</i> | <i>Có</i> |
|---|---|-------------------|
| - Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh trong năm - Ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | - Số thuế TNDN hiện hành thực tế phải nộp - Số thuế TNDN phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước - Kết chuyển xác định kết quả kinh doanh | |
| Tổng phát sinh nợ | | Tổng phát sinh có |



Tài khoản 821 không có số dư

1.2.7.3. Phương pháp hạch toán :



Sơ đồ 1.10 : Sơ đồ kế toán XB KQKD

1.3. TỔ CHỨC SỔ SÁCH KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.3.1. Hình thức kế toán nhật ký chung

Đặc trưng cơ bản : Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký chung mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký chung để ghi sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- Sổ Nhật ký chung, sổ Nhật ký đặc biệt
- Sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

1.3.2. Hình thức kế toán nhật ký – sổ cái

Đặc trưng cơ bản: Các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng 1 quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký- Sổ cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký- Sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái gồm các loại sổ kế toán sau:

- Sổ Nhật ký- Sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

1.3.3. Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ

Đặc trưng cơ bản : Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là chứng từ ghi sổ. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

- Ghi theo trình tự thời gian ghi trên sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ
- Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ cái

Chứng từ ghi sổ được đánh số liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong sổ đăng ký chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ gồm các loại sổ kế toán sau:

- Chứng từ ghi sổ
- Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
- Sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

1.3.4. Hình thức kế toán nhật ký- chứng từ

Đặc trưng cơ bản : Tập hợp và hệ thống hóa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên có của tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng nợ.

Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hóa các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán).

Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với việc hạch toán chi tiết trên cùng 1 sổ kế toán và trong cùng 1 quy trình ghi chép.

Sử dụng các mẫu sổ in sẵn các quan hệ đối ứng tài khoản, chỉ tiêu quản lý kinh tế tài chính và lập báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ gồm các loại sổ kế toán sau:

- Sổ nhật ký chứng từ
- Bảng kê
- Sổ cái
- Sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết

1.3.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính

Đặc trưng cơ bản : Hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán trên máy vi tính được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán nhưng phải được in đầy đủ sổ kế toán và Báo cáo tài chính theo quy định.

Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp

chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.

Theo quy trình của phần mềm kế toán, các thông tin được tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp (Sổ cái, Nhật ký - Sổ cái...) và các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

Thực hiện các thao tác để in Báo cáo tài chính theo quy định.

Cuối tháng, cuối năm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thuyền và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay.

BẢNG SO SÁNH ƯU , NHƯỢC ĐIỂM CỦA CÁC LOẠI HÌNH KẾ TOÁN:

| | Ưu điểm | Nhược điểm |
|------------------------------|--|--|
| Hình thức Nhật ký chung | Dễ ghi chép, đơn giản, thuận tiện cho công việc phân công lao động kế toán | Còn trùng lặp trong khâu ghi chép |
| Hình thức Nhật ký – Sổ cái | Đơn giản, rõ ràng, dễ hiểu, dễ đối chiếu, không cần lập bảng cân đối Số phát sinh | Khó cho phân công lao động kế toán, không thích hợp với đơn vị có quy mô vừa và lớn, có nhiều hoạt động kinh tế sử dụng nhiều tài khoản |
| Hình thức Chứng từ ghi sổ | Phù hợp với mọi loại hình đơn vị, tiện cho việc áp dụng máy tính | Dễ bị trùng lặp |
| Hình thức Nhật ký – Chứng từ | Phù hợp với doanh nghiệp lớn | Số lượng nghiệp vụ nhiều, không phù hợp với kế toán máy |
| Hình thức kế toán máy | Phù hợp với mọi loại hình doanh nghiệp, đơn giản, chính xác, kịp thời, tiết kiệm chi phí | Phần mềm được thiết kế theo hình thức kế toán Doanh nghiệp đã đăng kí nên khi thay đổi hình thức kế toán thì phần mềm đã làm không còn phù hợp |

CHƯƠNG 2:

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH ĐỆM MÚT NGỌC SƠN

2.1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CÔNG TY TNHH ĐỆM MÚT NGỌC SƠN

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty TNHH Đệm mút Ngọc Sơn

a, Tổng quan về công ty TNHH Đệm mút Ngọc Sơn

- ❖ Tên công ty: Công ty TNHH ĐỆM MÚT NGỌC SƠN
- ❖ Địa chỉ: Khu CN Quán Trữ, Quận Kiến An, Thành phố Hải Phòng
- ❖ Người đại diện : Ông Nguyễn Văn Thắng - Chức vụ : Giám đốc
- ❖ Tel: 0313.878274/ 031.3878384
- ❖ Fax: 031.37778982
- ❖ Mã số thuế : 0200628024
- ❖ Website: <http://www.ngocsonvn.com>
- ❖ Email : info@ngocsonvn.com
- ❖ Vốn điều lệ: 4.500.000.000đồng

b, Lịch sử hình thành và phát triển của công ty TNHH Đệm mút Ngọc Sơn

Doanh nghiệp tư nhân đệm mút Ngọc Sơn là doanh nghiệp tư nhân được thành lập năm 2003 đã được Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 020100374 ngày 03/01/2003

Sau thời gian hoạt động, tình hình sản xuất của doanh nghiệp luôn ổn định. Đạt hiệu quả cao. Năm 2004 là năm hội nhập và phát triển kinh tế, nếu không được đầu tư đổi mới sẽ rất khó khăn cho việc ổn định và phát triển sản xuất. Doanh nghiệp tư nhân đệm mút Ngọc Sơn nắm bắt được các nhu cầu của Thị trường về sản phẩm đệm trong giai đoạn hiện tại là rất lớn. Để có thể sản xuất và kinh doanh tốt sản phẩm được thuận lợi hơn, mặt bằng nhà xưởng, kho

phải rộng rãi, công tác Marketing, vận tải lưu thông hàng hóa phải được hết sức coi trọng, mới đảm bảo tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp. Sau thời gian nghiên cứu thị trường, doanh nghiệp đã quyết định xây dựng trụ sở làm việc và nhà xưởng sản xuất đệm mút, đệm lò xo cao cấp nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường và góp phần vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Để phù hợp với mô hình sản xuất kinh doanh với quy mô lớn hơn, tháng 7/2005 Doanh nghiệp tư nhân Đệm mút Ngọc Sơn chuyển đổi tên thành Công ty TNHH đệm mút Ngọc Sơn

2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty TNHH Đệm mút Ngọc Sơn

Ngành nghề kinh doanh:

- + Sản xuất kinh doanh đệm mút, đệm lò xo, đệm bông ép cao cấp
- + Xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
- + Ủy thác xuất nhập khẩu hàng hóa, linh kiện máy móc phục vụ cho sản xuất và tiêu dùng

Lĩnh vực kinh doanh chính:

- + Sản xuất kinh doanh đệm mút, đệm lò xo, đệm bông ép cao cấp

2.1.3. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại công ty TNHH Đệm mút Ngọc Sơn trong 2 năm gần đây

*** Thuận lợi:**

- Trụ sở chính của công ty đóng tại khu công nghiệp Quán Trữ - là nơi khá thuận lợi cho việc giao dịch và kinh doanh, trao đổi thông tin về kinh tế thị trường, điều đó giúp cho công ty chủ động lựa chọn phương án kinh doanh đáp ứng kịp thời nhu cầu của thị trường trong mọi tình huống.
- Công tác tổ chức nhân viên luôn được xem xét và bố trí hợp lý phù hợp với nhu cầu hoạt động kinh doanh của công ty nên tạo ra nhiều thuận lợi để các bộ phận thực hiện tốt nhiệm vụ.
- Trình độ chuyên môn nghiệp vụ của người lao động luôn được nâng cao, phát

huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật trong sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao góp phần tăng lợi nhuận cho công ty.

- Có chế độ đãi ngộ khen thưởng đối với cán bộ nhân viên và người lao động góp phần ổn định nhân sự cũng như khuyến khích được tinh thần làm việc nâng cao hiệu quả.

- Thiết bị máy móc mới nhanh chóng được đưa vào sản xuất nhằm tạo điều kiện nâng cao năng suất lao động, tiết kiệm nguyên vật liệu.

- Đầu tư kho bãi phù hợp để bảo quản vật liệu, thành phẩm tương đối tốt

*** Khó khăn:**

- Tuy công ty đã thành lập từ năm 2003, tính đến nay đã gần 10 năm đi vào hoạt động sản xuất, xong vẫn gặp rất nhiều khó khăn về vốn và thị trường

- Do điều kiện thời tiết ở nước ta nên các mặt hàng mà công ty sản xuất và thương mại chỉ tập trung bán chạy vào mùa thu và mùa đông

*** Kết quả đạt được:**

Với sự lãnh đạo sáng suốt, trình độ quản lý ngày càng nâng cao, nên công ty TNHH Đệm mút Ngọc Sơn đã đạt được một số kết quả sau:

| STT | Chỉ tiêu | Năm 2011 | Năm 2012 | Chênh lệch tuyệt đối | Chênh lệch tương đối (%) |
|-----|--------------|----------------|----------------|----------------------|--------------------------|
| 1 | Tổng DT | 11,101,308,799 | 11,990,844,075 | 889,535,276 | 8.013% |
| 2 | Tổng chi phí | 11,003,974,276 | 11,880,996,584 | 877,022,308 | 7.97% |
| 3 | Tổng LNTT | 97,334,523 | 109,847,491 | 12,512,968 | 12.856% |
| 4 | Thuế TNDN | 24,333,631 | 27,461,873 | 3,128,242 | 12.856% |
| 5 | Tổng LNST | 73,000,892 | 82,385,618 | 9,384,726 | 12.856% |

(Theo nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH Đệm mút Ngọc Sơn)

Nhận xét:

Thông qua số liệu trên ta thấy tình hình sản xuất kinh doanh của công ty TNHH Đệm mút Ngọc Sơn năm 2012 so với năm 2011 có những biến động tốt lên. Tuy nhiên, để đưa ra những kết quả cụ thể ta đi vào phân tích từng nhân tố:

Tổng doanh thu của công ty tăng 889,535,276 đồng tương ứng với tỷ lệ 8.013%. Trong khi đó chi phí cũng tăng với số tiền 877,022,308 đồng tương ứng với tỷ lệ 7.97%. Tuy tốc độ tăng của chi phí nhanh nhưng vẫn không nhanh bằng tốc độ tăng của doanh thu, điều này làm cho tổng lợi nhuận trước thuế tăng 12,512,968 đồng tương ứng với tỷ lệ tăng 12.856 % so với năm 2011.

✓ Tổng doanh thu tăng do các nhân tố:

- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng : 876,640,407 đồng
- Doanh thu hoạt động tài chính tăng: 8,721,857 đồng
- Thu nhập khác tăng: 4,173,012 đồng

Nguyên nhân làm tổng doanh thu tăng có thể là do:

- Công ty đã mở rộng chiến dịch quảng bá marketing. Điều này giúp khách hàng biết về công ty cũng như các sản phẩm đệm của công ty nhiều hơn
- Đã có sự chú trọng về chiến lược sau bán hàng, các dịch vụ bảo hành, tư vấn bán hàng khá tốt
- Giá thành sản phẩm phù hợp với người tiêu dùng và chất lượng sản phẩm càng ngày càng được cải tiến
- Đã áp dụng máy móc, trang thiết bị hiện đại vào công tác sản xuất. Tạo ra sản phẩm có hình thức đẹp, chất lượng tốt, hợp xu hướng tiêu dùng

✓ Tổng chi phí tăng do các nhân tố:

- Giá vốn hàng bán tăng: 498,960,759 đồng
- Chi phí tài chính tăng: 105,064,226 đồng
- Chi phí bán hàng tăng: 46,754,388 đồng
- Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng : 223,253,564 đồng

- Chi phí khác tăng : 2,989,371 đồng

Nguyên nhân làm tổng chi phí tăng có thể là do:

- Giá vốn tăng do doanh thu tăng, mặt khác công ty chưa tìm được nhà cung cấp vật liệu đầu vào tốt, ổn định về giá cả

- Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp tăng có thể do chưa áp dụng mức phí rõ ràng đối với các khoản chi phí như chi tiếp khách, công tác phí... ngoài ra cũng do chi phí vận chuyển tăng do giá xăng dầu thế giới trong năm qua không ổn định

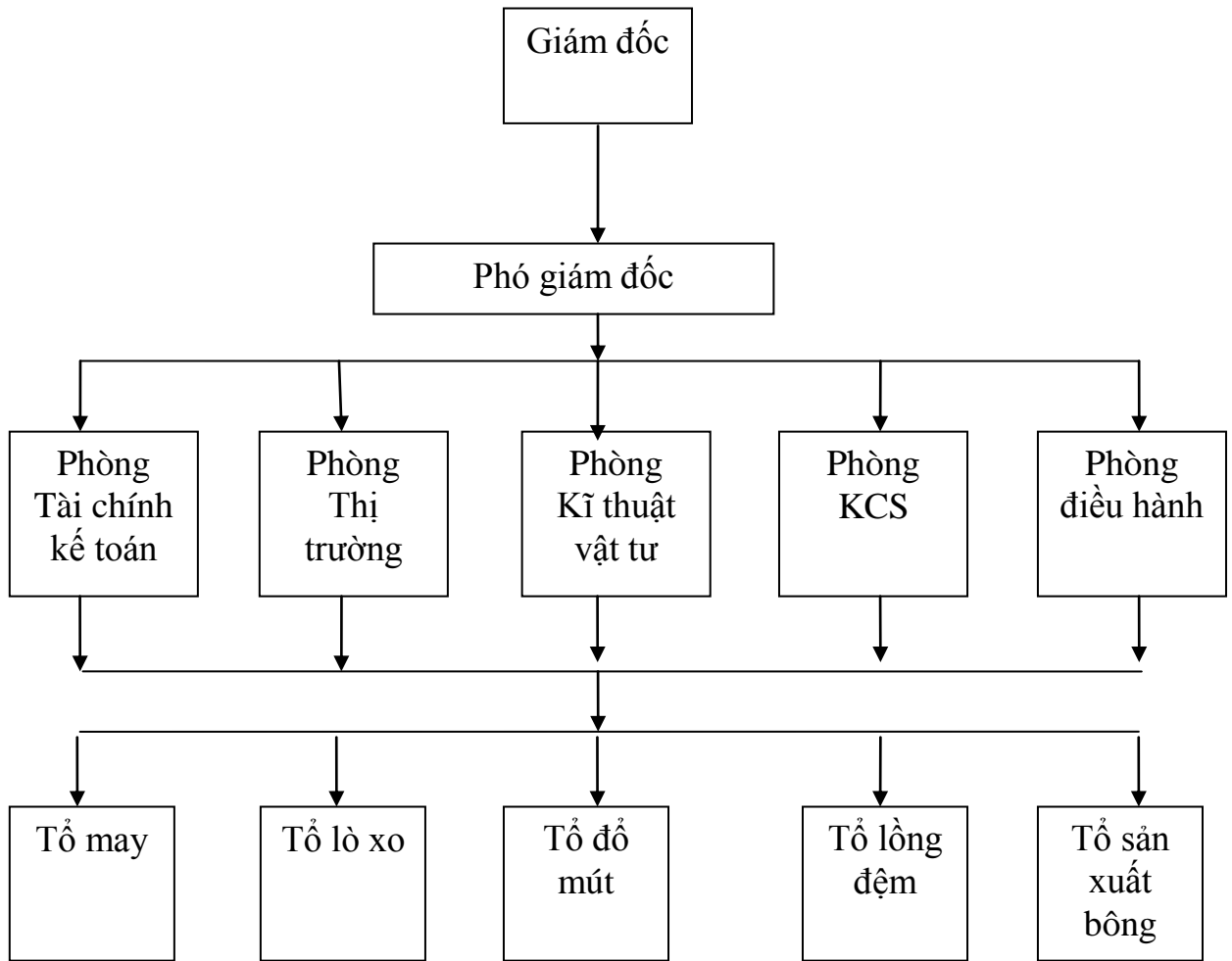
- Trong năm 2012, công ty có thanh lý một số tài sản cố định, do đó khoản mục chi phí khác có xu hướng tăng cao hơn so với năm 2011

2.1.4. Đặc điểm bộ máy quản lý của công ty TNHH Đệm mút Ngọc Sơn

2.1.4.1. Sơ đồ bộ máy quản lý

Tổ chức bộ máy quản lý doanh nghiệp là một vấn đề hết sức quan trọng trong quá trình sản xuất kinh doanh. Cùng với sự phát triển của nền kinh tế, Công ty TNHH Đệm mút Ngọc Sơn luôn quan tâm đến việc kiện toàn bộ máy quản lý sao cho phù hợp với năng lực sản xuất kinh doanh của Công ty.

Bộ máy tổ chức quản lý của công ty được tổ chức theo mô hình trực tuyến, bộ máy quản lý gọn nhẹ. Chức năng quan hệ là chỉ đạo từ trên xuống dưới. Việc tổ chức sản xuất kinh doanh của công ty được tiến hành, tổ chức sắp xếp hợp lý và xây dựng nhiệm vụ với hạn mức cụ thể cho từng bộ phận, trung tâm. Do đó tạo ra bộ máy hoạt động nhịp nhàng, đồng bộ.



Sơ đồ 2.1 : Bộ máy quản lý Công ty TNHH Đệm mút Ngọc Sơn

2.1.4.2. Chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận phòng ban

- Giám đốc: Điều hành toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty và chịu mọi trách nhiệm với công ty.
- Phó giám đốc : Là người giúp cho giám đốc trong việc chỉ đạo điều hành sản xuất kinh doanh và mọi hoạt động khác của công ty. Khi giám đốc đi vắng có uỷ quyền cho phó giám đốc chịu trách nhiệm trước toàn công ty.

2.1.4.3 .Trách nhiệm và quyền hạn của các phòng chức năng tại công ty TNHH Đệm mút Ngọc Sơn

- **Phòng điều hành:** + Có nhiệm vụ soạn thảo, triển khai quy chế làm việc, quản lý tổ chức chặt chẽ công tác văn thư, lưu trữ hồ sơ, tài liệu theo chế độ quy định; xây dựng lịch làm việc, tiếp khách, đảm bảo an toàn hành chính nội

vụ công ty.

+ Có nhiệm vụ tổ chức, quản lý, sắp xếp đội ngũ cán bộ, công nhân viên, theo dõi công tác thi đua khen thưởng, giải quyết các vấn đề nhân sự, nhân lực, lao động, tiền lương, chính sách phát triển nguồn nhân lực và các vấn đề đối nội khác, đảm bảo tốt môi trường làm việc và đời sống vật chất, tinh thần cho đội ngũ cán bộ, công nhân viên.

- **Phòng tài chính – kế toán:** Nhiệm vụ theo dõi và thực hiện kế hoạch, tài chính, hạch toán kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty, chịu trách nhiệm về tài chính của Công ty trong việc đầu tư, bảo toàn vốn và các nghĩa vụ với Nhà nước.

Ghi chép, phản ánh một cách chính xác kịp thời, liên tục và có hệ thống số liệu tình hình biến động về tiền vốn, công nợ, tính toán chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm, kết quả lỗ lãi theo đúng chế độ kế toán thống kê của Nhà nước.

Thu thập tập hợp số liệu về tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty nhằm phục vụ cho việc lập kế hoạch và kiểm tra thực hiện kế hoạch phục vụ công tác hạch toán kinh tế, phân tích hoạt động kinh tế. Lập kế hoạch tài chính ngắn hạn, trung hạn, dài hạn.

Theo dõi tình hình biến động tăng giảm tài sản, nguồn vốn, lên kế hoạch khai thác và sử dụng tái sản cũng như nguồn vốn của Công ty một cách có hiệu quả nhất.

Theo dõi toàn bộ các hoạt động có liên quan đến doanh thu, chi phí, phân phối thu nhập trong Công ty và thực hiện nghĩa vụ ngân sách với Nhà nước.

Quyết toán hàng năm và tổng hợp SXKD của Công ty.

Báo cáo tham mưu cho Giám đốc về mặt thống kê tài chính

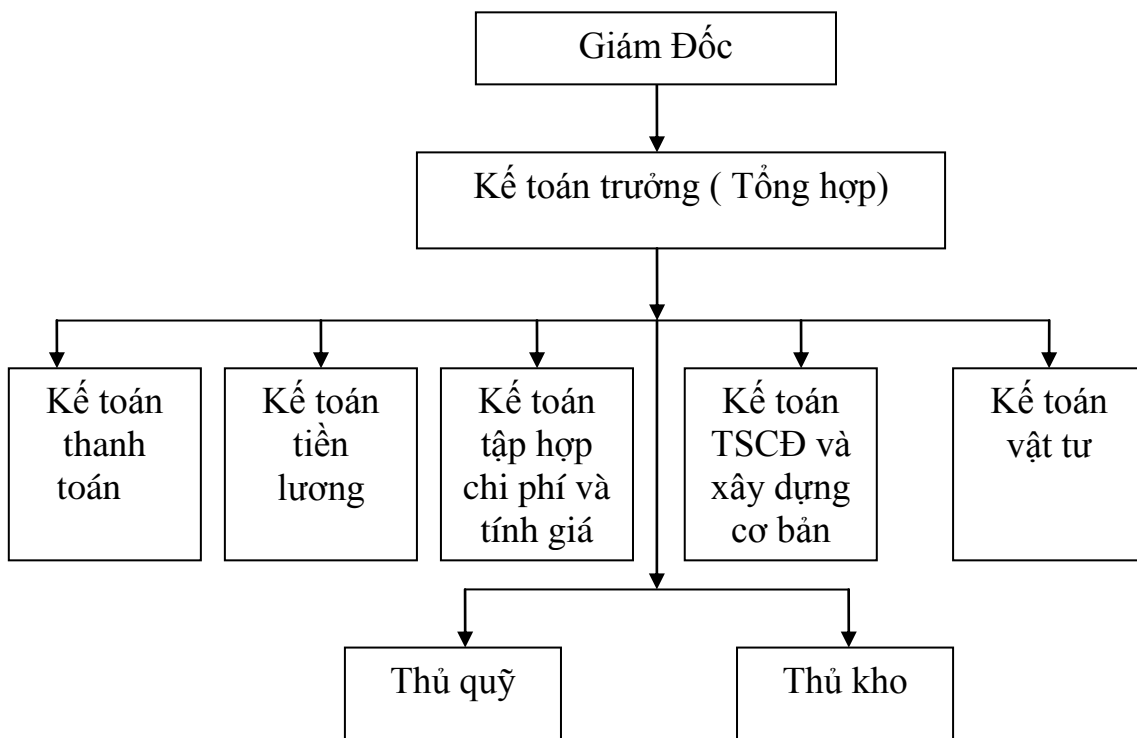
Triển khai thực hiện tốt nội dung công tác kế toán trong Công ty bao gồm:

- Kế toán thanh toán công nợ
- Kế toán vốn bằng tiền
- Kế toán chi phí, thuế và doanh thu

- **Phòng thị trường:** có nhiệm vụ giúp giám đốc trong việc mua bán hàng hóa trong nước, đồng thời theo dõi cả về số lượng và chất lượng của hàng hóa.
- **Phòng kỹ thuật vật tư:** Có nhiệm vụ tổng hợp cân đối yêu cầu vật tư, vật liệu cho phù hợp với sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Lập kế hoạch sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ máy móc thiết bị, xây dựng công trình công nghệ tạo ra sản phẩm, đồng thời xây dựng giá cả sản phẩm mới và tiêu thụ, cung ứng hàng hoá kịp thời với thị trường
- **Phòng KCS** : kiểm tra chất lượng nguyên vật liệu nhập vào và chất lượng sản phẩm sau khi được hoàn thành
- **Các tổ sản xuất** : Thực hiện sản xuất theo chức năng riêng như may, đồ mút...

2.1.5. Tổ chức công tác kế toán tại công ty TNHH Đệm mút Ngọc Sơn

2.1.5.1. Sơ đồ bộ máy quản lý:



Sơ đồ 2.2: Bộ máy kế toán công ty TNHH Đệm mút Ngọc Sơn

2.1.5.2. Chức năng của từng bộ phận trong bộ máy kế toán

- **Kế toán trưởng** : có nhiệm vụ tổ chức điều hành toàn bộ hệ thống kế toán, chỉ đạo trực tiếp toàn bộ nhân viên kế toán trong công ty, làm tham mưu cho giám đốc về các hoạt động kinh doanh, tổ chức kiểm tra kế toán nội bộ trong công ty. Khi quyết toán được lập xong, kế toán trưởng có nhiệm vụ thuyết minh và phân tích, giải thích kết quả sản xuất kinh doanh, chịu trách nhiệm về mọi số liệu ghi trong bảng quyết toán, nộp đầy đủ, đúng hạn các báo cáo tài chính theo quy định

- **Kế toán thanh toán**: có nhiệm vụ viết phiếu thu, chi theo đúng chứng từ đã được duyệt, lập các chứng từ thanh toán bằng chuyển khoản. Phản ánh kịp thời, đầy đủ, chính xác số hiện có và tình hình luân chuyển vốn của công ty.

- **Kế toán tiền lương và các khoản phải thu**: theo dõi các khoản phải thu khách hàng; hạch toán tiền lương và các khoản trích theo lương.

- **Kế toán tài sản cố định và xây dựng cơ bản**: có nhiệm vụ phản ánh với giám đốc việc mua sắm trang thiết bị, bảo quản và sử dụng TSCĐ. Theo dõi, ghi chép sự biến động tăng giảm của TSCĐ, khấu hao TSCĐ... Hạch toán chính xác chi phí thanh lí, nhượng bán TSCĐ.

- **Kế toán tập hợp chi phí, tính giá thành**: Phản ánh các chi phí XDCB, tổng hợp các chi phí liên quan để tính giá thành sản phẩm, theo dõi tình hình nhập, xuất thành phẩm, xác định doanh thu tiêu thụ

- **Kế toán vật tư** : Có nhiệm vụ theo dõi tình hình tăng giảm nguyên vật liệu, tình hình nhập, xuất, tồn kho về cả số lượng và giá cả, cuối tháng lập bảng phân bổ chuyển cho kế toán tổng hợp tập hợp chi phí và tính giá thành

- **Thủ quỹ** : quản lý tiền mặt của công ty, thu và chi tiền mặt khi có lệnh. Hàng tháng phải kiểm kê số tiền thu hiện thu và chi đối chiếu với sổ sách các bộ phận có liên quan.

- **Thủ kho** : quản lý nguyên vật liệu trong kho, có trách nhiệm trong quá trình nhập, xuất hàng và các sổ sách liên quan

2.1.5.3. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty

a, Chế độ chứng từ, tài khoản kế toán

Công ty hiện nay đang áp dụng chế độ kế toán theo Quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20-03-2006 của Bộ Tài chính và áp dụng đúng theo 26 chuẩn mực kế toán hiện hành.

* Các chính sách áp dụng:

- Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01/N đến 31/12/N, kỳ kế toán theo tháng.

- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: sử dụng Đồng Việt Nam

b, Phương pháp kế toán:

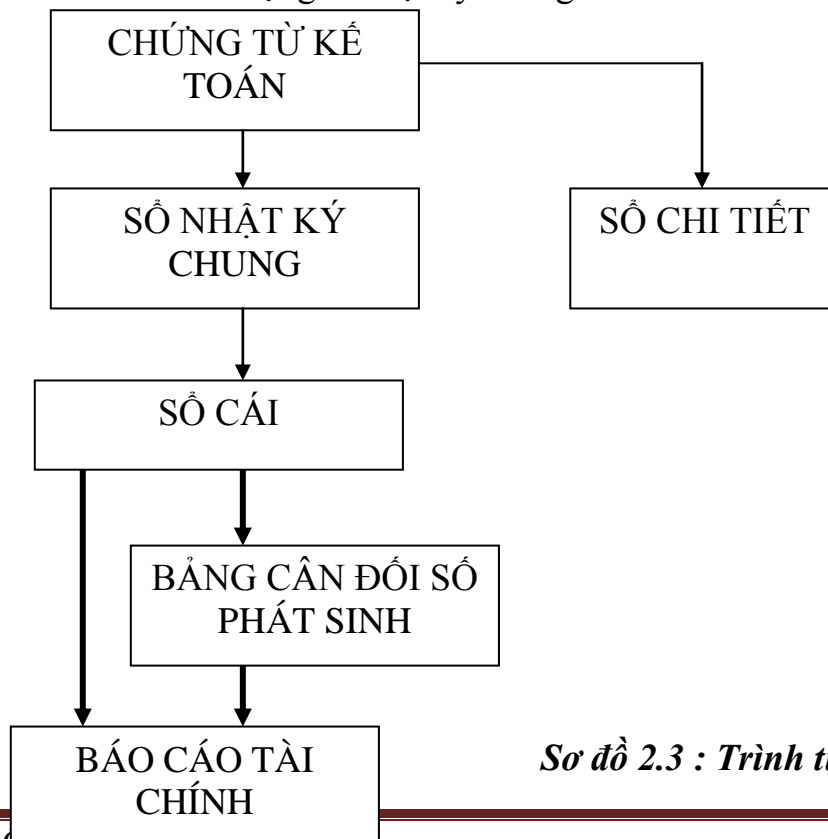
- Phương pháp tính thuế GTGT: theo phương pháp khấu trừ.

- Hạch toán hàng tồn kho: hàng tồn kho được tính giá theo phương pháp Nhập trước xuất trước

- Phương pháp khấu hao TSCĐ: TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng ước tính theo quyết định 206/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 12/12/2003.

c, Hình thức kế toán:

- Hình thức kế toán sử dụng : Nhật ký chung



Sơ đồ 2.3 : Trình tự ghi sổ kế toán

Ghi chú :

- Ghi hàng ngày
- Ghi định kỳ

Hệ thống sổ sách mà Công ty đang sử dụng bao gồm :

- Sổ Nhật kí chung
- Sổ cái các tài khoản
- Các sổ kế toán chi tiết

Khi có nghiệp vụ kinh tế phát sinh, kế toán căn cứ vào chứng từ, phân loại chứng từ và hạch toán theo từng phần hành phù hợp với chứng từ đã phân loại. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh này đều được thể hiện trên sổ Nhật ký chung, sổ cái. Cuối năm, lập bảng cân đối phát sinh để lập Báo cáo tài chính

2.2. THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH ĐỆM MÚT NGỌC SƠN

2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

2.2.1.1. Phương thức bán hàng, thanh toán và dịch vụ sau bán hàng tại công ty TNHH Đệm mút Ngọc Sơn

**** Phương thức bán hàng :***

Trong giấy phép đăng ký kinh doanh, công ty đăng ký nhiều loại hình khác nhau, tuy nhiên, công ty lại kinh doanh chính trên lĩnh vực Thương mại – buôn bán đệm mút, đệm lò xo và đệm bông ép

Phương thức bán hàng mà công ty áp dụng:

- Phương thức bán hàng trực tiếp: Khách hàng có thể đến công ty mua hàng trực tiếp hoặc có thể thanh toán trước tiền hàng, sau đó công ty sẽ chuyển hàng đến nơi khách hàng yêu cầu. Chi phí vận chuyển sẽ do 2 bên thoả thuận. Theo phương thức này công ty có thể bán buôn với số lượng lớn hoặc bán lẻ, xuất bán trực tiếp cho đối tượng khách hàng có khối lượng nhỏ

+ Bán buôn: Việc bán hàng thông qua các hợp đồng kinh tế được ký kết giữa công ty với các doanh nghiệp, tổng đại lý phân phối. Phương thức

bán hàng này chủ yếu là thanh toán bằng chuyển khoản. Khi bên mua chấp nhận thanh toán hoặc thanh toán tiền ngay thì hàng hóa được xác định là đã tiêu thụ

Phương thức bán buôn mà công ty áp dụng là bán buôn qua kho : Kho công ty đặt tại trụ sở công ty. Đây là kho chứa và dự trữ tất cả hàng của công ty. Khi phát sinh nghiệp vụ bán hàng, kế toán bán hàng của công ty viết hóa đơn GTGT gồm 3 liên và xuất hàng tại kho và ngày giao hàng theo như đơn đặt hàng đã ký

+ Bán lẻ : Theo hình thức này, khách hàng đến mua hàng tại công ty, và kế toán bán hàng thu tiền hàng và giao cho khách hàng. Hình thức thanh toán chủ yếu bằng tiền mặt. Thời điểm xác định tiêu thụ là thời điểm nhận được báo cáo bán hàng của người bán hàng

* **Phương thức thanh toán tiền hàng:** được thỏa thuận thống nhất giữa hai bên. Công ty áp dụng thanh toán theo 3 cách:

- Bán hàng thu tiền ngay, thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt: áp dụng với khách hàng mua ít, không thường xuyên hoặc khách hàng có nhu cầu thanh toán ngay. Phương thức này giúp cho doanh nghiệp thu hồi vốn nhanh, tránh được tình trạng chiếm dụng vốn.

- Thanh toán chậm: Khách hàng đến công ty mua hàng, hàng sẽ được chuyển đến nơi khách yêu cầu, và tiền hàng sẽ được trả trong 1 khoảng thời gian ngắn nhất định, do 2 bên thỏa thuận. Phương thức này áp dụng cho khách hàng thường xuyên và có uy tín đối với doanh nghiệp.

- Thanh toán qua ngân hàng: Hình thức này được trích chuyển từ tài khoản người phải trả sang tài khoản người được hưởng thông qua ngân hàng và phải trả lệ phí cho ngân hàng. Sau khi công ty thực hiện giao hàng xong, bản thân người bán ký phát đến ngân hàng, ngân hàng sẽ tiến hành chi trả.

* **Dịch vụ sau bán hàng:** Tất cả các sản phẩm của công ty được bán ra hiện nay đều được bảo hành. Có thể nói đây là một trong những hoạt động được công ty rất chú trọng.

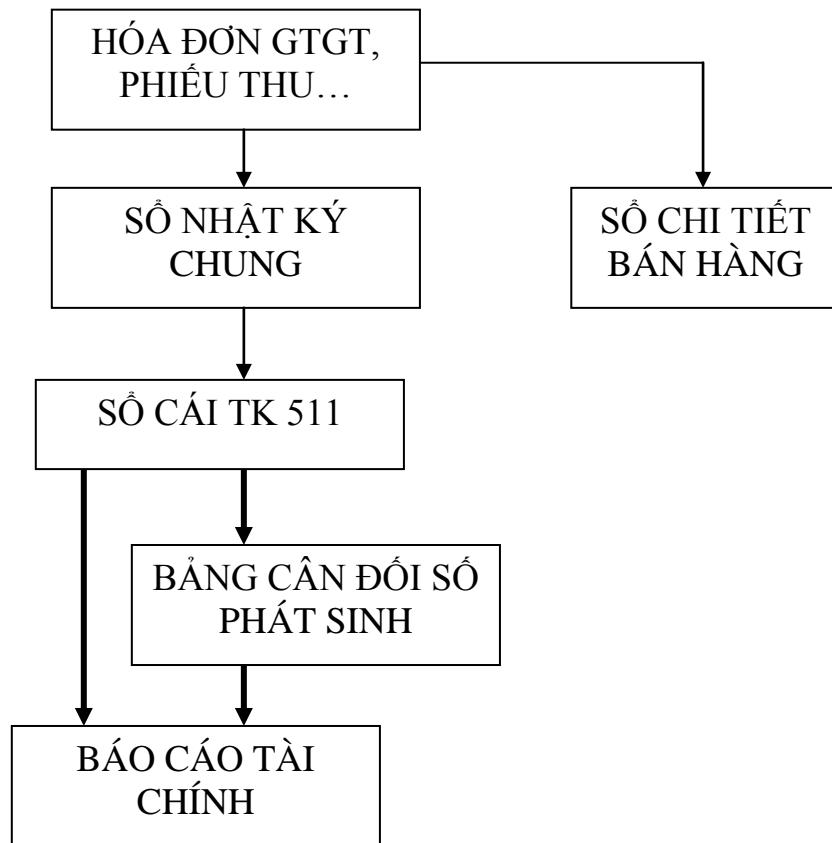
2.2.1.2. Chứng từ, sổ sách sử dụng :

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu xuất kho
- Phiếu thu
- Chứng từ của Ngân hàng (Giấy báo có của Ngân hàng...)
- Sổ Nhật ký chung, sổ cái và các sổ liên quan

2.2.1.3. Tài khoản sử dụng và sơ đồ hạch toán

Tài khoản 511 : Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Sơ đồ hạch toán:



Sơ đồ 2.4: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng

Ghi chú :

→ Ghi hàng ngày

→ Ghi định kỳ

2.2.1.4. Ví dụ minh họa :

Ngày 26/12/2012 bán hàng cho chị Ngân theo hóa đơn số 0000690, tổng giá bán chưa thuế là 25.840.000. Khách hàng đã thanh toán bằng tiền mặt

| HOÁ ĐƠN | | Mẫu số: 01 GTKT/001 | | | |
|--|-----------------------|---------------------------|----------|------------------------------|------------|
| GIÁ TRỊ GIA TĂNG | | Ký hiệu AA/11P | | | |
| Liên 2: Giao cho khách hàng | | 0000690 | | | |
| Ngày 26 tháng 12 năm 2012 | | | | | |
| Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Đệm mút Ngọc Sơn | | | | | |
| Địa chỉ: Khu CN Quán Trữ, Kiến An, Hải Phòng..... | | | | | |
| Điện thoại: 031.3878274.....MS.....0200628024..... | | | | | |
| Họ tên người mua hàng: Chị Ngân..... | | | | | |
| Tên đơn vị: | | | | | |
| Địa chỉ: Số 344B – Yết Kiêu – Hải Tân – Hải Dương:..... | | | | | |
| Số tài khoản: | | | | | |
| Hình thức thanh toán: ..TM.....MS..... | | | | | |
| STT | Tên hàng hoá, dịch vụ | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
| A | B | C | 1 | 2 | 3 = 1x2 |
| 1 | Đệm gấp 1.2 x 1.9 | Cái | 16 | 250.000 | 4.000.000 |
| 2 | Ruột đệm bông ép | Kg | 546 | 40.000 | 21.840.000 |
| Cộng tiền hàng | | | | | 25.840.000 |
| Thuế suất GTGT: 10% | | Tiền thuế GTGT: | | 2.584.000 | |
| Tổng cộng tiền thanh toán | | | | | 28.424.000 |
| Số tiền viết bằng chữ: Hai mươi tám triệu bốn trăm hai mươi bốn nghìn đồng./ | | | | | |
| Người mua hàng (Đã ký) | | Người bán hàng (Đã ký) | | Thủ trưởng đơn vị (Đã ký) | |
| (Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hoá đơn) | | | | | |

Biểu 2.1 : Hóa đơn GTGT 0000690

| | | | | |
|--|------------------------------------|-------------------------------------|------------------------------------|-----------------------------|
| Đơn vị: Công ty TNHH Đệm mút Ngọc Sơn | Mẫu số 01- TT | | | |
| Địa chỉ: Khu CN Quán Trữ, Kiến An, HP | Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC | | | |
| Mã số thuế: 0200628024 | Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC | | | |
| Telefax: | | | | |
| PHIẾU THU | Số CT 29/12 | | | |
| Ngày 26/12/2012 | TK ghi nợ 1111 28,424,000 | | | |
| | TK ghi có 511 25,840,000 | | | |
| | TK ghi có 3331 2,584,000 | | | |
| Người nộp tiền: ...Chị Ngân..... | | | | |
| Địa chỉ: ... Số 344B – Yết Kiêu – Hải Tân – Hải Dương | | | | |
| Lý do: Thanh toán tiền mua hàng theo hóa đơn số 0000690 | | | | |
| Số tiền:28.424.000 đồng..... | | | | |
| Bằng chữ: Hai mươi tám triệu bốn trăm hai mươi bốn nghìn đồng chẵn/..... | | | | |
| Kèm theo...01.....chứng từ gốc : HĐ GTGT số 0000690 | | | | |
| Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ) : | | | | |
| Hai mươi tám triệu bốn trăm hai mươi bốn nghìn đồng chẵn | | | | |
| Ngày 26 tháng 12 năm 2012 | | | | |
| Thủ trưởng đơn vị (đã ký) | Kế toán trưởng (đã ký) | Người lập phiếu (đã ký) | Người nộp tiền (đã ký) | Thủ quỹ (đã ký) |

Biểu 2.2. Phiếu thu số 29/12

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: Công ty TNHH Đệm mút Ngọc Sơn
Địa chỉ: Khu CN Quán trừ, Kiến An, HP

Mẫu số S10-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên sản phẩm (hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư): Đệm gấp 1.2 x 1.9

Tháng 12/ 2012

| Ngày tháng ghi sổ | Chứng từ | | Diễn giải | Tài khoản đối ứng | Doanh thu | | | Các khoản tính trừ | |
|-------------------|----------|------------|--|-------------------|-----------|---------|-------------|--------------------|--------------------|
| | Số hiệu | Ngày tháng | | | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền | Thuế | Khác (521.531.532) |
| A | B | C | D | E | 2 | | 3 | 4 | 5 |
| 5.12 | HĐ 617 | 5.12 | Bán hàng cho chị Hiền- Bắc Ninh, thu bằng TM | 111 | 13 | 250,000 | 3,250,000 | | |
| 10.12 | HĐ 626 | 10.12 | Bán hàng cho anh Hà - Nghệ An, thu bằng TGNH | 112 | 46 | 250,000 | 11,500,000 | | |
| 11.12 | HĐ 627 | 11.12 | Bán hàng cho anh Kiên - Thanh Hóa, thu TGNH | 112 | 52 | 250,000 | 13,000,000 | | |
| | | | | | ... | | | | |
| 26.12 | HĐ 690 | 26.12 | Bán hàng cho chị Ngân - Hải Dương, thu TGNH | 111 | 16 | 250,000 | 4,000,000 | | |
| | | | Cộng số phát sinh tháng 12 | x | 872 | 250,000 | 218,524,000 | x | x |
| | | | - Giá vốn hàng bán | | 872 | 203,170 | 177,164,240 | | |
| | | | - Lãi gộp | x | x | x | 41,359,760 | | |

- Sổ này cótrang, đánh số từ trang 01 đến trang ...

- Ngày mở sổ:

Người ghi sổ

Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Kế toán trưởng

Biểu 2.3: Trích sổ chi tiết bán hàng đệm gấp 1.2 x 1.9

Đơn vị: Công ty TNHH Đệm mút Ngọc Sơn

Mẫu số: S03a – DNN

Địa chỉ: Khu CN Quán Trữ, Kiên An, HP

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ- BTC
Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm: 2012

Đơn vị tính: đồng.

| NT GS | Chứng từ | | Diễn giải | Đã ghi số cái | STT dòng | Số hiệu TK đối ứng | Số phát sinh | |
|----------|--------------|---------------|---|------------------------|-------------|--------------------------|----------------------|-------------------------|
| | Số hiệu | Ngày tháng | | | | | Nợ | Có |
| | | | | | | ... | | |
| 2/12 | PC 3/12 | 2/12 | Chi tiền mặt đóng thuế môn bài | | | 642 133 111 | 681.800 68.200 | 750.000 |
| 5/12 | PXK 11/12 | 5/12 | Trị giá vốn | | | 632 155 | 13.556.520 | 13.556.520 |
| | HĐ 617 | 5/12 | Bán hàng cho chị Hiền- Bắc Ninh, thu bằng tiền mặt | | | 111 511 3331 | 18.700.000 | 17.000.000 1.700.000 |
| | | | | | | | ... | |
| 23/12 | PC 25/12 | 23/12 | Chi mua văn phòng phẩm | | | 642 133 111 | 1.300.000 130.000 | 1.430.000 |
| 26/12 | PXK 32/12 | 26/12 | Trị giá vốn | | | 632 155 | 20.722.720 | 20.722.720 |
| | HĐ 690 | 26/12 | Bán hàng cho chị Ngân thu bằng tiền mặt | | | 111 511 3331 | 28.424.000 | 25.840.000 2.584.000 |
| | | | | | | | | |
| | | | Cộng chuyển sang trang | | | | ... | |

Biểu số 2.4 : Trích sổ nhật ký chung

Đơn vị: Công ty TNHH Đệm mút Ngọc Sơn

Mẫu số S03b- DN

Địa chỉ: Khu CN Quán Trữ, Kiến An, HP

Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI**Năm 2012****Tài khoản 511****Doanh thu bán hàng****Đơn vị tính: Đồng**

| CHỨNG TỪ | | DIỄN GIẢI | SH TK | PHÁT SINH | |
|----------|-------|--|----------|----------------|----------------|
| Số hiệu | NT | | | Nợ | Có |
| | | Số dư đầu kỳ | | | |
| | | | | | |
| HĐ 617 | 5/12 | Bán hàng cho chị Hiền- Bắc Ninh, thu bằng tiền mặt | 111 | | 17,000,000 |
| | | | | | |
| HĐ 626 | 10/12 | Thu tiền bán hàng cho anh Hà – Nghệ An | 112 | | 77,610,000 |
| | | | | | |
| HĐ 690 | 26/12 | Thu tiền bán hàng cho chị Ngân | 111 | | 25,840,000 |
| PKT 21 | 31/12 | Kết chuyển doanh thu sang TK 911 | 911 | 11,949,233,550 | |
| | | Cộng số phát sinh | | 11,949,233,550 | 11,949,233,550 |
| | | Số dư cuối kỳ | | | |

Ngày 31.tháng 12.năm 2012

Kế toán ghi sổ
(đã ký)Kế toán trưởng
(đã ký)Tổng giám đốc
(đã ký)***Biểu số 2.5 : Trích sổ cái TK 511***

2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán

2.2.2.1. Nội dung giá vốn hàng bán tại công ty TNHH Đệm mút Ngọc Sơn

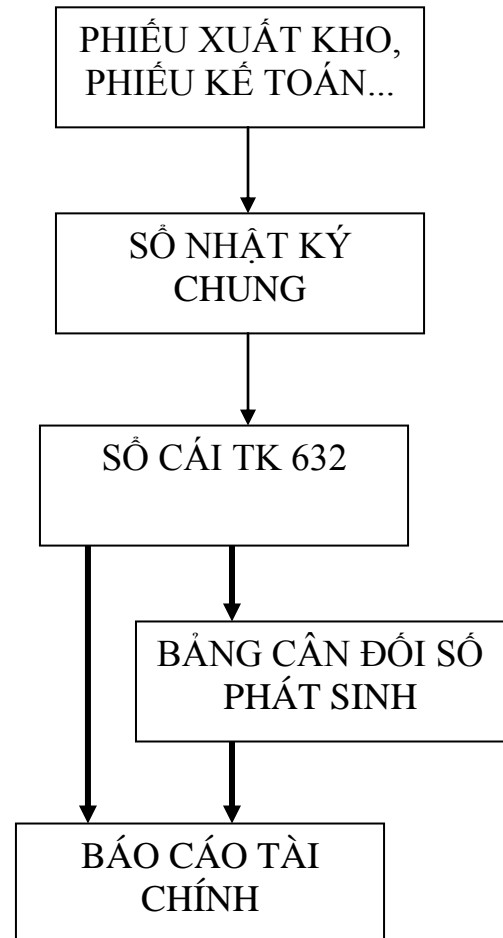
Đối với bán hàng hàng ngày, căn cứ vào phiếu xuất kho và căn cứ các chứng từ có liên quan, kế toán ghi chép bút toán giá vốn của nghiệp vụ bán hàng vào sổ Nhật ký chung. Từ sổ nhật ký chung, kế toán vào sổ TK 632
Tại công ty, trị giá vốn được tính theo phương pháp Nhập trước xuất trước

2.2.2.2. Chứng từ, sổ sách sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu xuất kho
- Phiếu kế toán
- Sổ Nhật ký chung, sổ cái tài khoản và các sổ liên quan

2.2.2.3. Tài khoản sử dụng và sơ đồ hạch toán

- Tài khoản sử dụng: TK 632 – Giá vốn hàng bán
- Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán



Sơ đồ 2.5: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán

Ghi chú :

→ Ghi hàng ngày

→ Ghi định kỳ

2.2.2.4. Ví dụ minh họa:

(Minh họa tiếp nghiệp vụ giá vốn hàng bán của ví dụ 2.1)

Ngày 26/12/2012 bán hàng cho chị Ngân theo hóa đơn số 0000690, tổng giá bán chưa thuế là 25.840.000 đ. Khách hàng đã thanh toán bằng tiền mặt.

Trị giá vốn là : 20.722.720 đ

Trong đó: - Đệm gấp 1.2 x 1.9 số lượng 16 cái : $203,170 \times 16 = 3,250,720$

- Ruột đệm bông ép số lượng 546 kg: $32,000 \times 546 = 17,472,000$

| C.TY TNHH ĐỆM MÚT NGỌC SƠN | | Mẫu 02 – VT | | | | |
|--|-----------------------|--|----------------------|---------------------|------------|---------|
| Khu CN Quán trũ, Kiến An, Hải Phòng | | Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC | | | | |
| | | Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC | | | | |
| PHIẾU XUẤT KHO | | | | | | |
| Ngày 26 tháng 12 năm 2012 | | | | | | |
| | | Số : 32/12 | | | | |
| | | Ghi nợ TK : 632 | | | | |
| | | Ghi có TK : 155 | | | | |
| Họ và tên người nhận: Phạm Thị Thu Hương | | | | | | |
| Lý do xuất kho: Xuất bán hàng cho chị Ngân | | | | | | |
| Xuất tại kho: Kho công ty | | | | | | |
| STT | Tên hàng | Đơn vị tính | Số lượng | Giá đơn vị | Thành tiền | Ghi chú |
| 1 | Đệm gấp 1.2 x 1.9 | cái | 16 | 203,170 | 3,250,720 | |
| 2 | Ruột đệm bông ép | kg | 546 | 32,000 | 17,472,000 | |
| Cộng thành tiền | | | | | 20,722,720 | |
| Người lập phiếu (Đã ký) | Người nhận (Đã ký) | Thủ kho (Đã ký) | KT trưởng (Đã ký) | Giám đốc (Đã ký) | | |

Biểu số 2.6: Phiếu xuất kho số 32/12

Đơn vị: Công ty TNHH Đệm mút Ngọc Sơn

Mẫu số: S03a – DNN

Địa chỉ: Khu CN Quán Trữ, Kiến An, HP

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ- BTC

Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm: 2012

Đơn vị tính: đồng.

| NT GS | Chứng từ | | Diễn giải | Đã ghi sổ cái | STT dòng | Số hiệu TK đối ứng | Số phát sinh | |
|----------|--------------|---------------|--|------------------------|-------------|--------------------------|----------------------|-------------------------|
| | Số hiệu | Ngày tháng | | | | | Nợ | Có |
| | | | | | | ... | | |
| 2/12 | PC 3/12 | 2/12 | Chi tiền mặt đóng thuế môn bài | | | 642 133 111 | 681.800 68.200 | 750.000 |
| 5/12 | PXK 11/12 | 5/12 | Trị giá vốn | | | 632 155 | 13.556.520 | 13.556.520 |
| | HĐ 617 | 5/12 | Bán hàng cho chị Hiền- Bắc Ninh, thu bằng tiền mặt | | | 111 511 3331 | 18.700.000 | 17.000.000 1.700.000 |
| | | | | | | | ... | |
| 23/12 | PC 25/12 | 23/12 | Chi mua văn phòng phẩm | | | 642 133 111 | 1.300.000 130.000 | 1.430.000 |
| 26/12 | PXK 32/12 | 26/12 | Trị giá vốn | | | 632 155 | 20.722.720 | 20.722.720 |
| | HĐ 690 | 26/12 | Bán hàng cho chị Ngân thu bằng tiền mặt | | | 111 511 3331 | 28.424.000 | 25.840.000 2.584.000 |
| | | | | | | | | |
| | | | Cộng chuyển sang trang | | | | ... | |

Biểu số 2.7 : Trích sổ nhật ký chung

Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

Công ty TNHH Đệm mút Ngọc Sơn

Khu CN Quán Trữ - Kiến An – Hải Phòng

SỔ CÁI

Năm 2012

Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán

Đơn vị tính: Đồng

| CHỨNG TỪ | | DIỄN GIẢI | SHTK | PHÁT SINH | |
|--------------|-------|---|------|----------------|----------------|
| Số hiệu | NT | | | Nợ | Có |
| | | Số dư đầu kỳ | | | |
| | | | | | |
| PXK 11/12 | 5/12 | Bán hàng cho chị Hiền thu bằng tiền mặt | 155 | 13,556,520 | |
| | | | | | |
| PXK 21/12 | 10/12 | Bán hàng cho anh Hà thu bằng tiền gửi ngân hàng | 155 | 60,599,792 | |
| | | | | | |
| PXK 32/12 | 26/12 | Bán hàng cho chị Ngân thu bằng tiền mặt | 155 | 20,722,720 | |
| PKT 22 | 31/12 | Kết chuyển giá vốn hàng bán sang TK 911 | 911 | | 10,917,991,188 |
| | | Cộng số phát sinh | | 10,917,991,188 | 10,917,991,188 |
| | | Số dư cuối kỳ | | | |

Ngày 31.tháng 12.năm 2012

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc

Biểu 2.8 : Trích sổ cái tài khoản 632

2.2.3. Kế toán chi phí bán hàng

2.2.3.1. Chứng từ sử dụng

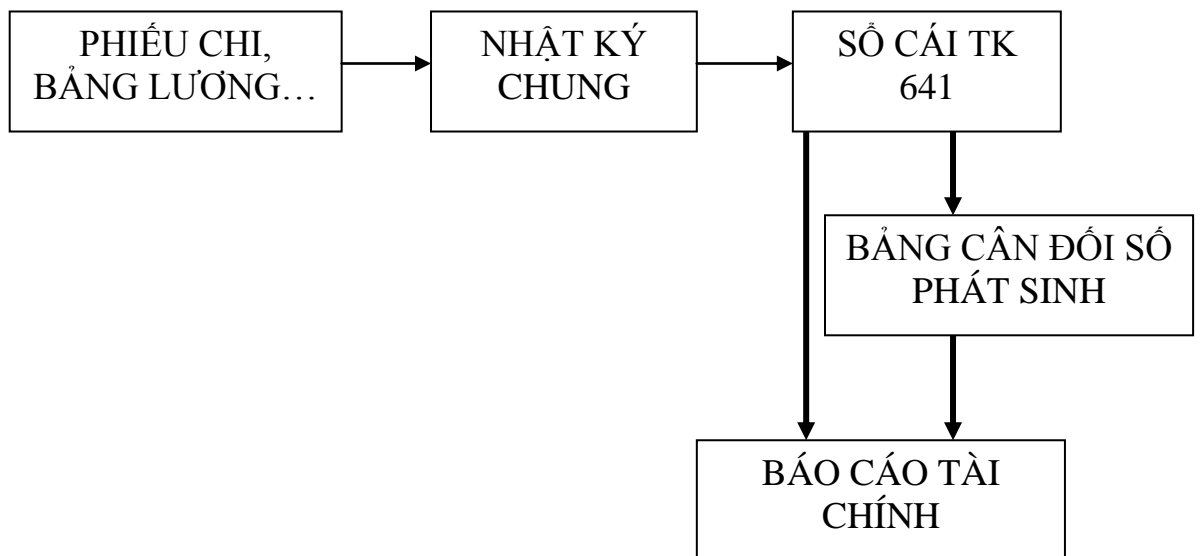
- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Phiếu chi
- Bảng chấm công, bảng thanh toán lương
- Các chứng từ khác có liên quan
- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK 641

2.2.3.2. Tài khoản sử dụng và sơ đồ hạch toán

* Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 6411 - Chi phí nhân viên.
- Tài khoản 6412 - Chi phí vật liệu, bao bì:
- Tài khoản 6413 - Chi phí dụng cụ, đồ dùng
- Tài khoản 6414 - Chi phí khấu hao TSCĐ
- Tài khoản 6415 - Chi phí bào hành
- Tài khoản 6417 - Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Tài khoản 6418 - Chi phí bằng tiền khác

* Sơ đồ hạch toán



Sơ đồ 2.6: Sơ đồ hạch toán chi phí bán hàng

Ghi chú: → Ghi hàng ngày
 → Ghi định kỳ

2.2.3.3. Ví dụ minh họa:

Ngày 17/12/2012 công ty thanh toán lương tháng 11 cho nhân viên thuộc từng bộ phận trong đó có bộ phận bán hàng:

| | |
|-------------|-------------|
| Nợ TK 622 : | 127.750.000 |
| Nợ TK 627: | 24.272.462 |
| Nợ TK 641: | 12.300.000 |
| Nợ TK 642: | 42.745.231 |
| Có TK 334: | 207.067.693 |

Các khoản trích theo lương

| | |
|------------|------------|
| Nợ TK 622: | 25.707.500 |
| Nợ TK 627: | 5.066.066 |
| Nợ TK 641: | 2.514.000 |
| Nợ TK 642: | 8.670.103 |
| Nợ TK 334: | 17.107.381 |
| Có TK 338: | 59.065.050 |

Trả lương tháng 11/2012

| | |
|------------|-------------|
| Nợ TK 334: | 189.960.312 |
| Có TK 111: | 189.960.312 |

CÔNG TY TNHH ĐỆM MÚT NGỌC SƠN

Khu công nghiệp Quán Trữ, Kiến An, Hải Phòng

BẢNG CHẤM CÔNG

Tháng 11 năm 2012

| STT | Họ tên | Cấp bậc | Ngày công trong tháng | | | | | | | | | | | | | | | Hưởng lương |
|-----|--------------------|--------------|-----------------------|---|------|---|-----|---|-----|---|-----|-----|-----|----|------|----|-----|-------------|
| | | | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | ... | 27 | 28 | 29 | 30 | 31 | |
| 1 | Nguyễn Văn Thắng | Giám đốc | x | x | x | x | x | x | | x | x | ... | x | | x | x | x | 26 |
| 2 | Trần Công Bách | Phó giám đốc | x | x | x | x | 0 | x | | x | x | ... | x | | x | x | x | 26 |
| 3 | Phạm Thị Thu Hương | KT trưởng | x | 0 | x | x | x | x | | x | x | ... | x | | x | 0 | x | 26 |
| 4 | Nguyễn Thùy Dung | Kế toán | x | x | x | x | x | 0 | | x | x | ... | x | | x | x | x | 24 |
| | | | | | | | | | | | | ... | | | | | ... | |
| 9 | Đỗ Văn Tuấn | Thị trường | x | x | x | x | x | x | | x | x | ... | x | | x | x | x | 26 |
| 10 | Lương Thanh Huyền | Thị trường | x | x | x | 0 | x | x | | x | x | ... | x | | x | x | x | 24 |
| 11 | Đỗ Thị Thủy | Thị trường | ... | | ... | | ... | | ... | | ... | | ... | | | | ... | 25 |
| 12 | Lê Tiên Dũng | Quản đốc | | | | | | | | | | | | | | | | 25 |
| 13 | Đỗ Xuân Quỳnh | Quản đốc | ... | | ... | | ... | | | | ... | | | | ... | | ... | 26 |
| 14 | Vũ Thị Giang | Kiểm hàng | x | x | x | x | x | x | | x | x | ... | x | | x | x | x | 26 |
| 15 | Nguyễn Như Quỳnh | Kiểm hàng | x | x | x | 0 | x | x | | x | x | ... | x | | x | x | x | 26 |
| | Cộng | | ... | | ... | | ... | | ... | | ... | | ... | | | | ... | |

Biểu 2.9: Trích bảng chấm công tháng 11/ 2012

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG THÁNG 11

| Stt | Họ và tên | Chức vụ | Hệ số LCB | Lương | | Lương cơ bản | Phụ cấp | Cộng | Các khoản khấu trừ | | | | Cộng trích 9.5% BH | Tạm ứng | Thực lĩnh |
|-----|------------------|----------|-----------|-----------------|-----------|-------------------|------------------|-------------------|--------------------|----------------|----------------|----------|--------------------|------------------|-------------------|
| | | | | Lương tối thiểu | Ngày công | | | | BHXH (7%) | BHYT (1.5%) | BHTN (1%) | KP CD | | | |
| | 1. TK642 | | | | | 37,215,231 | 5,530,000 | 33,731,255 | 2,361,188 | 505,969 | 337,313 | - | 3,204,470 | 1,000,000 | 29,526,785 |
| 1 | Nguyễn V Thăng | GD | 4.34 | 1,200,000 | 26 | 5,208,000 | 780,000 | 5,988,000 | 364,560 | 78,120 | 52,080 | | | | |
| 2 | Trần Bách | PGD | 4 | 1,200,000 | 26 | 4,800,000 | 650,000 | 5,450,000 | 336,000 | 72,000 | 48,000 | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | ... | | 3,506,500.0 |
| | 2. TK 641 | | | | | 10,800,000 | 1,500,000 | 12,300,000 | 756,000 | 162,000 | 108,000 | - | 1,026,000 | 1,000,000 | 10,274,000 |
| 11 | Đỗ Văn Tuấn | TT | 3.12 | 1,200,000 | 26 | 3,744,000 | 520,000 | 4,264,000 | 262,080 | 56,160 | 37,440 | - | 355,680 | 500,000 | 3,408,320 |
| 12 | Lương T. Huyền | TT | 3.12 | 1,200,000 | 24 | 3,456,000 | 480,000 | 3,936,000 | 241,920 | 51,840 | 34,560 | - | 328,320 | 500,000 | 3,107,680 |
| 13 | Đỗ Thị Thủy | TT | 3.12 | 1,200,000 | 25 | 3,600,000 | 500,000 | 4,100,000 | 252,000 | 54,000 | 36,000 | - | 342,000 | | 3,758,000 |
| | 3. TK 627 | | | | | 21,812,462 | 2,460,000 | 24,272,462 | 1,526,872 | 327,187 | 218,125 | - | 2,072,184 | 50,000 | 21,700,278 |
| 14 | Lê Tiến Dũng | Quản đốc | 2.85 | 1,200,000 | 25 | 3,288,462 | 500,000 | 3,788,462 | 230,192 | 49,327 | 32,885 | - | 312,404 | | 3,476,058 |
| | ... | | | | | | | | | | | | | | 3,615,100.0 |
| | Cộng | | | | | 69,827,692 | | 70,303,717 | 4,644,060 | 995,156 | 663,438 | - | 6,302,654 | 2,500,000 | 61,501,063 |

KT thanh toán

KT trưởng

Giám đốc

Biểu 2.10 : Trích bảng thanh toán lương tháng 11/ 2012

BẢNG TRÍCH LƯƠNG THÁNG 11

| STT | Họ và tên | Chức vụ | Hệ số LCB | Lương thời gian | | Lương cơ bản | Phụ cấp | Tổng thu nhập phải trả | Các khoản khấu trừ | | | |
|-----|-------------------|------------|-----------|-----------------|-----------|-------------------|------------------|------------------------|---------------------------------|--------------------------|----------------------|-------------------------------|
| | | | | Số tiền | Ngày công | | | | Cộng trích 9.5% BH vào thu nhập | Trích 21% BH vào chi phí | Trích 2% BH vào KPCĐ | Cộng trích 23% BH vào chi phí |
| | 1. TK 642 | | | | | 37,215,231 | 5,530,000 | 42,745,231 | 3,535,447 | 7,815,198 | 854,905 | 8,670,103 |
| 1 | Nguyễn Văn Thắng | GD | 4.34 | 1,200,000 | 26 | 5,208,000 | 780,000 | 5,988,000 | 494,760 | 1,093,680 | 119,760 | 1,213,440 |
| 2 | Trần Công Bách | PGD | 4 | 1,200,000 | 26 | 4,800,000 | 650,000 | 5,450,000 | 456,000 | 1,008,000 | 109,000 | 1,117,000 |
| ... | | | ... | | | ... | | ... | | ... | | |
| | 2. TK 641 | | | | | 10,800,000 | 1,500,000 | 12,300,000 | 1,026,000 | 2,268,000 | 246,000 | 2,514,000 |
| 11 | Đỗ Văn Tuấn | Thị Trường | 3.12 | 1,200,000 | 26 | 3,744,000 | 520,000 | 4,264,000 | 355,680 | 786,240 | 85,280 | 871,520 |
| 12 | Lương Thanh Huyền | Thị Trường | 3.12 | 1,200,000 | 24 | 3,456,000 | 480,000 | 3,936,000 | 328,320 | 725,760 | 78,720 | 804,480 |
| 13 | Đỗ Thị Thủy | Thị Trường | 3.12 | 1,200,000 | 25 | 3,600,000 | 500,000 | 4,100,000 | 342,000 | 756,000 | 82,000 | 838,000 |
| | 3. TK 627 | | | | | 21,812,462 | 2,460,000 | 24,272,462 | 2,072,184 | 4,580,617 | 485,449 | 5,066,066 |
| 14 | Lê Tiến Dũng | Quản đốc | 2.85 | 1,200,000 | 25 | 3,288,462 | 500,000 | 3,788,462 | 312,404 | 690,577 | 75,769 | 766,346 |
| ... | | | | ... | | | ... | | | | | |
| | Cộng | | | | | 69,827,693 | 9,490,000 | 79,317,693 | 6,633,631 | 14,663,815 | 1,586,353.9 | 16,250,169 |

Biểu 2.11 : Trích bảng trích lương tháng 11/ 2012

Đơn vị: Công ty TNHH Đệm mút Ngọc Sơn

Mẫu số: S03a – DNN

Địa chỉ: Khu CN Quán Trữ, Kiên An, HP

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ- BTC

Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm: 2012

Đơn vị tính: đồng.

| NT GS | Chứng từ | | Diễn giải | Đã ghi số cái | STT dòng | Số hiệu TK đối ứng | Số phát sinh | |
|----------|-----------------|---------------|---|------------------------|-------------|--|---|-------------------------|
| | Số hiệu | Ngày tháng | | | | | Nợ | Có |
| | | | | | | ... | | |
| 2/12 | PC 3/12 | 2/12 | Chi tiền mặt đóng thuế môn bài | | | 642 133 111 | 681.800 68.200 | 750.000 |
| 5/12 | PXK 11/12 | 5/12 | Trị giá vốn | | | 632 155 | 13.556.520 | 13.556.520 |
| | HĐ 617 | 5/12 | Bán hàng cho chị Hiền- Bắc Ninh, thu bằng tiền mặt | | | 111 511 3331 | 18.700.000 | 17.000.000 1.700.000 |
| | | | | | | | ... | |
| 17/12 | BT TL T11 | 17/12 | Lương phải trả cho từng bộ phận | | | 622 627 641 642 334 | 127.750.000 24.272.462 12.300.000 42.745.231 | 207.067.693 |
| | | | | | | 622 627 641 642 334 338 | 25.707.500 5.066.066 2.514.000 8.670.103 17.107.381 | 59.065.050 |
| | | | | | | | | |
| | | | Cộng chuyển sang trang | | | | ... | |

Biểu 2.12: Trích sổ nhật ký chung

Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

Công ty TNHH Đệm mút Ngọc Sơn
Khu CN Quán Trữ, Kiên An, Hải Phòng

SỔ CÁI
Năm 2012
Tài khoản 641 – Chi phí bán hàng

Đơn vị tính: Đồng

| CHỨNG TỪ | | DIỄN GIẢI | SHTK | PHÁT SINH | |
|---------------|-------|---|------|-------------|-------------|
| Số hiệu | NT | | | Nợ | Có |
| | | Số dư đầu kỳ | | | |
| | | | | | |
| BTTL T11 | 17/12 | Lương phải trả cho bộ phận bán hàng | 334 | 12,300,000 | |
| BTL T11 | 17/12 | Trích lương trả cho bộ phận bán hàng | 338 | 2,514,000 | |
| PC 19/12 | 20/12 | Thanh toán phí cầu đường Thái Bình cho anh Dương lái xe | 111 | 13,500 | |
| | | | | | |
| HĐ 144/142 | 22/12 | Thanh toán chi tiếp khách Trung quốc của anh Bách | 111 | 3.650.000 | |
| | | | | | |
| PKT 23 | 31/12 | Kết chuyển CPBH sang TK 911 | 911 | | 203,176,172 |
| | | Cộng số phát sinh | | 203,176,172 | 203,176,172 |
| | | Số dư cuối kỳ | | | |

Ngày 31.tháng 12.năm 2012

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc

Biểu 2.13 : Trích sổ cái TK 641

2.2.4. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

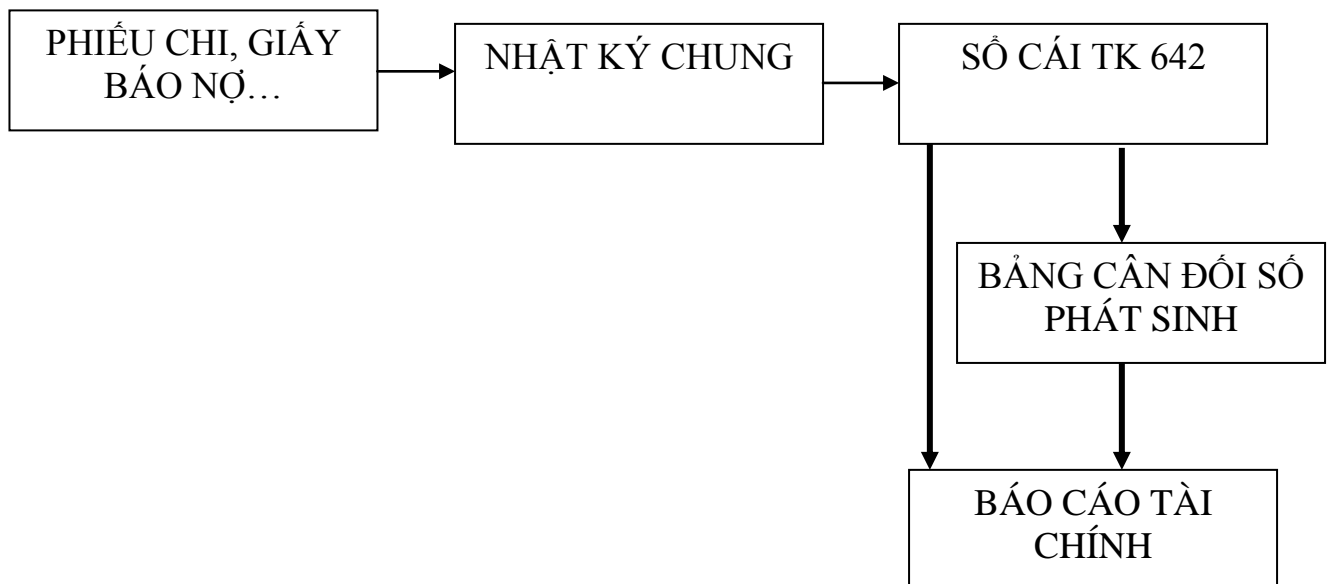
2.2.4.1. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Phiếu chi
- Bảng thanh toán lương
- Các chứng từ khác có liên quan
- Sổ nhật kí chung, Sổ cái TK 642

2.2.4.2. Tài khoản sử dụng

- TK 6421 – Chi phí nhân viên quản lý
- TK 6422 – Chi phí vật liệu quản lý
- TK 6423 – Chi phí đồ dùng văn phòng
- TK 6424 – Chi phí khấu hao TSCĐ
- TK 6425 – Thuế, phí, lệ phí
- TK 6427 – Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK 6428 – Chi phí bằng tiền khác

2.2.4.3. Sơ đồ hạch toán



Sơ đồ 2.7: Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Ghi chú: → Ghi hàng ngày
 → Ghi định kỳ

2.2.4.4. Ví dụ minh họa

Ngày 1/12 thanh toán dịch vụ viễn thông internet theo hóa đơn số 3772195

| HÓA ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG (GTGT) | | | | | | |
|--|----------------------|---------------------|---|--|-----------|---------|
| Liên 2: Giao khách hàng | | | | | | |
| TẬP ĐOÀN VIỄN THÔNG QUÂN ĐỘI | | Thùng số : 01887 | | Mã số : 01 GTKT2/003 | | |
| SỐ 1–Giang Văn Minh – Ba Đình – Hà Nội | | | | Ký hiệu : AA/12T | | |
| | | | | Số : 3772195 | | |
| MST : | | | | | | |
| 01 | | 00109106 | | Đơn vị thu : CN Viettel Hải Phòng – Tập đoàn Viễn Thông Quân Đội | | |
| Tên khách hàng: | | | | | | |
| Tên đơn vị: Công ty TNHH Đệm mút Ngọc Sơn | | | | | | |
| Địa chỉ :Số 6 Khu CN Quán Trữ, Kiến An, Hải Phòng | | | | | | |
| Số thuê bao : | | | Kỳ cước: Từ 1/11/2012 đến ngày 30/11/2012 | | | |
| Số hợp đồng: | | | Hình thức thanh toán: Tiền mặt | | | |
| STT | DIỄN GIẢI | MÃ DV | TIỀN DỊCH VỤ | THUẾ SUẤT (%) | TIỀN THUẾ | CỘNG |
| A | B | C | 1 | 2 | 3=1x2 | 4=1+3 |
| 1 | Cước chịu thuế | A | 142.521 | 10 | 14.252 | 156.773 |
| 2 | Cước không chịu thuế | A | 0 | | | 0 |
| CỘNG | | | 142.521 | | 14.252 | 156.773 |
| TỔNG CỘNG TIỀN THANH TOÁN | | | | | | |
| SỐ TIỀN VIẾT BẰNG CHỮ: Một trăm năm mươi sáu nghìn bảy trăm bảy mươi ba đồng chẵn./. | | | | | | |
| Ngày.... Tháng... năm | | | Ngày 01 tháng 12 năm 2012 | | | |
| Người nộp tiền (Đã ký) | | | Nhân viên giao dịch (Đã ký) | | | |

Biểu 2.14 : Hóa đơn dịch vụ viễn thông tháng 11/2012

Đơn vị: Công ty TNHH Đệm Mút Ngọc Sơn

Mẫu số: 02 - TT

Bộ phận:

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ- BTC

Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 01 tháng 12 năm 2012

Số: 2/12

Nợ 642 : 142,521

Nợ133 : 14,252

Có 111: 156,773

Họ và tên người nhận tiền: Vũ Thu Hà

Địa chỉ: Phòng kế toán

Lý do chi: Thanh toán tiền internet tháng 11/2012

Số tiền: 157,000 (viết bằng chữ): Một trăm năm mươi bảy nghìn đồng chẵn

Đã nhận đủ số tiền: 157,000

Kèm theo: HĐ số 03772195 chứng từ gốc.

Ngày 1 tháng 12 năm 2012

Giám đốc

Kế toán trưởng

Thủ quỹ

Người lập phiếu

Người nhận tiền

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

Biểu 2.15: Phiếu chi số 2/12

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: Công ty TNHH Đệm mút Ngọc Sơn

Mẫu số: S03a – DNN

Địa chỉ: Khu CN Quán Trữ, Kiến An, HP

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ- BTC)

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỐ NHẬT KÝ CHUNG

Năm: 2012

Đơn vị tính: đồng

| NT GS | Chứng từ | | Diễn giải | Đã ghi sổ cái | STT dòng | Số hiệu TK đối ứng | Số phát sinh | |
|----------|--------------|---------------|--|------------------------|-------------|---------------------------------|---|-------------------------|
| | Số hiệu | Ngày tháng | | | | | Nợ | Có |
| | | | | | | ... | | |
| 1/12 | PC 2/12 | 1/12 | Thanh toán tiền internet tháng 11/2012 | | ... | 642 133 111 | 142.521 14.252 | 156.773 |
| 5/12 | PXK 11/12 | 5/12 | Trị giá vốn | | | 632 155 | 13.556.520 | 13.556.520 |
| | HĐ 617 | 5/12 | Bán hàng cho chi Hiền- Bắc Ninh, thu bằng tiền mặt | | | 111 511 3331 | 18.700.000 | 17.000.000 1.700.000 |
| 17/12 | BTT TL11 | 17/12 | Lương phải trả cho từng bộ phận | | | 622 627 641 642 334 | 127.750.000 24.272.462 12.300.000 42.745.231 | 207.067.693 |
| 23/12 | PC 25/12 | 23/12 | Chi mua văn phòng phẩm | | | 642 133 111 | 1.300.000 130.000 | 1.430.000 |
| | | | ... | | | | | |
| | | | Cộng chuyển sang trang | | | | ... | |

Biểu 2.16: Trích sổ Nhật ký chung

Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

Công ty TNHH Đệm mút Ngọc Sơn
Khu CN Quán Trữ, Kiên An, Hải Phòng

SỔ CÁI
Năm 2012

Tài khoản 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

Đơn vị tính: Đồng

| CHỨNG TỪ | | DIỄN GIẢI | SHTK | PHÁT SINH | |
|----------|-------|--|------|-------------|-------------|
| Số hiệu | NT | | | Nợ | Có |
| | | Số dư đầu kỳ | | | |
| | | ... | | ... | |
| PC 2/12 | 1/12 | Thanh toán tiền internet tháng 11/2012 | 111 | 142,521 | |
| | | | | ... | |
| BTTL T11 | 17/12 | Lương phải trả cho từng bộ phận | 334 | 42,745,231 | |
| | | | | ... | |
| PC 25/12 | 23/12 | Chi mua văn phòng phẩm | 111 | 1,430,000 | |
| | | | | ... | |
| PKT 24 | 31/12 | Kết chuyển chi phí QLDN sang TK 911 | 911 | | 525,775,060 |
| | | Cộng số phát sinh | | 525,775,060 | 525,775,060 |
| | | Số dư cuối kỳ | | | |

Ngày 31.tháng 12.năm 2012

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc

Biểu 2.17: Trích sổ cái TK 642

2.2.5. Kế toán hoạt động tài chính

Công ty TNHH Đệm mút Ngọc Sơn chú trọng vào việc sản xuất và kinh doanh nên trong quá trình hoạt động, doanh nghiệp không tham gia vào các hoạt động đầu tư chứng khoán, giao dịch chứng khoán hay góp vốn liên doanh. Theo phương thức thanh toán công ty dùng cả tiền mặt, và tiền gửi ngân hàng, nên trong tài khoản tiền gửi ngân hàng của doanh nghiệp bao giờ cũng có một lượng tiền nhất định và doanh nghiệp được hưởng lãi tiền gửi từ số tiền này. Ngoài ra, trong quá trình kinh doanh do cần thêm vốn nên doanh nghiệp có vay của ngân hàng. Vì vậy, doanh thu hoạt động tài chính của doanh nghiệp phát sinh là do nhận lãi tiền gửi tại ngân hàng; còn chi phí hoạt động tài chính của doanh nghiệp phát sinh là do trả lãi tiền vay.

2.2.5.1 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

2.2.5.1.1. Chứng từ và sổ sách sử dụng

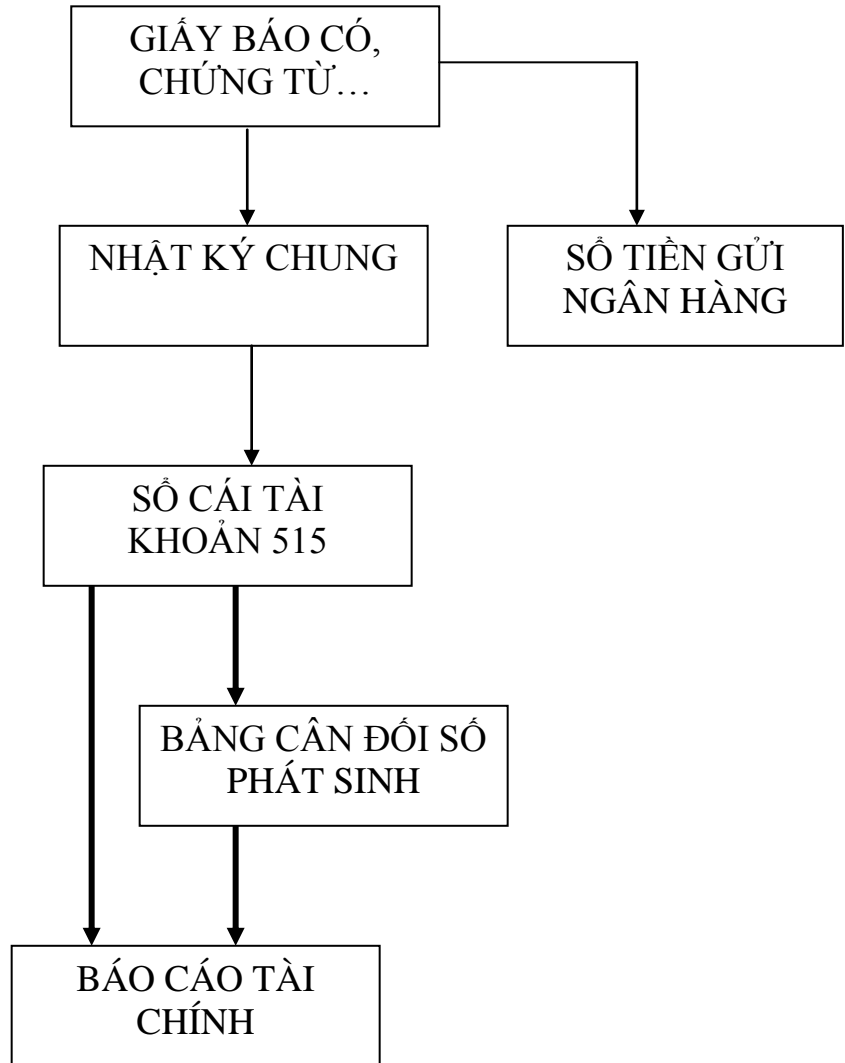
- Giấy báo Có
- Các chứng từ có liên quan hoặc thông báo của ngân hàng.
- Sổ tiền gửi ngân hàng
- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái
- Các sổ khác liên quan

2.2.5.1.2. Tài khoản sử dụng và sơ đồ hạch toán

*** Tài khoản sử dụng**

- TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính.

*** Sơ đồ hạch toán:**



Sơ đồ 2.8: Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính

Ghi chú: \longrightarrow Ghi hàng ngày
 \longrightarrow Ghi định kỳ

2.2.5.1.3. Ví dụ minh họa

Ngày 31/12/2012, doanh nghiệp nhận được giấy báo Có của ngân hàng BIDV về lãi tiền gửi được hưởng, số tiền là 164.142đ. Số tiền lãi trên được chuyển nhập vào số tiền trong tài khoản của doanh nghiệp tại ngân hàng.



BIDV

GIẤY BÁO CÓ

Ngày : 31/12/2012

SỐ TÀI KHOẢN : 12210000409988

TÊN TÀI KHOẢN : CÔNG TY TNHH ĐỆM MÚT NGỌC SƠN

Kính gửi: CÔNG TY TNHH ĐỆM MÚT NGỌC SƠN
Ngân hàng chúng tôi xin trân trọng thông báo:
Tài khoản của Quý khách đã được ghi Có với
nội dung như sau:

| Ngày hiệu lực | Số tiền | Loại tiền | Diễn giải |
|---------------|---------|-----------|--------------|
| 31/12/2012 | 164,142 | VND | LÃI NHẬP GỐC |

Giao dịch viên

Kiểm soát

Biểu 2.18: Giấy báo có 31/12 của ngân hàng BIDV

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: Công ty TNHH Đệm mút Ngọc Sơn

Mẫu số S08-DN

Địa chỉ: Khu CN Quán Trữ, Kiến An, HP

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ TIỀN GỬI NGÂN HÀNG

Nơi mở tài khoản giao dịch: Ngân hàng Đầu tư và phát triển chi nhánh Hải Phòng

Số hiệu tài khoản tại nơi gửi: 12210000409988

Đơn vị tính: đồng

| NT GS | Chứng từ | | Diễn giải | Tài khoản đổi ứng | Số tiền | | | Ghi chú |
|----------|------------|---------------|--|----------------------------|------------------|-----------------|------------|------------|
| | Số Hiệu | Ngày tháng | | | Thu (gửi vào) | Chi (Rút ra) | Còn lại | |
| A | C | D | E | | 1 | 2 | 3 | G |
| | | | - Số dư đầu kỳ | | | | 17,154,427 | |
| | | | - SPS trong kỳ | | | | | |
| ... | | | | | | | | |
| 15/12 | HD 1279 | 15/12 | Chuyển trả tiền mua vải dệt thoi của công ty TNHH Ngọc Long | 331 | | 181,853,000 | | |
| 22/12 | HD 1814 | 22/12 | Chuyển trả tiền mua hóa chất TDI của công ty TNHH Tùng Khánh | 331 | ... | 162,500,000 | ... | |
| 27/12 | PC 33/12 | 27/12 | Gửi tiền mặt vào ngân hàng | 111 | 30,000,000 | | ... | |
| | | | ... | | | | | |
| 31/12 | GBC 31/12 | 31/12 | Nhập lãi tiền gửi | 515 | 164,142 | | | |
| | | | - Cộng số phát sinh trong kỳ | x | 574,121,992 | 527,145,449 | x | x |
| | | | - Số dư cuối kỳ | x | x | x | 64,130,970 | x |

- Ngày mở sổ:

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Đã ký)

Giám đốc
(Đã ký)

Biểu 2.19: Trích sổ tiền gửi ngân hàng

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: Công ty TNHH Đệm mút Ngọc Sơn

Mẫu số: S03a – DNN

Địa chỉ: Khu CN Quán Trữ, Kiên An, HP

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ- BTC

Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm: 2012

Đơn vị tính: đồng.

| NT GS | Chứng từ | | Diễn giải | Đã ghi sổ cái | STT dòng | Số hiệu TK đối ứng | Số phát sinh | |
|----------|--------------|---------------|--|------------------------|-------------|--------------------------|----------------------|-------------------------|
| | Số hiệu | Ngày tháng | | | | | Nợ | Có |
| | | | | | | ... | | |
| 2/12 | PC 3/12 | 2/12 | Chi tiền mặt đóng thuế môn bài | | | 642 133 111 | 681.800 68.200 | 750.000 |
| 5/12 | PXK 11/12 | 5/12 | Trị giá vốn | | | 632 155 | 13.556.520 | 13.556.520 |
| | HĐ 617 | 5/12 | Bán hàng cho chị Hiền- Bắc Ninh, thu bằng tiền mặt | | | 111 511 3331 | 18.700.000 | 17.000.000 1.700.000 |
| | | | | | | | ... | |
| 23/12 | PC 25/12 | 23/12 | Chi mua văn phòng phẩm | | | 642 133 111 | 1.300.000 130.000 | 1.430.000 |
| 26/12 | PXK 32/12 | 26/12 | Trị giá vốn | | | 632 155 | 20.722.720 | 20.722.720 |
| | HĐ 690 | 26/12 | Bán hàng cho chị Ngân thu bằng tiền mặt | | | 111 511 3331 | 28.424.000 | 25.840.000 2.584.000 |
| 31/12 | GBC 31/12 | 31/12 | Nhận lãi tiền gửi Ngân hàng BIDV | | | 112 515 | 164.142 | 164.142 |
| | | | Cộng chuyển sang trang | | | | ... | |

Biểu 2.20: Trích sổ nhật ký chung

Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

Công ty TNHH Đệm mút Ngọc Sơn

Khu CN Quán Trữ - Kiến An – Hải Phòng

SỔ CÁI

Năm 2012

Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

Đơn vị tính: Đồng

| CHỨNG TỪ | | DIỄN GIẢI | SHTK | PHÁT SINH | |
|--------------|-------|---|-------|------------|------------|
| Số hiệu | NT | | | Nợ | Có |
| | | Số dư đầu kỳ | | | |
| | | | | | |
| GBC 18/12 | 18/12 | Nhập tiền lãi từ ngân hàng Viettin bank | 11211 | | 205,179 |
| | | | | | |
| GBC 31/12 | 31/12 | Nhập tiền lãi từ ngân hàng BIDV | 11212 | | 164,142 |
| | | | | | |
| PKT 25 | 31/12 | K/c Doanh thu hoạt động tài chính | 911 | 11,364,013 | |
| | | Cộng số phát sinh | | 11,364,013 | 11,364,013 |
| | | Số dư cuối kỳ | | | |

Ngày 31.tháng 12.năm 2012

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc

Biểu 2.21: Trích sổ cái TK 515

2.2.5.2. Kế toán chi phí tài chính

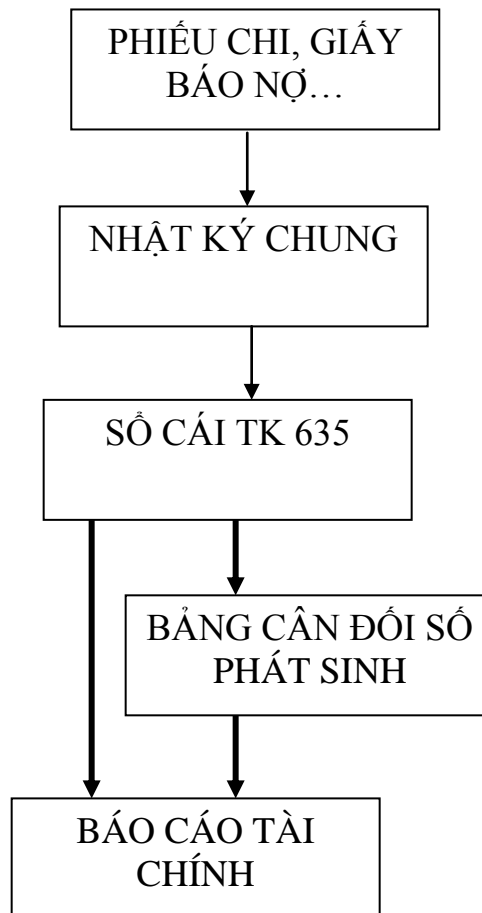
2.2.5.2.1. Chứng từ sử dụng

- + Giấy báo nợ của Ngân hàng
- + Phiếu chi
- + Sổ nhật ký chung
- + Sổ cái TK 635

2.2.5.2.2. Tài khoản sử dụng và sơ đồ hạch toán

* Tài khoản sử dụng 635 : Chi phí hoạt động tài chính

* Sơ đồ hạch toán:




Sơ đồ 2.9: Sơ đồ hạch toán chi phí tài chính

Ghi chú: → Ghi hàng ngày
 → Ghi định kỳ

2.2.5.2.3. Ví dụ minh họa:

Ngày 26/12/2012, doanh nghiệp chuyển khoản trả lãi tiền vay của TK 001895 cho ngân hàng BIDV, số tiền là 830.556đ.

| | | | |
|---|--------------------|--|-----------------------------------|
|  | GIẤY BÁO NỢ | Ngày : 26/12/2012 | |
| SỐ TÀI KHOẢN : 1221000040998 | | | |
| TÊN TÀI KHOẢN : CÔNG TY TNHH ĐỆM MÚT NGỌC SƠN | | | |
| Kính gửi: CÔNG TY TNHH ĐỆM MÚT NGỌC SƠN | | Ngân hàng chúng tôi xin trân trọng thông báo: Tài khoản của Quý khách đã được ghi Nợ với nội dung như sau: | |
| Ngày hiệu lực | Số tiền | Loại tiền | Diễn giải |
| 26/12/2012 | 830,556 | VND | Trả tiền lãi vay của TK 001895 |
| Giao dịch viên | | Kiểm soát | |

Biểu 2.22: Giấy báo nợ 26/12 của ngân hàng BIDV

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: Công ty TNHH Đệm mút Ngọc Sơn

Địa chỉ: Khu CN Quán Trữ, Kiên An, HP

Mẫu số: S03a – DNN

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ- BTC

Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm: 2012

Đơn vị tính: đồng.

| NT GS | Chứng từ | | Diễn giải | Đã ghi số cái | STT dòng | Số hiệu TK đối ứng | Số phát sinh | |
|----------|--------------|---------------|--|------------------------|-------------|--------------------------|----------------------|-------------------------|
| | Số hiệu | Ngày tháng | | | | | Nợ | Có |
| | | | | | | ... | | |
| 2/12 | PC 3/12 | 2/12 | Chi tiền mặt đóng thuế môn bài | | | 642 133 111 | 681.800 68.200 | 750.000 |
| 5/12 | PXK 11/12 | 5/12 | Trị giá vốn | | | 632 155 | 13.556.520 | 13.556.520 |
| | HĐ 617 | 5/12 | Bán hàng cho chị Hiền- Bắc Ninh, thu bằng tiền mặt | | | 111 511 3331 | 18.700.000 | 17.000.000 1.700.000 |
| 10/12 | PXK 21/12 | 10/12 | Trị giá vốn | ... | | 632 155 | 60.599.792 | 60.599.792 |
| | HĐ 626 | | Bán hàng cho anh Hà – Nghệ An, thu bằng tiền mặt | | | 111 511 3331 | 85.371.000 | 77.610.000 7.761.000 |
| | | | | | | | ... | |
| 23/12 | PC 25/12 | 23/12 | Chi mua văn phòng phẩm | | | 642 133 111 | 1.300.000 130.000 | 1.430.000 |
| | | | ... | | | | | |
| 26/12 | GBN 26/12 | 26/12 | Trả tiền lãi vay của TK 001895 | | | 635 112 | 830.556 | 830.556 |
| | | | | | | | | |
| | | | Cộng chuyển sang trang | | | | ... | |

Biểu 2.23: Trích sổ nhật ký chung

Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

Công ty TNHH Đệm mút Ngọc Sơn

Khu CN Quán Trữ - Kiến An – Hải Phòng

SỔ CÁI

Năm 2012

Tài khoản 635 – Chi phí hoạt động tài chính

Đơn vị tính: Đồng

| CHỨNG TỪ | | DIỄN GIẢI | SHTK | PHÁT SINH | |
|--------------|-------|---------------------------------------|------|-------------|-------------|
| Số hiệu | NT | | | Nợ | Có |
| | | Số dư đầu kỳ | | | |
| | | ... | | | |
| GBN 13/12 | 13/12 | Phí chuyển tiền tại ngân hàng BIDV | 112 | 10,000 | |
| | | | | | |
| GBN 26/12 | 26/12 | Trả tiền lãi vay TK 001895 | 112 | 830,556 | |
| | | | | | |
| PKT 26 | 31/12 | K/c chi phí hoạt động tài chính | 911 | | 218,439,380 |
| | | Cộng số phát sinh | | 218,439,380 | 218,439,380 |
| | | Số dư cuối kỳ | | | |

Ngày 31.tháng 12.năm 2012

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc

Biểu 2.24: Trích sổ cái TK 635

2.2.6. Kế toán hoạt động khác

Thu nhập khác và chi phí khác của công ty chủ yếu liên quan đến các hoạt động thanh lý, nhượng bán Tài sản cố định và các khoản thu từ bán phế liệu

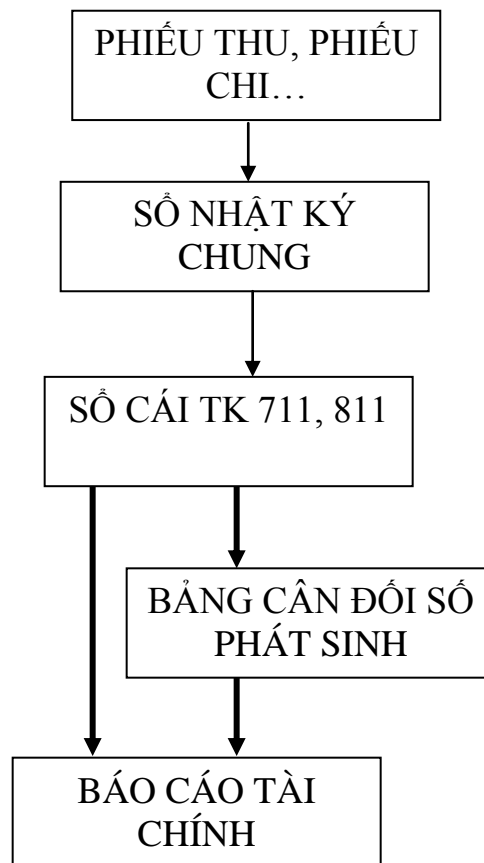
2.2.6.1. Chứng từ, sổ sách sử dụng

- Phiếu thu, phiếu chi
- Sổ nhật ký chung, Sổ cái

2.2.6.2. Tài khoản sử dụng và sơ đồ hạch toán:

* *Tài khoản sử dụng* : TK 711 – Thu nhập khác
TK 811 – Chi phí khác

* *Sơ đồ hạch toán*:



Sơ đồ 2.10: Sơ đồ hạch toán thu nhập, chi phí khác

Ghi chú: \longrightarrow Ghi hàng ngày
 \longrightarrow Ghi định kỳ

2.2.6.3. Ví dụ minh họa:

Ngày 11/12/2012 thanh lý 1cân kỹ thuật điện tử. Nguyên giá 17.818.182 đã hao mòn 15.590.911 đồng. Thu bằng tiền mặt, tổng số tiền 2.200.000 đồng (Thuế GTGT 10%)

| | |
|---|---|
| Công ty TNHH Đệm mút Ngọc Sơn | Mẫu số 02 - TSCĐ |
| Khu CN Quán Trữ, Kiến An. HP | (QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC) |
| BIÊN BẢN THANH LÝ TSCĐ Ngày 11 tháng 12 năm 2012 | |
| Số: BB/T12/032 Số: 214, 811 Số: 211 | |
| Căn cứ Quyết định số 062/2012 ngày 11 tháng 12 năm 2012 của công ty TNHH Đệm mút Ngọc Sơn về việc thanh lý tài sản cố định. | |
| I. Ban thanh lý TSCĐ gồm: | |
| - Ông /bà: Nguyễn Văn Thắng | Chức vụ: Giám đốc - Trưởng ban |
| - Ông /bà: Phạm Thị Thu Hương | Chức vụ: Kế toán trưởng - Ủy viên |
| - Ông /bà: Hà Thu Thủy | Chức vụ: Nhân viên - Ủy viên |
| II. Tiến hành thanh lý TSCĐ: | |
| - Tên, ký hiệu, quy cách (cấp hạng) TSCĐ: Cân kỹ thuật điện tử - CANKTDT | |
| - Số hiệu TSCĐ: 56 | |
| - Nước sản xuất (xây dựng): Nhật Bản | |
| - Năm sản xuất: 2003 | - Năm đưa vào sử dụng: 2005 |
| - Nguyên giá: 17.818.182 | |
| - Giá trị hao mòn đã trích đến thời điểm thanh lý: 15.590.911 | |
| - Giá trị còn lại của TSCĐ: 2.227.271 | |
| III. Kết luận của Ban thanh lý TSCĐ: | |
| Cân kỹ thuật điện tử đã được sử dụng nhiều năm, cho đến nay có khả năng thu hồi giá trị còn lại bằng việc thanh lý. | |
| Ngày 11 tháng 12 năm 2012 Trưởng ban thanh lý (Đã ký) | |
| IV. Kết quả thanh lý TSCĐ: | |
| - Chi phí thanh lý TSCĐ:.....(viết bằng chữ)..... | |
| - Giá trị thu hồi:.....(viết bằng chữ)..... | |
| - Đã ghi giảm sổ TSCĐ ngày 11 tháng 12 năm 2012 | |
| Giám đốc | Ngày 11 tháng 12 năm 2012 Kế toán trưởng |

Biểu 2.25: Biên bản thanh lý tài sản cố định

Đơn vị: Công ty TNHH Đệm Mút Ngọc Sơn

Mẫu số: 02 - TT

Bộ phận:

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ- BTC

Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU THU

Ngày 11 tháng 12 năm 2012

Số: 16/12

Nợ 111: 2.200.000

Có 711: 2.000.000

Có 3331: 200.000

Họ và tên người nhận tiền: Vũ Thu Hà

Địa chỉ: Phòng kế toán

Lý do chi: Tiền thu được khi thanh lý cân điện tử CANKTDT

Số tiền: 2.200.000 (bằng chữ): Hai triệu hai trăm nghìn đồng chẵn

Đã nhận đủ số tiền: 2.200.000

Kèm theo: Biên bản BB/T12/032 chứng từ gốc.

Ngày 11 tháng 12 năm 2012

Giám đốc

Kế toán trưởng

Thủ quỹ

Người lập phiếu

**Người nhận
tiền**

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

Biểu 2.26: Phiếu thu số 16/12

Căn cứ vào biên bản thanh lý Tài sản cố định số BB/T12/032, kế toán ghi nhận nghiệp vụ phát sinh vào Sổ nhật ký chung, Sổ cái tài khoản 811 và sổ cái các tài khoản liên quan.

Ghi giảm tài sản cố định:

Nợ TK 214: 15.590.911

Nợ TK 811: 2.227.271

Có TK 211: 17.818.182

Căn cứ vào Phiếu thu số 16/12, kế toán ghi nhận nghiệp vụ phát sinh vào Sổ nhật ký chung, Sổ cái tài khoản 711 và sổ cái các tài khoản liên quan.

Ghi nhận doanh thu về thanh lý tài sản cố định:

Nợ TK 111: 2.200.000

Có TK 711: 2.000.000

Có TK 3331: 200.000

Đơn vị: Công ty TNHH Đệm mút Ngọc Sơn

Mẫu số: S03a – DNN

Địa chỉ: Khu CN Quán Trữ, Kiến An, HP

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ- BTC

Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm: 2012

Đơn vị tính: đồng.

| NT GS | Chứng từ | | Diễn giải | Đã ghi sổ cái | STT dòng | Số hiệu TK đối ứng | Số phát sinh | |
|----------|----------------|---------------|--|------------------------|-------------|--------------------------|-------------------------|-------------------------|
| | Số hiệu | Ngày tháng | | | | | Nợ | Có |
| | | | | | | ... | | |
| 2/12 | PC 3/12 | 2/12 | Chi tiền mặt đóng thuế môn bài | | | 642 133 111 | 681.800 68.200 | 750.000 |
| 5/12 | PXK 11/12 | 5/12 | Trị giá vốn | ... | | 632 155 | 13.556.520 | 13.556.520 |
| | HĐ 617 | 5/12 | Bán hàng cho chị Hiền- Bắc Ninh, thu bằng tiền mặt | | | 111 511 3331 | 18.700.000 | 17.000.000 1.700.000 |
| | ... | | | ... | | | ... | |
| 11/12 | BB/T 12/032 | 11/12 | Thanh lý cân điện tử | | | 214 811 211 | 15.590.911 2.227.271 | 17.818.182 |
| | PT 16/12 | 11/12 | Doanh thu thanh lý tài sản | | | 111 711 3331 | 2.200.000 | 2.000.000 200.000 |
| 23/12 | PC 25/12 | 23/12 | Chi mua văn phòng phẩm | | | 642 133 111 | 1.300.000 130.000 | 1.430.000 |
| 26/12 | GBN 26/12 | 26/12 | Trả tiền lãi vay của TK 001895 | | | 635 112 | 830.556 | 830.556 |
| | | | ... | | | ... | | |
| | | | Cộng chuyển sang trang | | | | ... | |

Biểu 2.27: Trích sổ nhật ký chung

Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

Công ty TNHH Đệm mút Ngọc Sơn

Khu CN Quán Trữ - Kiến An – Hải Phòng

SỔ CÁI

Năm 2012

Tài khoản 711 –Thu nhập khác

Đơn vị tính: Đồng

| CHỨNG TỪ | | DIỄN GIẢI | SHTK | PHÁT SINH | |
|----------|-------|--------------------------|------|------------|------------|
| Số hiệu | NT | | | Nợ | Có |
| | | Số dư đầu kỳ | | | |
| PT 5/12 | 3/12 | Thu từ bán giấy vụn | 111 | | 302,000 |
| | ... | ... | | | ... |
| PT 16/12 | 11/12 | Thanh lý cân điện tử | 111 | | 2,000,000 |
| PT 20/12 | 13/12 | Thu nhập từ bán vải vụn | 111 | | 11,526,000 |
| | | | | | |
| PT 32/12 | 26/12 | Thu từ bán đầu sắt vụn | 111 | | 2,215,500 |
| | ... | ... | | | ... |
| PKT 27 | 31/12 | K/c thu nhập khác | 911 | 30,246,512 | |
| | | Cộng số phát sinh | | 30,246,512 | 30,246,512 |
| | | Số dư cuối kỳ | | | |

Ngày 31.tháng 12.năm 2012

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc

Bảng 2.28: Trích sổ cái TK 711

Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

Công ty TNHH Đệm mút Ngọc Sơn
Khu CN Quán Trữ - Kiên An – Hải Phòng

SỔ CÁI

Năm 2012

Tài khoản 811 – Chi phí khác

Đơn vị tính: Đồng

| CHỨNG TỪ | | DIỄN GIẢI | SHTK | PHÁT SINH | |
|----------------|-------|--------------------------|------|------------|------------|
| Số hiệu | NT | | | Nợ | Có |
| | | Số dư đầu kỳ | | | |
| | | | | | |
| BB/ T3/07 | 17/3 | Thanh lý máy nén khí | 211 | 4.521.129 | |
| ... | | | | | |
| BB/ T12/032 | 11/12 | Thanh lý cân điện tử | 211 | 2.227.271 | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| PKT 28 | 31/12 | K/c chi phí khác | 911 | | 15,614,784 |
| | | Cộng số phát sinh | | 15,614,784 | 15,614,784 |
| | | Số dư cuối kỳ | | | |

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

Ngày 31.tháng 12.năm 2012

Tổng giám đốc

Biểu 2.29: Trích sổ cái TK 811

2.2.7. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

Kết quả kinh doanh là chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty.

Kết quả kinh doanh được xác định là chênh lệch giữa doanh thu, thu nhập và các khoản chi phí trong kỳ

2.2.7.1. Chứng từ, sổ sách sử dụng

- Phiếu kế toán
- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái

2.2.7.2. Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 911 : Xác định kết quả hoạt động kinh doanh
- Tài khoản 821: Chi phí thuế TNDN hiện hành
- Tài khoản 421 : Lợi nhuận sau thuế

2.2.7.3. Phương pháp và sơ đồ hạch toán:

Căn cứ để xác định kết quả kinh doanh:

✓ Tổng số phát sinh bên Có cuối tháng của các TK 511, TK 515, TK 711 được kết chuyển vào bên Nợ TK 911.

✓ Tổng số phát sinh bên Nợ cuối tháng của các TK 632, TK 641, TK 642, TK 635, TK 811 được kết chuyển vào bên Có TK 911

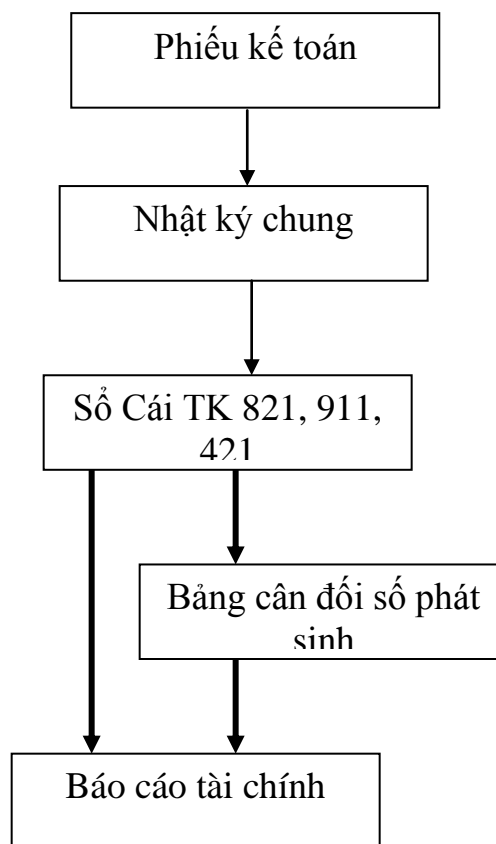
Sau khi bù trừ hai bên Nợ - Có TK 911, kế toán xác định kết quả kinh doanh của công ty như sau:

Nếu Tổng số tiền bên Nợ > Tổng số tiền bên Có tức là kết quả kinh doanh của công ty bị lỗ và số tiền chênh lệch này được kết chuyển sang bên Nợ TK 421

Nếu Tổng số tiền bên Nợ < Tổng số tiền bên Có tức là kết quả kinh doanh của công ty có lãi. Kế toán căn cứ vào số tiền lãi, tính ra thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho Nhà nước, số còn lại (sau khi trừ đi thuế phải nộp) được kết chuyển sang bên Có TK 421

Kết quả hoạt động kinh doanh là kết quả tài chính cuối cùng của các hoạt động sản xuất kinh doanh trong công ty trong một thời gian nhất định. Kết quả hoạt động kinh doanh được biểu hiện qua chỉ tiêu “Lãi” hoặc “Lỗ”. Căn cứ vào chế độ tài chính hiện hành, thu nhập của công ty được phân phối như sau:

- ✓ Nộp thuế TNDN theo quy định với mức thuế suất 25%
- ✓ Bù lỗ năm trước không được trừ vào lợi nhuận sau thuế
- ✓ Trừ các khoản chi phí thực tế phát sinh đã chi nhưng không được tính vào chi phí hợp lý khi xác định thuế thu nhập doanh nghiệp



Sơ đồ 2.11: Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh

Ghi chú: \longrightarrow Ghi hàng ngày
 \longrightarrow Ghi định kỳ

2.2.7.4 : Ví dụ minh họa

Cuối tháng 12 kế toán thực hiện các bút toán kết chuyển để xác định kết quả kinh

doanh.

Sau khi thực hiện các bút toán kết chuyển ta có:

| Kết chuyển doanh thu | | Kết chuyển chi phí | |
|----------------------|----------------|--------------------|----------------|
| Nợ TK 511 : | 11,949,233,550 | Nợ TK 911 | 11,880,996,584 |
| Nợ Tk 515 : | 11,364,013 | Có TK 632 | 10,917,991,188 |
| Nợ TK 711 : | 30,246,512 | Có TK 635 | 218,439,380 |
| Có TK 911: | 11,990,844,075 | Có TK 641 | 203,176,172 |
| | | Có TK 642 | 525,775,060 |
| | | Có TK 811 | 15,614,784 |

Lợi nhuận trước thuế = 11,990,844,075 - 11,880,996,584 = 109,847,491

Thuế TNDN phải nộp = 109,847,491 x 25% = 27,461,873

Lợi nhuận sau thuế = 109,847,491 – 27,461,873 = 82,385,618

Kết chuyển lãi

- Nợ 821: 27,461,873

Có 3334: 27,461,873

- Nợ 911: 27,461,873

Có 821: 27,461,873

- Nợ 911 : 82,385,618

Có 421: 82,385,618

*** Kế toán lập:**

- Biểu 2.29 Phiếu kế toán số 21: Kết chuyển doanh thu thuần

- Biểu 2.30 Phiếu kế toán số 22: Kết chuyển Giá vốn hàng bán
- Biểu 2.31 Phiếu kế toán số 23: Kết chuyển Chi phí bán hàng
- Biểu 2.32 Phiếu kế toán số 24: Chi phí quản lý doanh nghiệp
- Biểu 2.33 Phiếu kế toán số 25: Kết chuyển Doanh thu hoạt động tài chính
- Biểu 2.34 Phiếu kế toán số 26: Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính
- Biểu 2.35 Phiếu kế toán số 27: Kết chuyển thu nhập khác
- Biểu 2.36 Phiếu kế toán số 28: Kết chuyển chi phí khác
- Biểu 2.37 Phiếu kế toán số 29: Xác định thuế TNDN
- Biểu 2.38 Phiếu kế toán số 30: Kết chuyển chi phí thuế TNDN hiện hành
- Biểu 2.39 Phiếu kế toán số 31: Kết chuyển lãi

Từ sổ nhật ký chung vào sổ cái TK 821, TK 911, TK 421

| Công ty TNHH Đệm mút Ngọc Sơn Khu CN Quán trữ, Kiến An, Hải Phòng | | | | |
|--|----------------------------|-------|-------|----------------|
| PHIẾU KẾ TOÁN Ngày 31/12/2012 Số 21 | | | | |
| STT | Nội dung | TK nợ | TK có | Số tiền |
| 1 | Kết chuyển doanh thu thuần | 511 | 911 | 11,949,233,550 |
| | / | | | |
| | Cộng | | | 11,849,233,550 |

Người lập

Kế toán trưởng

Biểu 2.29: Phiếu kế toán số 21

| Công ty TNHH Đệm mút Ngọc Sơn Khu CN Quán trữ, Kiến An, Hải Phòng PHIẾU KẾ TOÁN Ngày 31/12/2012 Số 22 | | | | |
|---|-----------------------------|-------|-------|----------------|
| STT | Nội dung | TK nợ | TK có | Số tiền |
| 1 | Kết chuyển giá vốn hàng bán | 911 | 632 | 10,917,991,188 |
| | | | | |
| | | | | |
| | Cộng | | | 10,917,991,188 |

Người lập

Kế toán trưởng

Biểu 2.30: Phiếu kế toán số 22

| Công ty TNHH Đệm mút Ngọc Sơn Khu CN Quán trữ, Kiến An, Hải Phòng PHIẾU KẾ TOÁN Ngày 31/12/2012 Số 23 | | | | |
|---|-----------------------------|-------|-------|-------------|
| STT | Nội dung | TK nợ | TK có | Số tiền |
| 1 | Kết chuyển chi phí bán hàng | 911 | 641 | 203,176,172 |
| | | | | |
| | | | | |
| | Cộng | | | 203,176,172 |

Người lập

Kế toán trưởng

Biểu 2.31: Phiếu kế toán số 23

| Công ty TNHH Đệm mút Ngọc Sơn Khu CN Quán trữ, Kiến An, Hải Phòng PHIẾU KẾ TOÁN Ngày 31/12/2012 Số 24 | | | | |
|---|-------------------------------|-------|-------|-------------|
| STT | Nội dung | TK nợ | TK có | Số tiền |
| 1 | Kết chuyển chi phí quản lý DN | 911 | 642 | 525,775,060 |
| | | | | |
| | Cộng | | | 525,775,060 |

Người lập

Kế toán trưởng

Biểu 2.32: Phiếu kế toán số 24

| Công ty TNHH Đệm mút Ngọc Sơn Khu CN Quán trữ, Kiến An, Hải Phòng PHIẾU KẾ TOÁN Ngày 31/12/2012 Số 25 | | | | |
|---|-----------------------------------|-------|-------|------------|
| STT | Nội dung | TK nợ | TK có | Số tiền |
| 1 | Kết chuyển doanh thu HĐ tài chính | 515 | 911 | 11,364,013 |
| | | | | |
| | Cộng | | | 11,364,013 |

Người lập

Kế toán trưởng

Biểu 2.33: Phiếu kế toán số 25

| Công ty TNHH Đệm mút Ngọc Sơn Khu CN Quán trữ, Kiến An, Hải Phòng PHIẾU KẾ TOÁN Ngày 31/12/2012 Số 26 | | | | |
|---|------------------------------|-------|-------|-------------|
| STT | Nội dung | TK nợ | TK có | Số tiền |
| 1 | Kết chuyển chi phí tài chính | 911 | 635 | 218,439,380 |
| | | | | |
| | Cộng | | | 218,439,380 |

Người lập

Kế toán trưởng

Biểu 2.34: Phiếu kế toán số 26

| Công ty TNHH Đệm mút Ngọc Sơn Khu CN Quán trữ, Kiến An, Hải Phòng PHIẾU KẾ TOÁN Ngày 31/12/2012 Số 27 | | | | |
|---|--------------------------|-------|-------|------------|
| STT | Nội dung | TK nợ | TK có | Số tiền |
| 1 | Kết chuyển thu nhập khác | 711 | 911 | 30,246,512 |
| | | | | |
| | Cộng | | | 30,246,512 |

Người lập

Kế toán trưởng

Biểu 2.35: Phiếu kế toán số 27

| Công ty TNHH Đệm mút Ngọc Sơn Khu CN Quán trữ, Kiến An, Hải Phòng PHIẾU KẾ TOÁN Ngày 31/12/2012 Số 28 | | | | |
|---|-------------------------|-------|-------|------------|
| STT | Nội dung | TK nợ | TK có | Số tiền |
| 1 | Kết chuyển chi phí khác | 911 | 811 | 15,614,784 |
| | | | | |
| | Cộng | | | 35,614,784 |

Người lập

Kế toán trưởng

Biểu 2.36: Phiếu kế toán số 28

| Công ty TNHH Đệm mút Ngọc Sơn Khu CN Quán trữ, Kiến An, Hải Phòng PHIẾU KẾ TOÁN Ngày 31/12/2012 Số 29 | | | | |
|---|--------------------|-------|-------|------------|
| STT | Nội dung | TK nợ | TK có | Số tiền |
| 1 | Xác định thuế TNDN | 821 | 3334 | 27,461,873 |
| | | | | |
| | Cộng | | | 27,461,873 |

Người lập

Kế toán trưởng

Biểu 2.37: Phiếu kế toán số 29

| Công ty TNHH Đệm mút Ngọc Sơn Khu CN Quán trữ, Kiến An, Hải Phòng PHIẾU KẾ TOÁN Ngày 31/12/2012 Số 30 | | | | |
|---|------------------------------|-------|-------|------------|
| STT | Nội dung | TK nợ | TK có | Số tiền |
| 1 | Kết chuyển chi phí thuế TNDN | 911 | 821 | 27,461,873 |
| | | | | |
| | Cộng | | | 27,461,873 |

Người lập

Kế toán trưởng

Biểu 2.38: Phiếu kế toán số 30

| Công ty TNHH Đệm mút Ngọc Sơn Khu CN Quán trữ, Kiến An, Hải Phòng PHIẾU KẾ TOÁN Ngày 31/12/2012 Số 31 | | | | |
|---|----------------|-------|-------|------------|
| STT | Nội dung | TK nợ | TK có | Số tiền |
| 1 | Kết chuyển lãi | 911 | 421 | 82,385,618 |
| | | | | |
| | Cộng | | | 82,385,618 |

Người lập

Kế toán trưởng

Biểu 2.39: Phiếu kế toán số 31

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: Công ty TNHH Đệm mút Ngọc Sơn

Mẫu số: S03a-DN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Quán Trữ, KA

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÍ CHUNG

Năm : 2012

Đơn vị tính: đồng

| NT GS | Chứng từ | | Diễn giải | ... | ... | Số hiệu TK đối ứng | Số phát sinh | |
|----------|------------|---------------|--|-----|-----|--------------------------------|-----------------|-----------------|
| | Số hiệu | Ngày tháng | | | | | Nợ | Có |
| A | B | C | D | E | G | H | 1 | 2 |
| | | | Số trang trước chuyển sang | | | | | |
| | | | | | | | | |
| 31/12 | PKT 21 | 31/12 | K/C Doanh thu bán hàng | | | 511 | 11,949,233,550 | |
| | | | | | | 911 | | 11,949,233,550 |
| 31/12 | PKT 24 | 31/12 | K/C chi phí quản lý doanh nghiệp | | | 911 | 525,775,060 | |
| | | | | | | 642 | | 525,775,060 |
| 31/12 | PKT 25 | 31/12 | K/C Doanh thu HĐ tài chính | | | 515 | 11,364,013 | |
| | | | | | | 911 | | 11,364,013 |
| | | | | | | ... | | |
| 31/12 | PKT 28 | 31/12 | K/C chi phí khác | | | 911 | 15,614,784 | |
| | | | | | | 811 | | 15,614,784 |
| 31/12 | PKT 29 | 31/12 | Xác định Thuế TNDN | | | 821 | 27,461,873 | |
| | | | | | | 3334 | | 27,461,873 |
| 31/12 | PKT 30 | 31/12 | K/C thuế TNDN | | | 911 | 27,461,873 | |
| | | | | | | 821 | | 27,461,873 |
| 31/12 | PKT 31 | 31/12 | K/C Lãi | | | 911 | 82,385,618 | |
| | | | | | | 421 | | 82,385,618 |
| | | | Số chuyển sang trang sau | x | x | x | 108,719,852,155 | 108,719,852,155 |

Biểu 2.40: Trích sổ Nhật ký chung

Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

Công ty TNHH Đệm mút Ngọc Sơn

Khu CN Quán Trữ - Kiên An – Hải Phòng

SỔ CÁI

Năm 2012

Tài khoản 821 – Chi phí thuế TNDN

Đơn vị tính: Đồng

| CHỨNG TỪ | | DIỄN GIẢI | SHTK | PHÁT SINH | |
|----------|-------|--------------------------|------|------------|------------|
| Số hiệu | NT | | | Nợ | Có |
| | | Số dư đầu kỳ | | | |
| | | Số phát sinh | | | |
| PKT 29 | 31/12 | Xác định thuế TNDN | 3334 | 27,461,873 | |
| PKT 30 | 31/12 | Kết chuyển thuế TNDN | 911 | | 27,461,873 |
| | | | | | |
| | | Cộng số phát sinh | | 27,461,873 | 27,461,873 |
| | | Số dư cuối kỳ | | | |

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc

Biểu 2.41: Trích sổ cái TK 821

Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

Công ty TNHH Đệm mút Ngọc Sơn

Khu CN Quán Trữ - Kiến An – Hải Phòng

SỔ CÁI

Năm 2012

Tài khoản 421 – Lợi nhuận chưa phân phối

Đơn vị tính: Đồng

| CHỨNG TỪ | | DIỄN GIẢI | SHTK | PHÁT SINH | |
|----------|-------|-------------------------------------|------|------------|-------------|
| Số hiệu | NT | | | Nợ | Có |
| | | Số dư đầu kỳ | | | 156,371,795 |
| | | Số phát sinh | | | |
| | | | | ... | ... |
| PKT 31 | 31/12 | K/c lãi | 911 | | 82,385,618 |
| PKT 32 | 31/12 | Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi | 353 | 35,000,000 | |
| | | ... | | ... | ... |
| | | Cộng số phát sinh | | 42,275,000 | 82,385,618 |
| | | Số dư cuối kỳ | | | 196,482,413 |

Ngày 31.tháng 12.năm 2012

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc

Biểu 2.42: Trích sổ cái TK 421

Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

Công ty TNHH Đệm mút Ngọc Sơn

Khu CN Quán Trữ - Kiên An – Hải Phòng

SỔ CÁI

Năm 2012

Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh

Đơn vị tính: Đồng

| CHỨNG TỪ | | DIỄN GIẢI | SHTK | PHÁT SINH | |
|----------|-------|-------------------------------|------|----------------|----------------|
| Số hiệu | NT | | | Nợ | Có |
| | | Số dư đầu kỳ | | | |
| | | Số phát sinh | | | |
| PKT 21 | 31/12 | Kết chuyển doanh thu thuần | 511 | | 11,949,233,550 |
| PKT 22 | 31/12 | Kết chuyển giá vốn hàng bán | 632 | 10,917,991,188 | |
| PKT 23 | 31/12 | Kết chuyển chi phí bán hàng | 641 | 203,176,172 | |
| PKT 24 | 31/12 | Kết chuyển chi phí quản lý DN | 642 | 525,775,060 | |
| PKT 25 | 31/12 | Kết chuyển doanh thu HĐ TC | 515 | | 11,364,013 |
| PKT 26 | 31/12 | Kết chuyển chi phí tài chính | 635 | 218,439,380 | |
| PKT 27 | 31/12 | Kết chuyển thu nhập khác | 711 | | 30,246,512 |
| PKT 28 | 31/12 | Kết chuyển chi phí khác | 811 | 15,614,784 | |
| PKT 30 | 31/12 | Kết chuyển chi phí thuế TNDN | 821 | 27,461,873 | |
| PKT 31 | 31/12 | Kết chuyển lãi | 421 | 82,385,618 | |
| | | Cộng số phát sinh | | 11,990,844,075 | 11,990,844,075 |
| | | Số dư cuối kỳ | | | |

Ngày 31.tháng 12.năm 2012

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc

Biểu 2.43: Trích sổ cái TK 911

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Năm 2012

Người nộp thuế : CÔNG TY TNHH ĐỆM MÚT NGỌC SƠN

Địa chỉ trụ sở: Cụm 6 Khu Công nghiệp Quán trữ

Quận, huyện: Kiến An

Điện thoại

Email

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

| STT | Chỉ tiêu | Số năm nay | Số năm trước |
|-----|--|----------------|----------------|
| 1 | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 11,949,233,550 | 11,072,593,143 |
| 2 | Các khoản giảm trừ doanh thu | | |
| 3 | Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=1- 2) | 11,949,233,550 | 11,072,593,143 |
| 4 | Giá vốn hàng bán | 10,917,991,188 | 10,419,030,429 |
| 5 | Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11) | 1,031,242,362 | 653,562,714 |
| 6 | Doanh thu hoạt động tài chính | 11,364,013 | 2,642,156 |
| 7 | Chi phí tài chính | 218,439,380 | 113,375,154 |
| | Trong đó : chi phí lãi vay | 218,439,380 | 113,375,154 |
| 8 | Chi phí bán hàng | 203,176,172 | 156,421,784 |
| 9 | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 525,775,060 | 302,521,496 |
| 10 | Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25)) | 95,215,763 | 83,886,436 |
| 11 | Thu nhập khác | 30,246,512 | 26,073,500 |
| 12 | Chi phí khác | 15,614,784 | 12,625,413 |
| 13 | Lợi nhuận khác (40=31-32) | 14,631,728 | 13,448,087 |
| 14 | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40) | 109,847,491 | 97,334,523 |
| 15 | Chi phí thuế TNDN hiện hành | 27,461,873 | 24,333,631 |
| 16 | Chi phí thuế TNDN hoãn lại | | |
| 17 | Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52) | 82,385,618 | 73,000,892 |
| 18 | Lãi cơ bản trên cổ phiếu | | |

Ngày 27 tháng 3 năm 2013

Người lập biểu
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Đã ký)

Giám đốc
(Đã ký)

Biểu 2.44: Trích Báo cáo kết quả kinh doanh

CHƯƠNG 3.

HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH ĐỆM MÚT NGỌC SƠN

3.1. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG CHUNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN NÓI CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH ĐỆM MÚT NGỌC SƠN

Công ty TNHH Đệm mút Ngọc Sơn tuy là một doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ nhưng cũng có chỗ đứng nhất định trên thị trường, có những chuyển biến tích cực trong hoạt động kinh doanh.

Trong nền kinh tế thị trường đang diễn ra gay gắt giữa các thành phần kinh tế, các lĩnh vực kinh tế khác nhau, nhiều doanh nghiệp làm ăn thua lỗ dẫn đến phá sản, giải thể. Do nhận thức kịp thời chuyển động của nền kinh tế và phân tích đúng đắn nhu cầu của thị trường, doanh nghiệp đã có những phương hướng, những giải pháp kinh tế hiệu quả khắc phục những khó khăn và phát huy những thế mạnh mà doanh nghiệp đang có để bắt kịp được với sự phát triển của nền kinh tế đất nước.

Doanh nghiệp đã đẩy mạnh tìm kiếm thị trường tiêu thụ, mở rộng hoạt động kinh doanh, cải thiện điều kiện làm việc cho cán bộ công nhân viên. Doanh thu bán hàng của doanh nghiệp liên tục tăng. Doanh nghiệp tồn tại và phát triển được là do sự vươn lên không ngừng đổi mới của doanh nghiệp mà trước hết là do sự năng động sáng tạo của ban giám đốc, của bộ máy tổ chức công ty và sự đoàn kết đồng lòng của cán bộ công nhân viên.

Qua thời gian thực tập và tìm hiểu về công ty, được tiếp xúc với thực tế công tác quản lý kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng, cùng với sự giúp đỡ của công ty và các cô chú phòng kế toán đã tạo điều kiện cho em thực tập và làm quen với thực tế, củng cố thêm kiến thức đã học trong nhà trường. Qua đây, em cũng xin mạnh dạn đưa ra một số ý

kiến nhận xét và kiến nghị về công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại công ty.

3.1.1. Ưu điểm

*) **Thứ nhất:** Về bộ máy quản lý.

Công ty TNHH Đệm nút Ngọc Sơn tổ chức bộ máy quản lý theo mô hình trực tuyến, gọn nhẹ, linh hoạt nên rất hiệu quả. Mọi hoạt động của doanh nghiệp đều do Giám đốc trực tiếp điều hành, quản lý và chịu trách nhiệm.

*) **Thứ hai:** Về bộ máy kế toán.

Bộ máy kế toán của doanh nghiệp được tổ chức phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, phản ánh đầy đủ nội dung hạch toán, đáp ứng yêu cầu công tác quản lý.

*) **Thứ ba:** Về hình thức kế toán.

Doanh nghiệp hiện nay đang áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung và áp dụng theo quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ tài chính. Việc áp dụng hình thức Nhật ký chung có ưu điểm là mẫu sổ đơn giản, dễ làm, dễ đối chiếu, dễ kiểm tra, thuận tiện cho phân công công việc trong phòng kế toán, từ đó giúp kế toán trưởng nắm bắt được chi tiết, nhanh chóng kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

*) **Thứ tư:** Về sổ sách.

- Sổ sách Công ty áp dụng để ghi chép số liệu của quá trình hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là hợp lý, vừa đảm bảo tính chính xác, khoa học đồng thời đảm bảo tính đơn giản, dễ dàng cho việc kiểm tra, đối chiếu khi cần

*) **Thứ năm:** Về trang thiết bị

Công ty đã định hướng đúng đắn và có những phương pháp cải tiến kỹ thuật phù hợp trong từng giai đoạn, mua sắm trang thiết bị hiện đại, góp phần nâng cao hiệu quả lao động, cải tiến để đáp ứng những nhu cầu của thị trường

*) **Thứ sáu:** Về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Nhìn chung công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty đã cung cấp thông tin trung thực và đầy đủ. Từ đó giúp cho các nhà quản lý đưa ra được quyết định đúng đắn, phù hợp với điều kiện thực tế của công ty

- Về công tác kế toán doanh thu: Việc hạch toán doanh thu về cơ bản là thực hiện đúng nguyên tắc, chế độ hiện hành. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến bán hàng đều được phản ánh kịp thời, chính xác. Từ đó giúp cho kết quả kinh doanh được xác định một cách hợp lý

- Về công tác kế toán chi phí: Mọi chi phí phát sinh trong công ty đã phần được quản lý chặt chẽ, đảm bảo tính hợp lý và cần thiết

- Về công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh: công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty đã phần nào đáp ứng được yêu cầu của nhà quản lý về việc cung cấp thông tin một cách kịp thời và trung thực tình hình kinh doanh tại công ty

3.1.2. Nhược điểm

Bên cạnh những ưu điểm về bộ máy quản lý, bộ máy kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng thì doanh nghiệp còn một số mặt hạn chế nhất định mà cần phải khắc phục:

*) **Thứ nhất:** Về việc quản lý chi phí: Đối với chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp: Hiện công ty chưa quy định mức phí rõ ràng đối với các khoản chi phí như chi phí tiếp khách, chi công tác... nên chưa hạn chế được các khoản chi phí này một cách tối đa nhất.

*) **Thứ hai:** Kế toán chỉ mở sổ theo dõi tình hình công nợ, chứ không mở Sổ chi tiết thanh toán với người mua (người bán) và Bảng tổng hợp chi tiết thanh toán với người mua (người bán). Điều này khiến kế toán gặp khó khăn trong việc theo dõi tình hình công nợ của khách hàng đối với doanh nghiệp cũng như công nợ

của doanh nghiệp đối với nhà cung cấp. Cũng từ đó, ban lãnh đạo doanh nghiệp chưa nắm bắt kịp thời được tình hình nợ phải thu hoặc nợ phải trả của doanh nghiệp như thế nào để từ đó đề ra các chính sách, các giải pháp phù hợp

*) **Thứ ba:** Chính sách ưu đãi trong tiêu thụ hàng hóa, thành phẩm: Trong quá trình tiêu thụ, chiến lược kinh doanh đóng một vai trò hết sức quan trọng. Nó sẽ tạo ra sức hấp dẫn rất lớn lôi cuốn khách hàng là muốn tiêu dùng những sản phẩm có thương hiệu tốt trên thị trường và được hưởng nhiều ưu đãi. Chính vì vậy, việc không áp dụng những ưu đãi về chiết khấu thanh toán cho những khách hàng thanh toán mua hàng, thanh toán sớm so với thời gian ghi trên hợp đồng và chiết khấu thương mại cho những khách hàng mua với số lượng lớn sẽ làm giảm số lượng khách hàng không nhỏ trong tiêu thụ hàng hóa, thành phẩm của công ty, dẫn đến làm giảm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ. Không có chính sách khuyến mãi khách hàng sẽ chậm thanh toán làm cho dòng vốn không được quay vòng nhanh.

*) **Thứ tư:** Về việc lập dự phòng nợ phải thu khó đòi: Đối với công ty chủ yếu là bán hàng theo phương thức bán chậm trả mà không lập dự phòng phải thu khó đòi sẽ dẫn đến tình trạng là đến thời điểm các khoản nợ này được liệt vào các khoản nợ phải được xử lý thì Công ty sẽ mất đi một khoản vốn kinh doanh đột ngột mà do không lập dự phòng nên sẽ không có gì để bù đắp vào khoản vốn bị mất ấy, từ đó sẽ dẫn đến tình trạng Công ty bị thiếu hụt vốn kinh doanh. Đây là một điều không tốt đối với bất kỳ một doanh nghiệp nào đặc biệt là doanh nghiệp có kinh doanh thương mại nơi mà nguồn vốn kinh doanh nắm giữ một vai trò vô cùng quan trọng.

*) **Thứ năm:** Hiện nay công ty TNHH Đệm mút Ngọc Sơn đã áp dụng máy vi tính vào công tác hạch toán kế toán nhưng lại không sử dụng phần mềm kế toán nào. Hệ thống sổ sách và trình tự ghi sổ tại doanh nghiệp mới chỉ được xây dựng trên chương trình Word, Excel và việc ghi chép còn rất thủ công. Trong

khi đó hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp ngày càng được mở rộng, nghiệp vụ kinh tế phát sinh ngày càng nhiều khiến kế toán phải đảm nhiệm một khối lượng công việc lớn, mất khá nhiều thời gian, đôi khi dẫn đến sai lệch hay nhầm lẫn số liệu. Việc áp dụng kế toán máy sẽ đảm bảo thống nhất đồng bộ hệ thống không chỉ riêng ở bộ phận kế toán. Do đó, nếu doanh nghiệp có sử dụng máy vi tính nhưng không tận dụng được hết sẽ gây lãng phí, giảm hiệu quả của việc áp dụng máy vi tính vào công tác kế toán.

*) **Thứ sáu:** Hiện nay internet là một công cụ liên kết nhanh và tìm kiếm rất hiệu quả nhưng công ty vẫn chưa có mạng máy tính nội bộ. Vì vậy, bất cứ khi nào giám đốc hoặc các bộ phận khác cần các thông tin từ phòng kế toán, đều phải đến phòng kế toán để lấy số liệu. Việc này gây mất thời gian cho người cần thông tin, làm ảnh hưởng đến tiến độ công việc chung.

3.2. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH ĐỆM MÚT NGỌC SƠN

3.2.1. Tính tất yếu phải hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Đệm mút Ngọc Sơn

Trong cơ chế thị trường cạnh tranh ngày càng gay gắt như hiện nay thì mỗi doanh nghiệp phải lập ra được kế hoạch kinh doanh riêng cho mình để có thể duy trì và phát triển hoạt động kinh doanh của mình. Muốn vậy, trước hết Công ty phải hoàn thiện đôi mới không ngừng công tác kế toán sao cho phù hợp với yêu cầu quản lý trong nền kinh tế thị trường như hiện nay vì kế toán là bộ máy quản lý kinh tế của công ty. Thông qua việc ghi chép, tổng hợp các nghiệp vụ kinh tế phát sinh hàng ngày bằng phương pháp khoa học, có thể biết được những thông tin một cách chính xác, kịp thời, đầy đủ về vận động tài sản và nguồn hình thành tài sản, góp phần bảo vệ và sử dụng hợp lý tài sản của doanh nghiệp. Thực hiện tốt công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh ở

công ty sẽ cung cấp thông tin kịp thời, trung thực, đầy đủ giúp lãnh đạo doanh nghiệp thấy được thực tế hoạt động kinh doanh của công ty mình như thế nào, những mặt mạnh, mặt yếu để từ đó có phương hướng phát triển.

Điều quan trọng đối với các doanh nghiệp là làm thế nào quản lý tốt chi phí để từ đó duy trì hoạt động kinh doanh của mình, nâng cao lợi nhuận, cũng như giảm giá thành để thu hút nhiều khách hàng hơn. Để đạt được điều đó thì kế toán công ty phải hoàn thiện tốt công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Vì thế việc hoàn thiện công tác kế toán này trở nên hết sức cần thiết.

3.2.2. Nguyên tắc của việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Đệm nút Ngọc Sơn

Để đáp ứng yêu cầu quản lý về hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp ngày càng cao thì việc hạch toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh ở công ty TNHH Đệm nút Ngọc Sơn phải dựa trên những nguyên tắc sau:

- Phải tuân thủ hệ thống kế toán , chế độ kế toán do Nhà nước ban hành nhưng không cứng nhắc mà linh hoạt để phù hợp với đặc điểm , tình hình kinh doanh của công ty
- Hoàn thiện phải trên cơ sở phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty. Việc vận dụng hệ thống, chế độ, thể lệ tài chính kế toán trong doanh nghiệp phải hợp lý, sáng tạo, phù hợp với đặc điểm riêng của doanh nghiệp
- Hoàn thiện trên cơ sở thông tin phải nhanh chóng, kịp thời , chính xác , phù hợp với yêu cầu quản lý của doanh nghiệp, giúp người quản lý nắm bắt tình hình sản xuất kinh doanh từ đó có quyết định đúng đắn nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh toàn doanh nghiệp
- Hoàn thiện trên cơ sở tiết kiệm chi phí nhằm đạt được hiệu quả tốt nhất

3.2.3. Một số kiến đề nghị hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Đệm nút Ngọc Sơn

Qua quá trình thực tập tại công ty TNHH Đệm mút Ngọc Sơn, trên cơ sở tìm hiểu, nắm vững tình hình thực tế cũng như vấn đề lý luận đã được học, em nhận thấy công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh của công ty vẫn còn những hạn chế. Qua đó, em xin mạnh dạn đưa ra một số kiến nghị để hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Đệm mút Ngọc Sơn

3.2.3.1. Đối với chi phí quản lý doanh nghiệp

- Hạch toán đúng tài khoản: Việc hạch toán không đúng tài khoản sẽ dẫn đến việc theo dõi hoạt động kinh doanh không được chính xác của doanh nghiệp. Đối với các khoản chi phí, khi hạch toán không phù hợp với chế độ kế toán hiện hành dẫn tới nhầm lẫn giữa các loại chi phí làm cho việc quản lý chi phí kém hiệu quả. Để tăng cường công tác quản lý chi phí kinh doanh, công ty cần sử dụng đúng tài khoản theo chế độ quy định hiện hành.

Ví dụ minh họa :

1, Ngày 13/12/2012, doanh nghiệp chuyển tiền tại ngân hàng BIDV, phí chuyển tiền là 10,000đ

Kế toán định khoản:

Nợ TK 635: 10,000

Có TK 112: 10,000

Kiến nghị định khoản:

Nợ TK 642 : 10,000

Có TK 112: 10,000

2, *Nhìn lại sổ cái TK 641*

Ngày 22/12: Thanh toán chi tiếp khách Trung quốc của anh Bách số tiền 3.650.000 đ

Kế toán định khoản:

Nợ Tk 641: 3.650.000

Nợ TK 133: 365.000

Có TK 111: 4.015.000

Kiến nghị định khoản:

Nợ TK 642: 3.650.000

Nợ TK 133: 365.000

Có TK 111: 4.015.000

- Công ty nên mở chi tiết các tài khoản chi phí, điều đó sẽ giúp công ty dễ dàng theo dõi một cách chi tiết các khoản chi phí phát sinh trong kì kế toán. Từ đó , giúp nhà quản trị có thể thấy được những chi phí nào phát sinh trong nhiều, vượt quá mức để có thể đưa ra những giải pháp kịp thời giúp tiết kiệm chi phí một cách hiệu quả, tránh lãng phí

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: Công ty TNHH Đệm mút Ngọc Sơn

Địa chỉ: Khu CN Quán Trữ

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

Năm 2012

- Tài khoản: 642

Loại tiền: VNĐ

| NT GS | Chứng từ | | Diễn giải | TK đối ứng | Ghi nợ TK 642 | | | | | |
|----------|---------------|---------------|------------------------------|------------------|---------------|-------------|-----|-----|------------|-----------|
| | Số hiệu | Ngày tháng | | | Tổng tiền | 6421 | ... | ... | 6427 | 6428 |
| A | B | C | D | E | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
| | | | - Số dư đầu kỳ | | | | | | | |
| | | | - Số phát sinh trong kỳ | | | | | | | |
| 1/12 | PC 2/12 | 1/12 | Thanh toán tiền Internet | 111 | 142,521 | | | | 142,521 | |
| 17/12 | BTT LT 11 | 17/12 | Trả lương CNV T11 | 334 | 42,745,231 | 42,745,231 | | | | |
| | | | ... | | ... | | ... | | ... | |
| 22/12 | HD 144/142 | 22/12 | Chi tiếp khách anh Bách | 111 | 3,650,000 | | | | | 3,650,000 |
| | | | - Cộng số phát sinh trong kỳ | x | 525,775,060 | 402,012,017 | ... | ... | 65,265,339 | ... |
| | | | - Số dư cuối kỳ | x | | | | | | |

- Sổ này cótrang, đánh số từ trang 01 đến trang

- Ngày mở sổ:

Người ghi sổ
(Đã ký)

Ngày tháng năm

Kế toán trưởng
(Đã ký)

Biểu 3.1: Trích sổ chi phí sản xuất kinh doanh

3.2.3.2 Trích lập dự phòng phải thu khó đòi

Để đề phòng những tổn thất do những khoản nợ phải thu khó đòi đem lại công ty nên lập dự phòng phải thu khó đòi và mở TK 139 “dự phòng phải thu khó đòi”. Lập dự phòng phải thu khó đòi là việc doanh nghiệp tính trước vào chi phí của doanh nghiệp một khoản chi, để khi có các khoản nợ khó đòi, không đòi được thì tình hình tài chính của doanh nghiệp không bị ảnh hưởng. Việc lập dự phòng phải thu khó đòi được thực hiện vào cuối niên độ kế toán, trước khi lập báo cáo kế toán tài chính. Mức lập dự phòng đối với nợ phải thu khó đòi và việc xử lý xóa nợ phải thu khó đòi phải theo chế độ tài chính hiện hành và được tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp theo định khoản:

Nợ TK 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Có TK 139: Trích lập dự phòng phải thu khó đòi

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, theo thông tư số 228/2009 của Bộ tài chính, ta có mức trích lập dự phòng như sau:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm
- Tổng mức dự phòng các khoản phải thu khó đòi không quá 20% tổng số phải thu của doanh nghiệp tại thời điểm lập báo cáo tài chính cuối năm

Sau khi phải lập dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi công ty phải tổng hợp toàn bộ khoản dự phòng cho các khoản nợ vào bảng kê chi tiết làm căn cứ để tính toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp. Các khoản phải thu khó đòi được theo dõi trên TK 139

Đối với nợ phải thu chưa đến hạn nhưng khách hàng nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc làm thủ tục giải thể, bị cơ quan pháp luật truy tố... thì công ty dự kiến mức tổn thất không thu hồi được để trích lập dự phòng. Theo quy định hiện hành thì các khoản phải thu khó đòi phải có các bằng chứng sau:

- Số tiền phải thu theo dõi được cho từng đối tượng, theo từng nội dung, từng khoản nợ, trong đó ghi rõ số nợ phải thu khó đòi
- Phải có chứng từ gốc hoặc giấy xác nhận của khách nợ về số tiền còn nợ chưa trả bao gồm: hợp đồng kinh tế, kế ước vay nợ...

Căn cứ để ghi nhận nợ là 1 khoản phải thu khó đòi là:

- Nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn không được

- Nợ phải thu chưa đến hạn nhưng khách hàng nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc làm thủ tục giải thể, bị cơ quan pháp luật truy tố, mất tích, bỏ trốn...

Cuối kỳ kế toán, công ty căn cứ vào các khoản nợ phải thu được xác định chắc chắn không thu được, kế toán tiến hành và trích lập dự phòng phải thu khó đòi

Phương pháp xác định:

- Cách 1: Có thể ước tính một tỷ lệ nhất định trên tổng số bán chịu

Số dự phòng phải lập = Doanh số phải thu x Tỷ lệ ước tính

- Cách 2: Dựa trên tài liệu hạch toán chi tiết các khoản nợ phải thu của từng khách hàng, phân loại theo thời hạn thu nợ, các khách hàng quá hạn được xếp loại khách khó đòi, nghi ngờ. Doanh nghiệp cần thông báo cho khách hàng và trên cơ sở thông tin phản hồi từ khách hàng, kể cả bằng phương pháp xác minh để xác định số dự phòng cần lập theo số khả năng % mất

$$\begin{array}{l} \text{Dự phòng phải thu} \\ \text{khó đòi cần lập} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Nợ phải thu} \\ \text{khó đòi} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Số \% có khả} \\ \text{năng mất} \end{array}$$

Phương pháp hạch toán cụ thể như sau:

- Cuối kỳ kế toán căn cứ vào khoản nợ phải thu khó đòi, tính toán số dự phòng phải thu khó đòi cần phải trích lập. Nếu dự phòng năm nay lớn hơn dự phòng cuối niên độ trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch dự phòng cần phải trích lập thêm:

Nợ TK 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Có TK 139: Trích lập dự phòng phải thu khó đòi

- Nếu số dự phòng trích lập năm nay nhỏ hơn số dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập cuối niên độ trước chưa được sử dụng hết thì số chênh lệch được hoàn nhập, ghi giảm chi phí:

Nợ TK139: Trích lập dự phòng phải thu khó đòi

Có TK 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp

- Các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định thực sự không đòi được , được phép xóa nợ (theo quy định chế độ tài chính hiện hành). Căn cứ vào quyết định xóa nợ về khoản nợ phải thu khó đòi kế toán ghi:

Nợ TK 139: Dự phòng phải thu khó đòi

Nợ TK 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Có TK 131: Phải thu của khách hàng

Có TK 138: Phải thu khác

Đồng thời ghi :

Nợ TK 004: Nợ khó đòi đã xử lý

(để theo dõi thu nợ khi khách hàng có điều kiện trả nợ)

Đối với khoản phải thu khó đòi đã được xử lý xóa nợ, nếu sau một thời gian lại thu hồi được , kế toán ghi:

Nợ TK 111, 112

Có TK 711

Đồng thời ghi Có Tk 004: Nợ khó đòi đã xử lý

Ví dụ minh họa:

Dựa vào sổ theo dõi tình hình công nợ của công ty ta thấy, công ty CP Bình Minh nợ công ty số tiền 203.130.000 đ từ ngày 12/9/2011. Theo hợp đồng kinh tế hạn phải thanh toán là trong vòng 5 tháng. Đến 17/3/2012 phải thanh toán tiền cho công ty. Tuy nhiên đến cuối năm khoản nợ này vẫn chưa thu hồi được. Công

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

ty nên áp dụng theo quy định để trích lập dự phòng phải thu với khoản nợ này theo mức trích 30%.

Địa chỉ: Công ty TNHH Đệm mút Ngọc Sơn

Địa chỉ: Khu CN Quán Trữ, Kiên An

SỔ THEO DÕI TÌNH HÌNH CÔNG NỢ

Năm 2012

Đơn vị tính: đồng

| STT | Tên khách hàng | Mã số thuế | Công nợ đến hết 31/12/2012 | | Ghi chú |
|-----|---------------------------|-------------|----------------------------|---------------|---|
| | | | Dư nợ cuối kỳ | Dư có cuối kỳ | |
| | ... | ... | ... | ... | |
| 62 | Công ty TNHH Minh Thủy | 02007126544 | | 17.764.997 | Khách hàng đặt tiền trước |
| 63 | Công ty CPDV& TM Tín Phát | 0900221643 | 110.834.758 | | Đang chờ lệnh chuyển có của ngân hàng |
| 64 | Công ty CP Chiến Thắng | 0101178659 | | 35.500.000 | Khách hàng đặt tiền trước |
| 65 | Công ty CP Bình Minh | | 203.130.000 | | Phát sinh ngày 12/9 hạn thanh toán là 17/3, quá hạn 9 tháng |
| | Tổng cộng | | 140.663.895.768 | 1.435.866.986 | |

Ngày 31/12/2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(đã ký)

(đã ký)

(đã ký)

Biểu 3.2: Trích sổ theo dõi tình hình công nợ

Kế toán tiến hành định khoản:

Nợ TK 642: 60.939.000 (= 203.130.000*30%)

Có TK 139: 60.939.000

3.2.3.3 Chính sách chiết khấu thương mại và chiết khấu thanh toán

a, Chiết khấu thương mại:

Việc sử dụng chiết khấu thương mại sẽ giúp công ty khuyến khích khách hàng mua hàng với số lượng lớn, mở rộng thị trường tiêu thụ, tăng doanh thu, lợi nhuận. Tùy theo từng trường hợp phát sinh thực tế mà công ty áp dụng chính sách và chiết khấu thương mại cho phù hợp

+ Trường hợp người mua hàng nhiều lần mới đạt được lượng hàng mua được hưởng chiết khấu thì khoản chiết khấu thương mại này được ghi giảm trừ vào giá bán trên hóa đơn giá trị gia tăng hoặc hóa đơn bán hàng lần cuối cùng.

+ Trường hợp khách hàng không tiếp tục mua hàng, hoặc khi số chiết khấu thương mại của người mua được hưởng lớn hơn số tiền bán hàng được ghi trên hóa đơn cuối thì phải chi trả tiền chiết khấu thương mại cho người mua.

Khoản chiết khấu thương mại trong trường hợp này được hạch toán vào tài khoản 521

+ Trường hợp người mua hàng với khối lượng lớn được hưởng chiết khấu thương mại, giá bán phản ánh trên hóa đơn là giá đã giảm giá (đã trừ chiết khấu thương mại) thì khoản chiết khấu thương mại này không được hạch toán vào TK 521. Doanh thu bán hàng phản ánh theo giá đã trừ chiết khấu thương mại

Phương pháp hạch toán:

- Phản ánh chiết khấu thương mại cho khách hàng:

Nợ TK 521

Nợ TK 133

Có TK 131, 111, 112...

Cuối kỳ kết chuyển giảm trừ doanh thu:

Nợ TK 511

Có TK 521

b, Chiết khấu thanh toán:

Các khoản phải thu là một phần vốn bằng tiền bị chiếm dụng. Mà hiện nay, thực trạng các khoản phải thu của khách hàng tại công ty là rất lớn. Điều này gây khó khăn cho công ty trong các trường hợp cần gấp đến vốn. Vì vậy công ty nên sử dụng biện pháp chiết khấu thanh toán để khuyến khích khách hàng thanh toán sớm và nhanh hơn thời hạn trong hợp đồng hoặc là thanh toán ngay. Công ty nên:

- Mở sổ theo dõi chi tiết các khoản phải thu , thường xuyên đôn đốc để thu hồi nợ đúng hạn
- Có biện pháp phòng ngừa rủi ro khi không được thanh toán (yêu cầu đặt cọc, tạm ứng hoặc trả trước một phần giá trị đơn hàng...)
- Có chính sách bán chịu với từng khách hàng, khi bán chịu cho khách hàng phải xem xét kỹ khả năng thanh toán của khách hàng trên cơ sở hợp đồng kinh tế đã kí kết
- Có sự ràng buộc chặt chẽ trong hợp đồng bán hàng, nếu vượt quá thời gian thanh toán theo hợp đồng thì doanh nghiệp được thu lãi suất tương ứng với lãi suất quá hạn của ngân hàng. Cần có những quy định cụ thể trong việc thanh toán như áp dụng chặt chẽ thưởng phạt nghiêm minh, từ mềm mỏng đến cứng rắn để thu hồi nợ
- Áp dụng chiết khấu thanh toán cho khách hàng thường xuyên, có uy tín. Như vậy, công ty sẽ tránh khỏi tình trạng bị khách hàng chiếm dụng vốn, đồng thời làm tăng vòng quay của vốn giúp doanh nghiệp nâng cao hiệu quả kinh doanh. Căn cứ từng khách hàng thanh toán nợ mà công ty áp dụng mức chiết khấu theo thời gian. Cụ thể: mức chiết khấu thanh toán năm 2012 của công ty:

+ Khách hàng mua hàng và thanh toán trước thời hạn trả là $\frac{1}{2}$ thời gian trong hợp đồng sẽ được hưởng chiết khấu 1% trên tổng giá thanh toán

+ Khách hàng mua hàng và thanh toán trước thời hạn là $\frac{1}{4}$ thời gian trong hợp đồng

sẽ được hưởng chiết khấu 0.5 % trên tổng giá thanh toán

+ Khách hàng nợ quá hạn trong hợp đồng sẽ bị áp dụng mức lãi suất theo ngân hàng tại thời điểm tính kể từ khi quá hạn theo quy định của Ngân hàng nhà nước Việt Nam

Sau khi xác định mức chiết khấu hợp lý, công ty cần thực hiện việc ghi chép thông qua TK 635 “Chi phí tài chính”

Hàng tháng, kế toán căn cứ vào chứng từ ghi chép các khoản chiết khấu thanh toán dành cho từng khách hàng theo định khoản:

Nợ TK 635: Số tiền chiết khấu thanh toán cho người mua

Có TK 111,112,131: Tổng số tiền trả lại hoặc giảm nợ cho khách hàng

Nợ TK 911: Kết chuyển chiết khấu thanh toán

Có TK 635: Chiết khấu thanh toán

Ví dụ minh họa:

Ngày 3/12/2012 bán đệm lò xo cho công ty TNHH Hồng Hải với giá bán chưa thuế là 330.000.000, thuế VAT là 10%

Theo hợp đồng thỏa thuận giữa hai bên ký kết, công ty TNHH Hồng Hải được nợ công ty đến ngày 15/1/2013. Nhưng đến ngày 27/12/2012 công ty TNHH Hồng Hải đã thanh toán tiền hàng

Giả sử nếu áp dụng mức chiết khấu như trên thì công ty TNHH Hồng Hải được hưởng mức chiết khấu 1% trên tổng giá thanh toán 363.000.000

Công ty tiến hành định khoản:

Nợ TK 635: 3.630.000 (363.000.000* 1%)

Có TK 131: 3.630.000

Như thế Công ty TNHH Hồng Hải được hưởng chiết khấu thanh toán là 3.630.000đ

Số tiền công ty TNHH Đệm mút Ngọc Sơn thực thu là:

$$363.000.000 - 3.630.000 = 359.370.000$$

3.2.3.1.4: Kiến nghị khác

a, Đối với giá vốn hàng bán

- Công ty nên lập bảng chi tiết giá vốn hàng bán
- Công ty nên tìm các nguồn cung cấp vật liệu đầu vào có giá cả ổn định, hợp lý hơn nhằm giảm chi phí nguyên vật liệu đầu vào nhưng vẫn đảm bảo chất lượng tốt
- Tạo lập các mối quan hệ chặt chẽ với nhà cung cấp, ký hợp đồng lâu dài, các cam kết về bình ổn giá cả trong một thời gian nhất định

b, Đối với chi phí bán hàng

- Công ty nên quy định mức phí rõ ràng đối với các khoản chi phí như chi tiếp khách, chi công tác, điện thoại, điện nước... để tránh phát sinh những khoản chi không cần thiết, tiết kiệm chi phí một cách tối đa nhất. Theo định kỳ hoặc hàng năm, công ty cần phân tích, đánh giá lại tình hình quản lý, sử dụng chi phí.
- Tiết kiệm chi phí mua hàng: chi phí vận chuyển, bốc dỡ...

c, Về hệ thống sổ sách và ứng dụng khoa học kỹ thuật:

- Mẫu sổ cái không đúng so với hệ thống sổ sách kế toán do BTC ban hành
- Kiểm toán sổ sách thường xuyên: Sử dụng bên thứ 3 để thực hiện kiểm toán sổ sách của công ty ít nhất là 1 lần / năm. Điều này sẽ giúp cho việc quản lý chi phí tốt hơn, tránh tình trạng gian lận, biển thủ, làm thất thoát của công ty
- Về việc ứng dụng kỹ thuật vào công tác kế toán:
 - ✓ Công ty TNHH Đệm mút Ngọc Sơn tuy đã áp dụng máy vi tính vào công tác hạch toán kế toán nhưng lại không sử dụng phần mềm kế toán nào. Công ty cần đẩy mạnh hơn nữa việc áp dụng công nghệ thông tin. Cụ thể là áp dụng các

phần mềm kế toán máy vào trong công tác kế toán nhằm giảm chi phí và không tốn nhiều thời gian mà đạt hiệu quả cao, hoàn thành các báo cáo tài chính đúng thời gian quy định, không sai sót gây thiệt hại cho công ty. Song song với đó là việc đào tạo nhân viên sử dụng thành thạo vi tính văn phòng và thích ứng với phần mềm kế toán, từ đó giúp ban lãnh đạo có thông tin một cách chính xác để ra quyết định quản trị đúng và phù hợp với tình hình nền kinh tế hiện tại, việc áp dụng phần mềm kế toán là vô cùng cần thiết giúp ban lãnh đạo quản lý được chặt chẽ, kiểm soát được toàn bộ hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp của công ty mình. Tuy cũng phải bỏ ra một lượng vốn nhất định nhưng so với những chi phí phải bỏ ra thì đây là một cách sử dụng đồng vốn một cách hiệu quả.

Hiện nay, có rất nhiều phần mềm kế toán như phần mềm kế toán MISA, FAST, ESOFT... . Khi sử dụng các phần mềm kế toán này, máy sẽ tự động chạy tất cả các số liệu vào các sổ sách kế toán có liên quan. Đến cuối quý, kế toán lập phiếu kế toán và kết chuyển. Từ đó lập nên các báo cáo tài chính

✓ Ngoài ra việc sử dụng mạng nội bộ là hoàn toàn phù hợp với công ty để tiện cho việc quản lý cũng như không tốn kém thời gian đi lại, để hệ thống kế toán vận hành tốt nhất

KẾT LUẬN

Hoạt động sản xuất kinh doanh đem lại lợi nhuận cao là mong đợi của tất cả các doanh nghiệp nói chung và công ty TNHH Đệm mút Ngọc Sơn nói riêng. Sự thành công của doanh nghiệp luôn gắn liền với những giải pháp đúng đắn, biết tìm hiểu và nghiên cứu thị trường, đánh giá được đúng khả năng hiện có của mình, đồng thời quản lý chi phí một cách tối đa nhất.

Đề tài khoá luận “ **Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Đệm mút Ngọc Sơn**” đã hoàn thành và khái quát được một số vấn đề sau:

- Về mặt lý luận: Đề tài đã hệ thống hóa được lý luận chung về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp: nguyên tắc hạch toán, phương pháp hạch toán, tài khoản sử dụng trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cũng như các hình thức kế toán áp dụng trong doanh nghiệp theo quyết định số 15/2006/QĐ – BTC ban hành ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng bộ tài chính

- Về mặt thực tiễn: Đề tài đã mô tả và phân tích thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh năm 2012 tại công ty TNHH Đệm mút Ngọc Sơn theo chế độ kế toán ban hành theo quyết định 15/2006 QĐ- BTC ngày 26/3/2006 của Bộ tài chính và các văn bản sửa đổi, bổ sung thông qua việc:

+ Phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty

+ Tổng hợp số liệu, sổ sách, kết chuyển và báo cáo kết quả kinh doanh trong năm

Trên cơ sở tìm hiểu thực tiễn, đề tài đưa ra một số kiến nghị đóng góp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Đệm mút Ngọc Sơn như sau:

- Đối với chi phí quản lý doanh nghiệp

- Công ty nên mở chi tiết các tài khoản chi phí, điều đó sẽ giúp công ty dễ dàng theo dõi một cách chi tiết các khoản chi phí phát sinh trong kì kế toán. Từ đó , giúp nhà quản trị có thể thấy được những chi phí nào phát sinh trong nhiều, vượt quá mức để có thể đưa ra những giải pháp kịp thời giúp tiết kiệm chi phí một cách hiệu quả, tránh lãng phí

- Việc hạch toán không đúng tài khoản sẽ dẫn đến việc theo dõi hoạt động kinh doanh không được chính xác của doanh nghiệp. Đối với các khoản chi phí, khi hạch toán không chính xác, nhầm lẫn giữa các loại chi phí. Để tăng cường công tác quản lý chi phí kinh doanh, công ty cần sử dụng đúng tài khoản theo chế độ quy định

- Trích lập dự phòng phải thu khó đòi

Các khoản phải thu là yếu tố giữ vai trò quan trọng, để đề phòng những tổn thất do những khoản nợ phải thu khó đòi đem lại và hạn chế đến mức tối thiểu những đột biến về kết quả kinh doanh trong kỳ cũng như tình hình tài chính, công ty nên mở TK 139 “dự phòng phải thu khó đòi” theo thông tư số 228/2009 của Bộ tài chính.

- Chính sách chiết khấu thương mại và chiết khấu thanh toán

- *Chiết khấu thương mại:*

Việc sử dụng chiết khấu thương mại sẽ giúp công ty khuyến khích khách hàng mua hàng với số lượng lớn, mở rộng thị trường tiêu thụ, tăng doanh thu, lợi nhuận . Tùy theo từng trường hợp phát sinh thực tế mà công ty áp dụng chính sách và chiết khấu thương mại cho phù hợp

- *Đối với chi phí bán hàng:*

Hiện công ty chưa có các chính sách ưu đãi đối với khách hàng. Thông qua chính sách chiết khấu thanh toán và chiết khấu thương mại nhằm tăng cường

công tác thu hồi nợ của khách hàng cũng như kích thích nhu cầu tiêu thụ của khách hàng đối với sản phẩm của công ty

- Về hệ thống sổ sách và ứng dụng khoa học kỹ thuật:

Công ty cũng nên lưu ý vài biện pháp như áp dụng phần mềm kế toán máy, mạng nội bộ, kiểm tra sổ sách thường xuyên...

Trên đây là toàn bộ nội dung đề tài khoá luận “ **Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Đệm mút Ngọc Sơn**”

Do kiến thức thực tế của bản thân còn hạn chế, cộng với thời gian nghiên cứu có hạn nên đề tài của em không tránh được những thiếu sót. Vì vậy, em rất mong được sự chỉ bảo, đóng góp ý kiến của các thầy cô giáo để đề tài của em được hoàn thiện hơn

Hải Phòng, tháng 6 năm 2013

Chủ nhiệm đề tài

Ngô Thị Lan Anh

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lý thuyết và thực hành kế toán tài chính VAT – TS.Nguyễn Văn Công.
2. Hướng dẫn thực hành chế độ kế toán mới – TS.Võ Văn Nhị.
3. Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 1) – Hệ thống tài khoản kế toán – Nhà xuất bản tài chính.
4. Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 2) – Báo cáo tài chính, chứng từ và sổ sách kế toán, sơ đồ kế toán – Nhà xuất bản tài chính.
5. Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt nam.
6. Giáo trình kế toán tài chính trong các doanh nghiệp – GS.TS Đặng Thị Loan, NXB Đại học kinh tế quốc dân.
7. Tài liệu, sổ sách kế toán do Công ty TNHH Đệm mút Ngọc Sơn cung cấp, và một số tài liệu trước đã tìm hiểu và nghiên cứu đề án kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại doanh nghiệp